

AN - LAC

Tạp chí : ra ngày 1 và ngày 15 mỗi tháng

Tiếng nói của giới Tăng-Sinh

Quản - Nhiệm

ĐẠI - ĐỨC THÍCH - THÔNG - BỬU

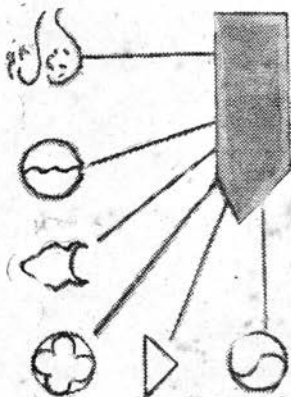
Tòa soạn : Chùa Quán-thế-Âm 68 Nguyễn-Hiệ Phủ-Nhượng



Số 10

ra ngày

15-4-1967



MỤC LỤC

- | | |
|---|----------------------|
| 4. Oai | Đ.Đ. THÔNG-BỬU |
| 7. Nhớ về xứ Quảng (thơ) | LONG NGA |
| 9. VNPG Sử lược | T.T.MẬT THỀ |
| 14. Một kỷ nguyên mới của
Đế Quốc Phù Tang | THỂ LAN |
| 19. Văn nghệ sĩ và cuộc đời | G.S. NG. VĂN HÀM |
| 24. Ngành sơn Dầu VN | NGUYỄN QUANG |
| 30. Suối Tam Đạp | AN DI |
| 38. Tiếng buồn trong đêm | PHƯƠNG NGỌC |
| 41. Khóc Mẹ (thơ) | LÊ SƠN TÔNG |
| 43. Một ngôi chùa thôn quê
Nhật Bản | Đ.Đ. THÍCH VIÊN DUNG |
| 49. Năm mới nói chuyện
người Hoa Kỳ | NGUYỄN QUANG |
| 57. Bài cát | MINH DŨNG |
| 63. Tam vô | TRƯƠNG THIỆN |
| 68. Ngày thất nghiệp | HOÀI ĐỨC HẠNH |
| 80. Trá đây vùng yên tĩnh (thơ) | PHƯƠNG ĐÀI |
| 81. Bóng linh hồn | T.T. KIẾT |
| 89. Nói đi em (thơ) | MACTHENHAN |

MÙA PHẬT ĐẢN

2511



Các Tự Viện và Phật Tử trong toàn quốc cần in cờ giấy để trang hoàn cho mùa **PHẬT ĐẢN 2511**.

Xin gửi thư về «**Ấn quán Phổ-Đà-sơn** (nhà in của Phật giáo).

*Địa chỉ : Chùa QUÁN-THẾ-ÂM
68, Nguyễn-Huệ Phú-nhuận Saigon*

- * Quý vị sẽ được hưởng một giá rẻ đặc biệt.
- * Riêng ĐÀ-NẴNG, HUẾ và các đơn vị-TUYÊN ÚY PHẬT-GIÁO lại còn hưởng thêm một đặc ân : «TRƯ BA MƯƠI

PHẦN TRĂM» (so với tỷ-lệ của các nơi khác).

Cờ in trên giấy và mực ngoại quốc - Giao tận địa phương, In rất đẹp và nhanh chóng.

OAI

NGUỜI dân của thế hệ QUẢNG ĐỨC này, ngồi trong lửa họ còn chẳng thấy nóng, huống chi là oai, hơn nữa với cái thời đại khoa học, ở một chỗ bấm nút đã thấy và nghe rõ tin tức năm châu, em bé mười ba mười bốn tuổi đã đọc được các loại báo, Anh, Pháp, Mỹ...

Thế mà có một vài số người tưởng bở, cứ cho mình đây là anh hùng mượn vài cái râu hùm cắm vào mép, rồi cũng giả bộ rống lên tiếng cộc đề hồng lửa bịp dân đen, dọa nạt mấy bà già trẻu và ra oai với bọn con nít — xưa lắm, cũ lắm rồi ở mấy cái anh chàng cô nàng ngủ gục. Dân chúng ngày nay tiến bộ lắm, tà chánh người ta thấy rất rõ, không phải đem cục đất rồi đập đánh người ta, bắt người ta phải vâng dạ là củ khoai theo ý các anh đâu. Cục đất là cục đất, ông táo là đội nồi cơm, chớ đừng gạt gẫm người ta, bao rằng: «đó là thần táo thiêng nếu không lễ lạy rước đưa thì cục đất thiêng (ông táo) kia sẽ bắt nóng

mình phải cúng chè» (tục đưa rước ông táo đã hết hiệu nghiệm). Hơn nữa nếu oai mà của mình thực thì không nói gì, đang này mình lại đi mượn oai người khác thì cái oai ấy thiết nghĩ không ai phục, nếu có đi chẳng nữa là một vài bà già trâu nhà quê thất học nói chữ «oai» không được nên mấy bà phải nói là quai — quai đó là loại quai nôi, quai chảo, mà khổ hại là loại quai chảo mượn đem về rất vào cái niêu đất, thì ôi thôi khi bung lên nó sẽ sút quai. Oai đâu không thấy càng làm trò con khỉ, càng ló đuôi chồn, mua cười cho thiên hạ, ghi thêm vào trang sử một điểm ô nhục đáng buồn.

o o o

Viết loại bài này với mục đích nhấn hiện tại và thức tỉnh hậu lai, nếu ai muốn có oai thì phải lo tu hành tinh tấn, bỏ xác thân chồn cheo, đề tập luyện và khi xét thấy mình đã trở thành Sư tử rồi, lúc ấy không cần dương oai điệu võ, muôn loại cũng phải phục qùy, oai đó mới thật là oai-đức.

Sau đây xin lược dẫn sơ qua vài phương pháp tu luyện.

PHƯƠNG PHÁP TU LUYỆN

Luôn luôn trên đầu năm phải treo một cái kiến chiếu «yêu». Kiến này hình 8 góc trong giữa lòng kiến có khắc chữ

ÁN. Mỗi ngày trước khi đi ngủ và thức dậy phải soi mình vào kiển, xem mặt mình và tự kiểm điểm lại mặt mình có tươi tỉnh hùng vệ như sư tử chưa, hay còn râu dài như dê, lông lá lồm xồm như khi đột, mắt mình có trong sáng như mắt bồ câu chưa, hay còn liệt vào hạng mắt rắn lỵ, cảm ngực bụng, của mình có vuông to chưa hay còn nhọn hoắc như mỏ điều hâu. Nếu thấy chưa được thì nên luyện hoai, quán mã, khi hình tướng được rồi bắt đầu quán tưởng đến tâm của mình, xem mình đã biết quên thân này cho kẻ khác chưa, có thương kẻ khác không, có thương người khác họ đang đói rét hơn mình không; lời nói và tâm mình từ xưa và hiện nay có chia rẽ hại ai hay không, có chịu đấm ăn xôi không? Sắc tài danh thực thụ, mình có xa lánh được phần nào không? Nếu chưa nên tu thêm nữa, nếu được thì bước lên một bậc cao hơn là vào giai đoạn học và tham thiền, khi nào nhận thấy trình độ mình khá cao rồi phải nhờ một vị thiền sư cao hơn, điềm đạo, thế là tạm có oai đức rồi.

Lúc đó không cần dương oai diệu võ, tự nhiên ngời nhà cũng có kẻ đến quy lạy lạy tôn xưng. Vạn-Hạnh thiền sư, ngày xưa đầu căn dương oai diệu võ. Phạm Quỳnh Ngô-dinh-Thục, Trần lệ Xuân... ngày nay, dựa oai của Ngô gia và thực dân Pháp, khi, cái oai giả ảo kia cáo chung, thì người cậy thế nương oai, bị miệng đời phi nhò.

—Oai nhất trên đời là thẳng dân lương thiện.

—Tôi nhất trên đời là mấy chú bợ dít, luồng tròn cậy thế nương thần dọa nạt người khác.

THÔNG-BỬU



của LONG NGA

Nhớ về xứ Quảng

Gửi về cho những người em xứ QUẢNG

Mấy năm xa Quảng buồn sao
Thành đô lẫn lửa sớm chiều nhớ thương
Những người em tuổi xuân đương
Bao năm xa cách những vương tơ sầu
Nén thân tìm mộng đâu đâu
Quê mình ai chẳng sớm cầu cho an
Bom rơi tan nát xóm làng
Chớ im tiếng sũa gà khan gọi đàn
Mấy năm vắng cách đâu rồi
Chừ đây khó kiếm những người thân sơ
Người đi kẻ ở bấy giờ
Đâu vì chính chiến mà thừa tới mình
Hỡi ơi cái loạn đao binh
Những người ôm súng có buồn hay không ?
Tưởng là chỉ một hai đồng
Ngờ đâu năm tháng mấy giong đấng cay

Buồn ơi ai biết buồn này
Tưởng về xứ Quảng chua cay đã nhiều
Nào đâu những cảnh về chiều
Đồng quê xanh tốt sáo diều ngân nga
Đêm đêm trăng dọi bên nhà
Gái làng say tâm, đàn ca đủ màu
Ngày nay đêm lối không sao
Dân gian khốn khổ biết bao nhiêu buồn
Phần ta, ta dãi bốn phương
Trắng tay, đời trắng xuân không mất rỗi
Những người em gái hai mươi
Môi hồng má đỏ tuổi đời lên cao
Bụi mưa thành đờ phương nào
Tình ta núi cách làm sao cho tròn
Những người em dạ sắc son
Môi hồng má thắm có còn hay không ?
Mấy năm buồn chắc qua sông
Còn ta tay trắng phiêu bồng nơi xa
Nợ non sông túi sa mù
Tình đi núi liếp mịt mù khói bay
Mây trôi thương nhớ tháng ngày
Quê chung' xứ Quảng còn say buổi đầu
Ngàn năm tình nghĩa lộn câu
Bình đao khuấy động nát nhàu thời gian
Bấm tay xin nhấn tuổi nàng
Thôi chờ chi nữa nát tan cuộc đời...

Sàigòn, Xuân Đinh Mùi

LONG NGA

Trung Nguyên Trung Phần

Việt-Nam Phật-Giáo sử lược

THƯỢNG TỌA MẬT - THỂ

SƯU KHẢO



(TIẾP THEO KỲ TRƯỚC)

Chương hai

PHẬT GIÁO ĐỜI HẬU-LÝ NAM-ĐẾ (571 — 602) VÀ ĐỜI BẮC-THUỘC THỨ BA (603 — 939).

Tiền Lý Nam-Đế mất, Triệu quang-Phục nối nghiệp xưng là Triệu-Việt-Vương (549—571), rồi lại bị Lý-Phật-Tử đánh thua và lên làm vua tức Hậu-Lý Nam-Đế.

Đến năm Nhâm-Tuất (602), vua nhà Tùy là Văn-Đế sai tướng Lưu-Phương sang đánh Nam-Việt, dụ Phật-Tử ra hàng Hậu-Lý Nam Đế yếu thế bèn quy phục. Nước-tà lại bắt đầu nội thuộc nước Tàu lần thứ ba, từ năm 603 đến năm 939.

Trong năm 580, nước ta có ngài Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi qua truyền Phật giáo, rồi lần lần truyền thống thành ra một phái Thuyền Tôn.

Phái Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi

Sách Cồ Châu pháp vân Phật bản hạnh ngữ lục có chép: «Vào khoản đời Đông Tấn (317—419) niên hiệu Tả Kiến 569—582) có một Pháp sư tên là Tì Ni Đa Lưu Chi người Ấn Độ, nhân biết có Phật giáo ở đây (Nam Việt) liền qua trú ở chùa Pháp Vân giảng dạy Phật pháp. Phật giáo ở đây thịnh hành từ đó».

Sách Đại Nam Thuyền-uyền

tập-anh cũng có dẫn lời ngài Thông-Biện thuyên sư nói: Ti Ni Đa Lưu Chi là sơ tổ của Thuyền tôn ở nước ta.

Ngài tên chữ Phạm là Vinitaruci người ở Nam Thiên Trúc, sang Tây Thiên Trúc để khảo đạo Phật nhưng vì cơ duyên chưa gặp nên ngài qua cõi Đông-Độ, tiến vào Trung Quốc đến Trường an năm 574. Lúc này Phật giáo ở Tàu đương bị bài xích (1). Ngài muốn qua đất Nghiệp (thuộc tỉnh Hồ Nam bây giờ) may gặp ngài đệ tam tổ Tăng Xáng ở núi Tư-Không, ngài liền đem lòng kính mộ xà xin làm đệ-tử; tam-tổ truyền tâm ấn cho và khuyên ngài qua nam phương mà tiếp độ chúng sanh chớ không nên ở đây làm gì. Ngài liền bái từ ra đi. Đến Quảng-Châu ngài trú trì ở chùa Chẽ-Chi, dịch kinh «Tượng-Đầu báo nghiệp sai biệt» chữ Phạn ra chữ Hán. Đến năm Canh Tý niên hiệu Đại Tường thứ hai nhà Chu (580), ngài qua Nam

Việt trú trì chùa Pháp Vân (ở làng Văn giáp, huyện Thượng-phúc, tỉnh Hà-Đông bây giờ) lại dịch bộ kinh «Tông Tri». Năm Quý sửu niên hiệu Khai-Hoàng thứ 14 nhà Tùy (594), ngài truyền tâm ấn cho ngài Pháp Hiền rồi tịch.

Đến đời nhà Lý, vua Thái Tôn (1028 — 1054) có làm bài kệ truy tán ngài rằng :

Sáng tự Nam lai quốc
Vấn quân cửu tập thuyên
Ứng khai chư Phật tin,
Viên hợp nhất tâm nguyên.
Hạo hạo lãng già nguyệt.
Phân phân bát - nhã liên.
Hà thời hạnh tương kiến,
Tương dự thoại trùng huyền.

DỊCH: Mở lối qua Nam Việt,
Nghe ông chín học Thuyền
Nguồn tâm thông một mạch,
Cõi Phật rộng quanh miền.
Lãng - già ngời bóng nguyệt,
Bát - nhã nở mùi sen.

Biết được bao giờ gặp.
Cùng nhau kẻ đạo huyền.

Ngài là sơ - tổ phái Thuyền-

(1) Đúng lúc Phật giáo ở Tàu bị Võ ách lần thứ hai, Võ Đế nhả Bắc Chu Tàu phá Phật giáo(xem lại Phật giáo Trung quốc).

tôn thứ nhất ở nước ta, sau ngài truyền - pháp cho Pháp - Hiền Thuyền - sư, rồi truyền - thông mãi đến đời Y - Sơn Thuyền sư (1216) được 19 đời, biết được danh - hiệu và sự tích cộng 31 ngài (1). Xét ngược lên về trước thì ngài là đệ - tử đức tam - tổ Tăng - Xáng (2). Ngài Tăng - Xáng là đệ - tử của đức nhị - tổ Huệ - khả và ngài Huệ - khả là đệ - tử của đức Bồ - Đề - Đạt - Ma (Bodhidharma) tức là sơ tổ phái Thuyền - tôn ở Tàu vậy (xem phần Phật - giáo ở Trung Quốc).

PHÁP - HIỀN THUYỀN - SƯ.— Nhị - tổ phái thuyền tôn ở nước ta là Pháp Hiền Thuyền - sư. Ngài giống họ Đỗ, quê ở quận Chu - Diên (tỉnh Sơn - Tây bây giờ) khi mới xuất gia, thọ - giới với - Quang Diên đại sư ở Chùa pháp - Vân, Đến khi ngài Tì Ni Đa Lưu Chi ở Quảng Châu qua nước ta tới chùa Pháp Vân thấy ngài Pháp Hiền thì nhìn kỹ vào mặt mà hỏi:

(1) Xem bảng A.

(2) Xem bảng B.

Chú họ gì ?

Pháp Hiền đáp:

— Hòa thượng họ gì?

Thuyền sư lại hỏi lại:

— Chú không có họ à?

— Sao lại không có? Nhưng đó Hòa - Thượng biết?

Thuyền sư quát lên:

— Biết đề làm gì?

Ngài Pháp Hiền chợt hiểu ý ngài Tì Ni Đa Lưu Chi, liền sụp xuống lạy xin theo làm đệ tử và sau được truyền tâm ấn.

Sau ngài vào trong núi Từ Sơn tu thuyền định, những loài cầm thú thường quần quít chung quanh, người đời thấy thế càng lấy làm lạ và kinh sợ; đệ tử tìm đến học đạo càng ngày càng đông, ngài mới lập tinh xá để giảng dạy. Phái Thuyền tôn ở nước ta hồi ấy là thịnh nhất.

Ngài Pháp Hiền tịch vào năm Vô Đức thứ 9 đời Đường (626) và truyền đạo cho ngài Thanh Biện Thuyền sư.

Xét ra nước ta Phật giáo

truyền vào đã hơn bốn trăm năm nay, mà mãi đến thời kỳ này mới được phổ thông. Ấy cũng là nhờ ở ngài Tì Ni Đa Lưu Chi và ngài Pháp Hiền. Nhưng ầu cũng là cơ duyên đặc biệt, nên ngài Tì Ni Đa Lưu Chi mới vâng lời ngài tam tổ Tăng-Xá-lô mà qua truyền pháp ở phương Nam này.

Phật giáo đã đến hồ thịnh, nên bây giờ (vào hườn năm 603—604) thứ sử Gia-Châu là Lưu Phương mới đưa sớ về Tàu dâng vua Tùy rằng: «Nước Nam Việt ngày nay dân chúng rất tôn sùng Phật giáo, lại có nhiều vị chân tăng giáo hóa, nên bốn phương thầy đều quy y...». Nhân đó, vua Cao Tô nhà Tùy mới đi ban cho các vị danh tăng ở nước ta năm hòm lễ vật và sắc xây tháp ở chùa Pháp Vân chùa Tràng Khánh cùng các danh địa khác. Đó là lần đầu tiên Phật giáo ở nước ta được Chánh phủ đô hộ đề ý đến.

Bên Tàu, năm Mậu Dần (618) nhà Tùy mất, nhà Đường kế nghiệp, nước ta lại thuộc nhà Đường và bị chia ra làm 12 Châu, gọi gồm là Annam đô hộ phủ. Trong mấy thời kỳ Bắc thuộc nước ta bị nhà Đường cai trị nghiệt hơn cả. Nhưng về phương diện Phật giáo lại được đề ý đến; như năm Võ Đức — (626) — vua Đường Cao Tô có ban cho Annam năm hòm xá lý(?) và sắc dựng chùa, xây tháp.

Xem thế đủ biết Phật giáo ở ta bấy giờ đã thịnh. Và lại nhị tổ Thuyền tôn là Pháp Hiền Thuyền sư vừa mới tịch và đã độ cho bao nhiêu đệ tử rồi. Lại trong thời ấy Phật giáo bên Tàu và người Thiên Trúc thường thường mượn đường nước ta mà qua lại, các ngài thường ghé tạm ít lâu đề thuyết pháp thì ta cũng chịu ảnh hưởng được nhiều vậy.

Lại theo Trần văn Giáp tiên

sanh khảo(1) trong các sách thấy có nói: «Về đời Đường có ba đoàn truyền giáo ở Annam. Đoàn thứ nhất có ba người Tàu, đoàn thứ hai cũng ba người Tàu và một là người Trung Á; đoàn thứ ba đáng chú ý hơn: có sáu pháp sư Annam mà bốn người ở Giao Châu(Hanoi và Nam Định bây giờ) và hai người ở Ái Châu(Thanh Hóa bây giờ).

1.) Đoàn thứ nhất: 1— MINH VIỄN PHÁP SƯ — Người ở Huyện Thanh Thành Ích Châu(Tứ Xuyên bây giờ), tên hiệu chữ Phạm của ngài là Chấn Đa Đề Bà. Thừa nhỏ ngài đã học kinh Phật, càng lớn càng chăm chỉ, nên ngài am hiểu cả những kinh điển. Ngài lại khảo về Trang Chu. Ngài ăn ở Lô sơn(Hồ Bắc bây giờ) đề tu thuyền định.

Sau ngài thấy đạo Phật ở đó có ý định trệ, ngài liền xuống

phía nam qua đất Giảo Chi(Bắc Kỳ) đến đảo Java rồi qua đảo Tích Lan đến Nam Thiên trúc; sau ngài tịch ở dọc đường, không rõ ngài bao nhiêu tuổi.

2 — HUỆ MẠNH THUYỀN SƯ. — Ngài ở quận Giang Lăng, Kinh Châu(Hồ Bắc), rất tinh thông Phật Pháp, Ngài muốn qua Chiêm Thành, nhưng khi đi dò gặp giông tố, nên phải ở lại Thượng Kinh(biên giới cũ Trung Kỳ) rồi trở về Tàu.

3 — VÔ HÀNH THUYỀN SƯ. — Ngài cũng ở quận Giang Lăng, tên hiệu chữ Phạm là Bát Nhã Đề Bà(Pajudêva). Sau khi du lịch khắp Trung Quốc ngài về ẩn tu trong núi, chuyên trì kinh «Pháp hoa tam muội» Sau ngài lại du lịch các miền Cửa Giang và Tam Việt (Ngô Việt, Mãn Việt, Nam Việt). Ngài có kết giao với Trí Hoàng thuyền sư rồi qua đất Thất Lợi Phật thế(cuvijaya). ngài thọ được 56 tuổi.

(1) — Le Bouddhisme en Annam trang 31.

Một kỳ nguyên mới của ĐẾ QUỐC PHỤ TANG

- ✦ 4 GIỜ CHIỀU NGÀY 15 THÁNG 8 NĂM 1945, GIỜ QUYẾT ĐỊNH SỐ PHẬN 100 TRIỆU DÂN PHỤ-TANG ĐANG MUỐN BẮC CHỦ HOÀN CẦU.
- ✦ VÌ SAO ĐẠI TƯỚNG MAC-ARTHUR ĐÃ LÀM CHO TOÀN THỂ DÂN NHẬT PHẦN NỘ KHI TIẾP KIẾN NHẬT HOÀNG ?
- ✦ NĂM 1868 MINH-TRỊ THIÊN-HOÀNG ĐÃ CANH TÂN NƯỚC NHẬT RA SAO MÀ ĐÃ TRÁNH ĐƯỢC CUỘC ĐỔ HỘ CỦA TÂY PHƯƠNG ?

của Chế-Lan

« Trong những điều kiện như thế mà cứ tiếp tục chiến tranh thì không những đưa dân tộc ta đến chỗ diệt vong mà còn hủy hoại cả nền văn minh nhân loại nữa. Làm sao để ta có thể làm an vui hồn thiêng các bậc Tiên-Đế?... Khi tâm trí ta tưởng

đến những thân dân phơi thây trên bãi chiến trường, những kẻ hy sinh mạng sống vì nhiệm vụ, thì ruột gan ta như bị nát nhầu.

« Hiện nay ta vô cùng đau đớn. Dầu vậy ta cũng muốn

mở một kỷ-nguyên đại hòa-bình cho các thế hệ sau, Ta sẽ luôn luôn ở với quốc dân.., Ước mong toàn quốc là một gia đình mà các tập truyền sẽ còn mãi và có một lòng tin mạnh mẽ bất diệt trên mảnh đất của thần minh. Nghĩ đến trách vụ nặng nề của ta, nghĩ đến quang đường dài phải đi, nghĩ đến việc đưa toàn lực ra để xây đắp tương lai. Ta thề nêu cao những hiệu quả tốt đẹp của nền chính trị quốc gia và quyết định tiến kịp thế giới».

Trên đây là những lời tuyên bố có tính cách quyết định đối với dân tộc Phù Tang trong bản hiệu triệu của Nhật Hoàng công bố hồi 4 giờ chiều ngày 15 tháng 8 năm 1945. Đây là lần đầu tiên toàn khối dân tộc Nhật bị xúc động mãnh liệt trước sự tan vỡ của giấc mộng bá chủ hoàn cầu và trước một tương lai chưa rõ.

Tuy nhiên sau những phản ứng không thể nào kiềm chế nổi trong cơn xúc động toàn dân Nhật đã giữ đức trầm tĩnh cố hữu, vâng lệnh Thiên - hoàng đề

nhẫn nhục bắt đầu xây dựng lại. Nhật Hoàng Hirohito sinh ngày 29 tháng 4 năm 1901 tại Đông Kinh. Thái tử theo học tại trường Quý Tộc(L, Ecole des penrs) ngoài ra còn được đào tạo tại một học viện thành lập riêng cho Thái Tử.

Sau sáu tháng du hành ở Âu Châu Thái Tử trở về nước và thành hôn năm 1924 và sang năm 1962 khi Nhật Hoàng Taishō băng hà. Thái Tử lên kế vị mở đầu triều đại Showa. Nhà vua còn là một nhà khoa học chuyên về ngành hải vật học(bio-logie pélagique) và đã xuất bản nhiều tác phẩm trình bày những khám phá mới mẽ của mình.

Hoàng hậu Vagako sinh năm 1903 theo học trường Nữ học quý tộc(École Féminine des paris) cho đến khi thành hôn. Hoàng hậu sở trường về dương cầm và hội họa.

Sau chiến tranh; nhà vua và hoàng hậu thường đi khắp nước thăm viếng và khuyến khích thần dân trong công trình tái đạo quốc hương.

Đây là tất cả sự lạ lùng trong lịch sử hoàng gia Nhật Bản

Trước kia, nhà vua cũng như bao nhiêu Tiên Đế khác mỗi khi ra đường, mọi cửa sò hướng về lối ngài ngự qua đều phải đóng lại, tất cả người qua đường phải cúi mặt xuống.

Cuối tháng 9 năm 1945 toàn dân Nhật Bản vô cùng ngỡ ngàng khi thấy các báo đăng hình Mac Arthur mặc đồ trận, cõ mớ đang nói chuyện với Nhật hoàng. Thật là một xúc phạm lớn lao đối với một dân-tộc chiến bại chịu mọi điều kiện của Đồng Minh để chỉ xin có một điều, không được xúc phạm đến Thiên Hoàng.

Nhưng đến ngày 1-1-1946 chính Thiên Hoàng đã tự «nhân hóa» bằng một sắc thư gửi toàn dân.

«Ta ở cạnh dân và cũng muốn vui buồn với dân. Những mớ dây thắt buộc ta với quốc dân luôn luôn được xe kết bằng lòng tín nhiệm và triều mến lẫn nhau. Mớ dây đó không lệ thuộc vào những chuyện hoang đường,

thần thoại».

Nhà vua đã sống đúng như đã nói.

Sau chiến tranh, những danh thự chính trong hoàng thành đều bị tàn phá. Nhà vua và Hoàng hậu đã tự quên mình để lo cho dân tộc và bằng lòng sống trong một ngôi nhà tạm thời, tâm thường. Mãi đến tháng mười năm 1959. Hội đồng tư vấn bên cạnh Thủ Tướng mới khuyến cáo việc áp dụng một kế hoạch bảy năm tái thiết Hoàng Thành và xây nhà ở cho nhà vua. Đến tháng 12-1961 nhà vua mới dời về chỗ ở mới trong khi có việc xây dựng Hoàng thành mới bắt đầu hồi tháng tư năm 1963 và sẽ hoàn tất vào tháng ba năm 1967.

Ngày nay việc nhà vua và hoàng hậu tham dự các hoạt động văn hóa, thăm viếng hoặc khánh thành các cơ sở kỹ nghệ, phòng triển lãm, đi xem các buổi trình diễn thể thao... là những chuyện rất thường.

Con đường dân chủ hóa, công việc gạt bỏ quan niệm phong kiến còn tiến thêm một bước nữa với cuộc hôn nhân của Thái Tử Akihito với hoàng túc Michiko, con gái một kỹ nghệ gia, chẳng có gì thuộc giòng giới quý phái hay hoàng tộc.

Thái Tử Akihito sinh năm 1933, tức lớn hơn Michiko một tuổi. Cả hai đều ham chuộng thể thao và gặp gỡ nhau tại sân quần vợt. Ngoài ra Thái Tử cũng giống vua cha, rất say mê môn hải vật học còn Michiko ham chuộng sinh ngữ, lịch sử nhạc cổ điển Tây phương.

NHẬT BẢN VỚI KỸ-NGUYÊN CÁCH MẠNG THỨ HAI

«Ta chỉ là người chứ không phải là thần thánh». Ta có thể xem đó là câu nói mở đầu kỹ-nguyên cách mạng thứ hai cho Nhật Bản trong vòng một trăm năm kỹ nguyên thứ nhất

bắt đầu năm 1868 là kỹ nguyên Minh Trị đã canh tân Nhật-Bản và giúp Nhật-Bản tránh được cuộc đờ bộ toàn diện của Tây phương. Đó là kỹ nguyên cách mạng giải phóng đất nước. Kỹ nguyên thứ hai bắt đầu năm 1945 là kỹ nguyên dân chủ hóa hay kỹ nguyên cách mạng giải phóng con người.

Cả hai đã nối tiếp nhau một cách tất yếu để tạo một nước Nhật hùng cường và một dân tộc Nhật có đủ quyền trong đó mọi người dân Nhật nhất là nữ giới, đều bình đẳng với đầy đủ nhân quyền chứ không còn giữ phận nô tỳ hay thần dân như hồi trước nữa.

Một điều đáng ghi nhận là trong kỹ nguyên cách mạng thứ hai, dân tộc Nhật là một dân tộc yêu chuộng hòa bình như đã thể hiện qua đoạn khai từ bản «Nhật-Bản tân hiến pháp» ban hành năm 1946.

«Quốc dân Nhật Bản sẽ

vĩnh viễn yêu chuộng hòa-bình và tôn thờ lý tưởng nhân loại hồ tương. vì thế chúng ta sẵn sàng đặt niềm tin vào các quốc gia yêu chuộng chính nghĩa tôn trọng công lý hòa bình đồng thời chúng ta quyết tâm bảo vệ sự an toàn thịnh vượng của quốc gia xứ sở.

« Chúng ta sẽ cố gắng nêu cao danh dự của tổ quốc trên trường quốc tế, bằng cách duy trì hòa bình và vĩnh viễn từ bỏ những chuyên chế, nô lệ, áp bức bất công v.v... Chúng ta thừa nhận rằng tất cả mọi người trong thế giới này đều có bổn phận diệt trừ sự nghèo thiếu, khùng跛, có quyền sinh sống trong tự do hòa bình và trong những niềm ưu tư hăm muốn của con người.

« Chúng ta tin tưởng rằng không có một quốc gia nào trong thế giới này chỉ nghĩ đến nước mình mà không nghĩ

đến quyền lợi của quốc gia khác. Quy tắc chính trị đạo đức phải được phổ biến thừa nhận trong toàn thể thế giới và dựa vào quy tắc này mọi người có quyền duy trì chủ quyền của quốc gia mình nhưng đồng thời cũng có trách nhiệm lập nền bang giao thân hữu với các quốc gia khác trên thế giới».

Có thể nói đại khái từ trên là nền tảng sống của non một trăm triệu con dân Phù Tang đang sống trên một vùng hải đảo hình cung rộng 369.662 cây số vuông ở Thái bình Dương. Có thể có đôi biệt lệ, có những trường hợp trở chứng bất thường của thiểu số trái ngược hẳn với tinh thần trên. Nhưng không có lý nào khởi đại đa số dân Nhật sau nhiều kinh nghiệm đất đỏ, sau những nỗ lực vượt thường đề hiện đại hóa cả về vật chất cũng như tinh thần lại có thể quên đi cái nền tảng sống nhân bản kia một lần nữa.

THẾ LAN

(Triều - Văn - Tờ)



GIÁO SƯ

Nguyễn Văn Hàm



VĂN NGHỆ SĨ

và

CUỘC ĐỜI

Mến tặng Xuân, em nhỏ...

NGUỜI đời thường vẫn bảo văn nghệ là thứ phù phiếm mà cũng có phù phiếm thật, vì trong lúc mọi người lăn lung vào cuộc sống, vật lộn với thiên nhiên, đem bát mồ hôi đổi lấy bát cơm hay, nếu vì thời tao loạn, bao nhiêu tráng sĩ phải xúng mặt võ lấy đốc kiếm mà chống cường bạo, thì một số thi sĩ nọ:

. . . Mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây

Đề linh hồn ràng buộc bởi muôn dây...

(Xuân Diệu)

Một thi sĩ khác Lý Bạch làm chức đại học sĩ trong triều mà bỏ ra phố uống rượu say đến nỗi phải ngủ khò

ngoài nền quán dịch tại chợ Trường An, nhà vua dạo chơi trên sông truyền đến bá yết, còn ngạo mạn :

Thiên tư hồ lai, bất thượng thuyền
 Tự xưng thần thị tửu trung tiên.
 (Đỗ Phủ)

Tạm dịch :

Vua truyền rằng hãy lên thuyền
 Chẳng lên, tự gọi là tiên men nong.

Nhà thơ đó về sau đi chơi trên mặt hồ, thấy vùng trăng dưới đáy nước đẹp quá, bèn nhảy xuống ôm lấy mà chết

Một cuộc sống như thế thực ra chẳng có ích gì cho nhân sinh, tuy vậy mà, nếu là người Trung hoa, chẳng ai lại không tự hào rằng dân tộc mình đã từng có một người như Lý Bạch. Tự hào ở chỗ ông ta chẳng làm được gì công lợi cho cuộc đời, mà người ta lại yêu thích đại thi sĩ này ở chỗ vô tích sự của ông, yêu thích đến nỗi một nhà văn danh tiếng nước ta, ông Nguyễn hiến Lê mong ước được sinh vào thời Đường Minh Hoàng không phải để xem vũ khúc nghệ thường của Dương Quý Phi. mà để thấy tận mắt cách sống iên phong đạo cốt của thi sĩ Lý thái Bạch

Vậy nên Lý Bạch đã có lý khi ông viết :

Khuất Bình từ phú huyền nhật nguyệt
 Sở vương đài tạ không sơn khâu.
 Hứng ca lạc bút giao Ngũ nhạc.
 Thi thành tiểu ngạo Lãng thương Châu.
 (Lý Bạch)

Tôi tạm dịch :

Khuất nguyên lời phú còn lưu

Như vầng trăng sáng suốt từ ngàn thâu
 Sở vương đèn miếu nào đâu
 Bây giờ chỉ thấy cỏ khâu xanh ri
 Hứng đưa một đoạn thơ đề
 Rung rinh Ngũ nhạc, cười về Thương Châu

Phải, lời phú của Khuất Nguyên từ hai ngàn mấy trăm năm nay, giờ đây khắp các trung tâm văn hóa lớn của năm Châu, không chỗ nào không đọc đến, tỷ như mặt trăng, mặt trời ngàn thu vắng vắng vặc. Còn lâu dài cung thất nguy nga của Sở Vương ?

Ôi! Cái chỗ tráng lệ ngày xưa, vàng son, với gấm lụa, với quyền uy, cái chỗ đó ngày nay chỉ còn gò núi khô khan cỏ khâu dài dẫu với sương sớm nắng chiều.

Một nhà hiền triết Tây Phương, ông Platon phát biểu như thế này về hạng văn nghệ sĩ :

« Khoát cho họ một vòng hoa và tống khứ khỏi đô thị chúng ta »

Lọ là phải tống cổ! họ đã đi khỏi đô thị của cuộc đời vẫn đục hiện tại và đã nhập vào vĩnh viễn các đô thị làm bằng tâm linh của nhân loại, bất chấp sự tàn phá của thời gian.

Nhưng không phải văn nghệ sĩ thiên tài nào cũng rời bỏ cuộc đời như vậy, đây đó trong lịch sử văn học còn nhiều tấm gương sáng của kẻ cầm bút luôn luôn tự biết là mình đang sống với đồng loại mình, và cũng có thể vừa sáng tác vừa tham gia vào những hoạt động làm cho cuộc sống đó tự do hơn, nhiều ý nghĩa hơn. Ta không kể ra hết được, nhưng cứ nhìn một Lord Byron của Anh quốc, tự dấn thân vào cuộc chiến tranh dành độc lập của Hy-lạp và ông đã ngã xuống trong cuộc chiến đấu đó, hô lên ;

Arm! Arm! it is the cannon opening roar!

Hãy xung phong, đại bác nổ vang rồi.

(The ball before Waterloo)

Ngay ở Việt Nam ta, cái nước nhỏ bé này, khi quân Pháp qua xâm chiếm, cũng đã có biết bao thi sĩ đóng vai chiến sĩ. Đây là một Thủ Khoa Huân :

Hãn mã huy qua báo quốc cừu

Chỉ nhân binh bại đáo thân hưu

Anh hùng mạc bả danh hư luận

Vũ trụ trường kham tiết nghĩa lưu

Vô bổ dĩ kinh hồ lỗ phách

Bất hàng cam đoạn tướng quân đầu

Đương niên Tho Thủy lưu ba tuyết

Long đảo thu phong khởi mộ sầu.

Tạm dịch :

Lên ngựa tung gươm báo quốc thù

Chỉ vì binh bại mới thân tù

Anh hùng chứ luận công thành bại

Vũ trụ dài xa tiết nghĩa lưu

Chẳng sợ đã kinh hồn lỗ giặc

Không hàng thà tướng chịu rơi đầu

Mỹ Tho sông đã loan giòng máu

Long đảo chiều thu nổi gió sầu.

Tóm lại dù chối bỏ cuộc đời, dù tích cực nhập thế, gánh vác lấy cuộc đời như một nghĩa vụ, những văn nghệ sĩ chân chính đó đã rút ngắn sự hiện diện của mình trong cảnh sống nhân sinh nhưng tông chi họ đã miên viễn đi vào ý nghĩa của ĐỜI SỐNG và dù có bất đắc kỳ tử, dù đã yêu vong họ cũng đã trở thành bất tử.

Vậy mà thương thay, thời đại chúng ta, có một số thi sĩ cô độc giữa cuộc đời, một cuộc đời tưởng là rất nhộn nhịp trong cái thế kỷ mà loài người chừng như đã quá đông đúc so với cái mảnh đất mà tạo hóa từng ban cho họ. Thật là thảm thiết khi nghe họ than lên:

Mang niềm bi quan dài bằng cuộc sống.
 Không người yêu mà vắng cả quê hương.
 Tiền kiếp vàng son nuôi mộng thiên đường.

Sao mà buồn khổ thế? Cuộc đời chẳng còn đáng là một chút an ủi nào cho con người nữa chăng? và dù đã rõ là như thế thì khóc than nào có ích gì? tuy nhiên, nói vậy là muốn bảo văn-nghệ phải thế này, thế nọ, song văn - nghệ là một hiện tượng, nó xuất hiện như đời sống, nó khóc, nó cười, nó vui nó buồn, cùng tỷ trời mưa, trời nắng. Tự nó mưa nắng chẳng có gì là đúng cả, mà vấn đề là! khi trời mưa chính ta mới phải che kỹ những cây non vừa nảy mầm...

Văn nghệ khóc vì cuộc đời buồn, tiếng khóc của văn - nghệ vô ích mà cũng có ích, vô ích vì chẳng giúp thay đời được gì, nhưng cũng có ích vì kẻ có trách nhiệm phải nghe những báo hiệu đó, đề thờ theo mà hành động. Đấy văn-nghệ chẳng từng đi sát với cuộc đời văn nghệ như thế là một dự trữ về tương lai vậy.

Giáo sư Nguyễn văn Hàm

(Chu Văn An)

Đính chính

Bài «Viết cho người chết» đăng trong AN LẠC số 8 là của tác giả **SONG THANH** nhưng vì Ấn công sơ ý sắp thành **SONG THẠCH**. Vậy xin quý vị độc giả hoan hỷ thông cảm cho.

AN LẠC

DÂN CÓ GIÀU NƯỚC MỚI MẠNH

NGÀNH SƠN DẦU V.N.

TỐI 9-3-1967, vào hồi 19giờ tại Nhà Hàng Quốc Tế, Nghiệp đoàn Sơn Dầu VN đã tổ chức một bữa tiệc Tân niên «Đình Mùi» gồm có đầy đủ đoàn viên của nghiệp đoàn hiện diện ngoài một số ít đại diện báo chí Thủ đô cùng đồng đảo đại diện các nghiệp đoàn bạn tham dự.

Ông Văn Kiêu, Phó Chủ Tịch Nghiệp Đoàn tuyên bố lý do buổi tiệc và trao lời lại cho Kỹ sư Nguyễn hữu Khương Chủ tịch Nghiệp đoàn Sơn Dầu VN, qua bài diễn văn, đã nhắc lại bước đường qua và phác họa chương trình xây dựng sắp tới cho nghiệp đoàn này.

Trước khi cho đăng tải bài diễn văn của Kỹ sư Khương, Chủ tịch NĐSD Việt Nam làm tài liệu, tưởng cần giới thiệu với đồng bào bạn đọc bốn phương của tạp chí An Lạc qua một vài nét về đoạn đời của Nguyễn Quân,

đang
chuyên
minh
tiến
mạnh

Là một nhà trí thức của quốc gia xã hội VN, Kỹ sư Nguyễn hữu Khương đã từng giữ chức vụ Chủ tịch Hội Ái hữu Sinh viên VN ở Pháp từ 1936 tới 1946 và là hội viên Nghiệp đoàn Kỹ sư Pháp Tổng thư ký hội Association des Amitiés indochinoises, hội viên các Ủy ban Nghiên cứu tại Quốc Hội Pháp (Commissions d'études de représentations d'extr-M de l'Assemblée constituante).

Và sau những năm hồi hương, ông quyết đem sở học ra khuyếch trương nền công kỹ nghệ VN để phục vụ quốc gia dân tộc giàu mạnh nhưng, chiến tranh vẫn còn kéo dài đã đang làm nhẹ hẳn chương trình mở mang công nghệ của ông.

Thật vậy, trong hiện tình đất nước, giữa lúc chiến tranh khói lửa đang tàn phá, làm rách nát cả quê hương, nghĩ rằng, nền kinh tế quốc gia VN mặc nhiên nằm trọn vẹn trong vòng ảnh hưởng chánh trị và ngược lại.

Nhớ lại, Ông Âu trường

Thanh, ngày còn tại chức Ủy Viên Kinh tế Tài chánh, đã cho phá khoán ngoại tệ, nhập cảng đủ loại hàng hóa ngoại quốc. vô tình hoặc cố ý, giết chết các ngành sản xuất trong nước ?!

Cho nên, sau khi bạn đọc suy luận kỹ về bài diễn văn của kỹ sư Khương chắc hẳn sẽ đồng quan niệm kinh tế với doanh gia này và, lẽ nào lại không có một vài bạn đọc tham gia ý kiến, đề xây dựng nền kinh tế quốc gia trong thời chiến nói chung và ngành sơn dầu VN nói riêng.

Và sau đây là bài diễn văn của Kỹ sư Khương :

BAi diễn văn của Kỹ sư Nguyễn hữu Khương. Giám đốc Kỹ thuật Hãng sơn dầu La Phalène, Chủ tịch Nghiệp đoàn Sơn dầu VN — đọc trong bữa tiệc liên hoan Tân niên Đinh Mùi tại nhà hàng Quốc Tế đêm 9-3-1967.

Thưa quý Vị,

Thưa quý Bạn, quý Đồng nghiệp.

Trong buổi tiệc liên hoan

tân niên hôm nay, giữa những ngày đầu của năm mới, thay mặt Ban Quản Trị, chúng tôi trân trọng kính chào quý vị, quý bạn, quý đồng nghiệp và xin chân thành cảm ơn sự hiện diện đặc biệt của quý Vị quý Bạn, sự hiện diện khích lệ mạnh mẽ chúng tôi phấn khởi tiến hành mọi hoạt động của ngành Sơn dầu qua năm Đinh Mùi này.

Năm Bình Ngọ qua, ngành Sơn dầu Việt Nam có một niềm tự hào khiếm tốn là đã cùng các ngành công kỹ nghệ bạn trong nước tiếp tục sản xuất sản phẩm nội hóa, để xây dựng nền kinh tế phôi thai bản xứ.

Tuy luôn giữ vững ý thức đứng đắn về công cuộc kinh doanh chân chính và nguyện luôn luôn giữ vững nhiệt tình về nghề nghiệp, chúng tôi không khỏi không bàng hoàng về nhiều khó khăn, về những nỗi bế tắc, mà hầu hết các ngành công thương kỹ nghệ Việt Nam, trong ấy có ngành Sơn dầu, hằng ngày bị đe dọa

Không nói. hân quý Vị,

quý Bạn, quý Đồng nghiệp cũng đã rõ nhiều lắm rồi, là trong năm qua, chiến tranh lan tràn dữ dội trên khắp nẻo đường đất nước. Những chuyện phá hủy, giết chóc diễn ra ghê gớm, thê thảm, đảo lộn đời sống của dân ta từ thôn quê tới đô thị.

Giữa cơn phong ba bão táp ấy, các cuộc kinh doanh công thương của chúng ta, làm thế nào để tránh khỏi vạ lây? Vì nguyên liệu tăng giá, vì giao thông khó khăn, vì nhân công khan hiếm, thị trường thu hẹp, mãi lực giảm sút....

Tùng hươg, các loại dầu cùng máy móc, nguyên liệu, trước kia, chúng tôi mua sản để dùng trong nước hay trong khối Thế giới Tự do, tùy theo sự lựa chọn của mình, nay lại phải nhập cảng hàng hóa nguyên liệu các nước trong thế giới tự do vẫn bị hạn chế, giá hàng cao, phẩm chất kém, chuyên chở mắc và, nạn kẹt bến cùng họa mất cấp đều không những là những cản ngại lớn lao cho việc sản xuất hàng ngày mà

là những tai họa đưa đến sự phá sản.

Ngoài những khó khăn trên, chúng tôi lại gặp phải những chủ trương chính sách kinh tế không hợp lý.

Việc phá giá đồng bạc Việt Nam đi đôi với một số biện pháp về thuế má, ký quỹ... làm cho nhiều chương trình kinh doanh của các tư nhân đều bị đảo lộn. Chúng tôi thật phải vất vả chạy đôn, chạy đáo, lo vốn liếng gấp mấy lần mới đối phó kịp với «tân hời xuất đồng đô la».

Rồi đến việc cho nhập cảng ô ạt, bừa bãi hàng ngoại quốc, vải ngoại quốc, sơn ngoại quốc... đủ loại, nguyên món, bóp nghẹt hầu hết các ngành tiểu công nghệ, công nghệ... cạnh tranh, lấn áp sản phẩm nội hóa, vải nội hóa, sơn nội hóa. Trước kia, sơn của chúng tôi được bán đều khắp từ công sở đến tư sở Việt Nam và ngoại kiều, từ thôn quê đến đô thị tuy, nay thị trường thu hẹp lại trong một số châu thành. Các hãng thầu xây cất ngoại kiều được tự do nhập cảng sơn đủ loại, vừa đề xài

vừa tung toé ra thị trường.

Sơn Việt nam với nguyên liệu mắc, giá thành cao, làm gì đối đầu nổi sự cạnh tranh, làm sao tránh khỏi tình trạng khốn đốn!

Thế nên, chắc quý Bạn, quý Đồng nghiệp hẳn đồng ý với chúng tôi là tuy cùng nhau vui, cạn cốc rượu tân niên này, chúng ta không thể điềm nhiên mà không cùng nhau trở về thực tế về những điều sống còn của ngành mình trong những ngày sắp tới, đề cùng nhau tìm những biện pháp hữu ích, vượt qua những khó khăn đã đang cản ngại tiên bước đường của mình.

Đã đến lúc mà mọi giới vì sự sống còn của ngành mình, của nền kinh tế chung của đất nước, nói lên những nguyện vọng chân chính, nói lên những ý nghĩ thiết yếu của giới mình một cách minh bạch để chánh phủ thấy rõ, đề tìm lối giải quyết thích đáng.

Chính Phòng Thương Mại,

**Nghiệp đoàn Xuất Nhập cảng
Nghiệp đoàn Thương gia
Nghiệp đoàn Kim khí, Ủy
ban Nghiên Cứu Xây Dựng**

Kinh Tế Tự Chủ và đông đảo công kỹ nghệ thương gia có thiện tâm, thiện chí đã mở nhiều cuộc hội thảo, liên tiếp trao đổi, bàn bạc đề tìm cách hạn chế việc nhập cảng bừa bãi... giải quyết vấn đề kẹt thương cảng, vấn đề mất cắp chặn lại sự phá giá đồng bạc... đang thiết thực góp ý cùng chánh quyền những điều cần thiết khả dĩ cứu vãn tình thế nguy ngập của Công kỹ nghệ thương mại, đặc biệt ngành dệt đang sống dở, chết dở.

Không phải mè khen mè dài đuôi, chớ các nghiệp đoàn và công thương gia đã làm được một số việc đúng lúc hợp tình.

Hôm nay, cũng nhân dịp này, thay mặt Ban Quản Trị chúng tôi xin trình bày cùng quý Đồng nghiệp về một số việc mà Nghiệp đoàn đã làm được trong năm qua.

Chúng ta đã có mở một vài cuộc họp nội bộ đề trao đổi về tình hình hoạt động của ngành mình, đã có can thiệp với chánh phủ chấn chỉnh giá cả thầu cho hợp với tình hình vật giá, đã có can thiệp với chánh phủ về phân phối và nhập cảng nguyên liệu, đã tham gia một số công tác xã hội giúp nạn lụt Miền Trung dự những cuộc an táng thân hữu, đã tham dự một số cuộc hội thảo gần đây của Phòng Thương Mãi, của Ủy ban nghiên cứu xây dựng tự chủ. đề trình bày nguyện vọng của ngành Sơn dầu và góp một số ý kiến về kinh tế nói chung.

Nhưng, những việc làm trên vẫn còn ít ỏi, chưa có đem những lợi ích đáng kể cho ngành Sơn của mình, chưa đánh tan được những thành kiến ròi rạc cũ trong nội bộ, chưa gây được sự đoàn kết thân hữu, rộng rãi, gần bó với nhau, đề cùng nhau lo chung cho Nghiệp đoàn.

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây dùm lại thành hòn núi cao.

Các bạn đồng nghiệp thân mến.

Chúng ta không đổ lỗi cho ai, chúng ta hẳn cùng nhau nhìn nhận những điều thiếu sót này, và chắc chắn quý Đồng nghiệp đồng ý sẽ cùng nhau đoàn kết chặt chẽ hơn, sẽ cùng nhau trao đổi bàn luận thường xuyên về những điều cần thiết hữu ích cho ngành Sơn của chúng ta và sẽ liên hệ mật thiết với các nghiệp đoàn bạn hơn nữa.

Không có những khả năng kinh bang tế thế gì như những nhà kinh tế gia khác, chúng ta chỉ thấy trách nhiệm cùng nhau góp sức nhau, nhờ sự giúp đỡ của các nhà công kỹ nghệ và thương mại bạn tìm một số biện pháp cứu nguy đề vượt qua những nỗi khó khăn trong tình hình hiện tại, nhất là như hầu hết mọi người đang quá mệt mỏi vì giặc giả, chúng ta hết sức mong muốn làm sao cho tình

thế yên ổn mau mau trở lại trên đất nước mình đề rồi những nhà công kỹ thương gia có những điều kiện dễ dàng đem vốn liếng, máy móc kiến thức thô thiển của mình ra vừa mưu cầu sự sống vừa góp 1 phần trong việc xây dựng nền công thương non trẻ của đất nước.

Trên đây là 1 số ý kiến của Ban Quản Trị Nghiệp đoàn Sơn đầu chúng tôi. Chúng tôi rất mong trong dịp này được nhiều ý kiến chân thành giúp đỡ của quý Vị, quý Bạn.

Trong khi chờ đợi, thay mặt Ban Quản Trị, chúng tôi một lần nữa xin đa tạ quý Vị, quý Bạn, quý Đồng nghiệp và xin kính chúc quý Vị, quý Bạn, quý Đồng nghiệp một sức khỏe dồi dào và một năm Đinh Mùi đầy hy vọng.

CHỦ TỊCH NĐSDVN

Kỳ Sư

NGUYỄN HỮU KHƯƠNG

Suối

TAM ĐẠO

Trao về những người thân yêu

A.D

Thuận,

Thuận còn nhớ Nai Thanh không ? lâu quá rồi nhỉ. Hôm qua tôi vừa gặp Thanh mừng quá, may thật và tình cò. Thanh vui-srống nói năng tíu-tít như một con chim non. Thanh nói nhiều lắm, nhiều hơn bao giờ hết và tôi cũng quên cả vì tôi sung sướng quá, một phần được gặp lại em, một phần vì thấy em vui. Tôi chỉ còn nhớ mỗi một điều là cặp môi em táy máy không ngớt và em cười hết hai hàm răng. Ủ tôi quên hỏi bây giờ em làm gì ? ở đâu ? tôi chỉ còn nhớ mỗi một điều nữa, Thanh hỏi: Thầy bây giờ vẫn ở chỗ củ hồ Thầy, và tôi không đáp. Thuận còn nhớ giọng hát của Thanh không, giọng hát tươi mát mà chúng mình thường gọi thế. Giọng hát mình đã phải chọn Thanh đóng vai chính cho đêm văn-nghệ giúp vui cho các em trong dịp Lễ thanh-minh ấy. Tôi còn nhớ đến cái dáng nhí nhảnh tự nhiên của Thanh và các em mỗi khi đùa vui với mình, tôi nhớ ra cả nét mặt mỗi em lúc mình phạt chúng về việc bài học ở trường, em khóc thật ngây

thơ. Bây giờ mỗi lần nghĩ đến các em tôi thấy lâng lâng trong lòng một cái gì thanh-thoát, hồn-nhiên và đẹp đẽ. Chúng ta sống, như thế chẳng phải giấc mơ tươi là gì hở Thuận.

Hôm nọ ở trường bé Phương-Mai vừa nhảy nhót tung tăng vừa cười vừa nhìn tôi và hỏi :

— Thầy có biết người tiên không hở thầy ?

Bé ngộ nghĩnh quá! hỏi gì thật lạ. Tôi thấy thương yêu bé, tôi chụp lấy bé và giữ lại, Phương, Bé-Liên, Nam, Chít-Tùng rờ; Ma-Kream, Nai Sương, Ha Bul cũng quay tròn lại bên tôi. Tôi ngồi xuống giữa lũ trẻ. Tôi béo yêu vào má Phương-Mai :

— Ai nói với con thế ?

— Nội con nói trên núi này có tiên và hồ tiên.

Tôi muốn bé luôn luôn là những bông hoa tí hon của mặt trời buổi sáng và giữ được trong những hình ảnh êm đẹp :

— Ừ... ừ thầy có biết.

Nai-Sương sáng con mắt lên, Thuận có nhớ con mắt của Nai-Sương không? Chao con mắt to và đen láy như một viên bích-ngọc, chúng mình hay gọi đùa là Sương — con — mắt — Nai ấy mà. Mỗi lần nghe như vậy Sương làm giận rồi phụng-phịu, ngoay-ngoây dễ thương và thường « con — không — thương — thầy — nữa — đâu ». Sương sáng con mắt lên thì Thuận phải biết, Ô... buồn cười lắm :

— Tiên có giống chúng con không Thầy ?

— Có, tiên giống con mắt của con thôi

Lũ trẻ cười rộ lên. Sương làm thẹn ngoay ngoại đi lạng lẽ, mình phải chạy đến bế Sương và dỗ mãi.

Bé Phương-Mai và mấy đứa trẻ cùng ngồi quanh tôi chờ thầy nói về Tiên trên núi.

Ngày xưa... hồi nước mình còn thái-bình, hồi đó mấy đứa trẻ bằng chúng con vui về lắm hay nhảy tung-tăng như

bé Phương-Mai vậy.

Phương-Mai nhòm tới một chút cho quan trọng.

— Hồi đó có tiên nhiều lắm. Tiên hay xuống dưới trần dắt trẻ con đi chơi thăm hoa cỏ và phong cảnh thú lắm.

— Trường mình nằm sát núi tiên. Hay quá thầy nhỉ? Ước tiên xuống dẫn chúng con đi chơi. Bé Chít-Tùng làm ra vẽ con trai đúng cách:

— Trên núi này có Tiên thật hở thầy?

— Ừ ngày xưa... trên suối Tam đạo..,

— Tam đạo là gì hở thầy?

— Tam đạo là ba ông tiên, tu đạo tiên, thành tiên. Suối Tam đạo hôm trước thầy cùng các con đi đó. Suối Tam đạo dẫn đến hồ tiên. Các con leo không nổi đâu, còn xa và cao lắm. Chuyện tích như vậy nhé, Ma Kream già vờ ghé tay nơi tai ra về nghe ngóng. Trông mặt đũa nào cũng ngậy thơ lộ vẻ háo hức dễ thương lạ Thuận ạ. Mình không chịu được. Bỏ vài phút săn sóc từng đũa, vén tóc chúng lại này, lau một vệt đất nơi má Ma Kream này. Đũa nào gọn gàng sạch sẽ quá thì bị một cái véo nhẹ nơi cằm.

— Ngày xưa có ba người không biết từ đâu lại nơi này rồi ở luôn tại đây khai phá đất đai trồng trọt, làng mình có được như bây giờ cũng nhờ từ ba ông đó. Sau người người dần dần đến đông rồi lập thành làng. Ba ông là người chỉ vẽ và giúp đỡ dân chúng. Đến một ngày kia.. ba người đột nhiên cho nhà cửa đất đai lại cho dân làng rồi theo ngược dòng suối này mà lên đến hồ và ở luôn trên ấy. Về sau dân làng không còn thấy bóng dáng các ông đâu nữa, Có người nói.., mỗi khi trời trong nắng đẹp buổi sáng tinh sương hay trời man mác êm ả lúc chiều tà thì thoảng nghe tiếng trúc, tiếng ngâm nga vọng từ trên đỉnh cao... Chắc là của ba ông ấy đã thành tiên. Dân làng bèn gọi núi này là núi Tam Đạo và suối Tam Đạo đó vậy*

Ka Tinh vỗ lại vừa nghe vội hỏi tranh :

— Suối phía dưới cùng mà mình đi bắt tôm đó hồ Thầy ?

Cả bọn xì xào lên trách Tinh, mình vội chữa :

— Suối đó là suối Cọp, còn suối trên cùng mới là suối Tam Đạo chứ !

— Suối dưới có cọp sao Thầy ?

— Đâu nào ? Người ta quen gọi vì một giai thoại nào đó... chứ thầy chưa nghe ai nói có cọp đâu cả. Núi này yên tĩnh lắm, lành lắm luôn luôn có vẻ thanh bình.

— Hay quá ! Suối cọp, suối Tam Đạo, hồ Tiên,

— Bây giờ còn Tiên không hồ Thầy ?

Cũng lại bé Phương Mai hỏi, lúc nào bé Phương Mai cũng hay mơ mộng đến tiên cảnh cả Thuận nhi. Trong lòng bé tất phải đẹp lắm. Giá mà mình nói không thế nào cũng có tiếng thở ra của bé rồi bé sẽ im lặng, im lặng mãi. Đáng diệu đó sẽ làm bé càng dễ thương thêm, nhưng mình chỉ sợ bé sẽ buồn, sẽ mất nguồn hy vọng trong lòng, mà mình thấy hay, thấy đẹp, cần nuôi dưỡng :

— Bây giờ thì cũng còn... tuy nhiên..

— Mình muốn gặp Tiên phải đến đâu hồ thầy ?

Cũng lại bé Nai Suong nhướng đôi mắt to và tròn. Bé ngồi gọn trong lòng mình còn ngoai ngoai.

— Đến đây ! ... Tiên ngồi quanh với Thầy đây này.

Cả bọn cười ồ. Tiếng trống vào lớp, cả bọn còn nười tiếc, trông nét mặt em nào cũng có vẻ thẫm lẫm. Chúng chưa muốn giải tán. Mình an ủi :

— Thôi... hôm nào Thầy sẽ dẫn các con lên đến suối may ra gặp được Tiên.



Em bảo tôi làm thầy giáo? Ông thầy giáo. Không, tôi không muốn là thầy giáo đâu. Hay tôi là gì cũng được cả, là gì thì là, miễn là có trẻ thơ. Tôi cần có trẻ thơ cũng như con cần có sữa mẹ. Tôi cần có trẻ thơ để tôi biết rằng mình còn sống đây, và tôi biết rằng bên tôi còn có em. Có trẻ thơ tôi mới soi rõ để nhận ra khuôn mặt tôi. Mặt trẻ thơ trong lâm và chưa có nước mắt em ạ. Vâng, tôi cần có trẻ thơ để tôi biết có ngày hôm nay. Có trẻ thơ tôi mới thấy công việc, có tương lai. Em đừng dùng chữ hy sinh. Không, không có gì đáng gọi là hy sinh cả. Tôi gần gũi chúng, tôi săn sóc chúng, tôi chỉ dạy và hướng dẫn chúng, chơi đùa với chúng, sống với chúng tôi thấy tôi sung sướng, gọi là hy sinh ư? Không, tôi là như thế — thế thôi!

Em Ica, em thử nghĩ nếu cuộc đời không có những con bướm con chim nhỏ nhít này thì cuộc đời còn gì? — sẽ còn chúng ta và những người lớn, rồi chúng ta sẽ thành người lớn... những người lớn có khối óc, có mưu lược, có thù hận, có chủ nghĩa. Xin đừng cho tôi nghĩ đến đó, e tôi sẽ chết mất. Tôi bây giờ đang sống đây, đang sống tràn đầy và tươi đẹp, vì quanh tôi có trẻ thơ, nó đẹp tuyệt vời, nó đẹp từ lúc ăn, từ giấc ngủ, từ cuộc chơi, cả đến lúc nó khóc. Nó cho tôi tìm lại được hình bóng tôi và em, chúng mình từ thuở nhỏ. Thuở nhỏ chắc mình cũng như nó em nhỉ? Sống thật hồn nhiên, thật tươi đẹp, thật trọn vẹn. Quanh anh đây lũ trẻ đang nhảy nhót, chúng la gào: chúng cười thét, chúng bắt chước tiếng chim tiếng chuột, chúng giả làm ông hù, chúng giả làm... Đưa véo tai anh, đưa nắm tay, đưa nắm tóc, đưa vạch mắt cho mở ra. Anh giả vờ ngủ im trên bãi cỏ.

— Thầy chơi bắt trôn với chúng con.

— U... chúng con trôn đi, thầy kiểm trước. Chúng khờ

quá em ạ, đưa núp sau lưng anh, đưa núp trong kẹt cửa, úp mặt vào vách mà còn lấy tay bịt mắt lại, tưởng như không ai thấy được.

Ica ạ, ngày hôm qua đang đi trên đường về làng cũ, anh gặp cảnh đau lòng, thật, đối với anh, anh cho là điều đau xót, chuyện một em bé ấy mà. Số là, anh được mời vào nhà, chủ nhà tử tế lắm, gia đình thực nho phong, Ông ta mời anh dùng trà trò chuyện và còn nài anh nghỉ lại. Ông kể cho anh nghe về đứa bé cứng con của ông, đứa bé gái em ạ vừa sáu tuổi đủ. Ông đã bảo rằng ông rất sung sướng vì bé con của ông rất vâng lời. Anh có lại gần em bé — Em có biết điều chua chát như thế nào không? Đứa bé được ngồi cầm cuống học từ sáng đến giờ, bốn giờ liền rồi đấy! Nó không được nô giỡn với lũ trẻ đang náo nức ngoài kia, lý do sợ nó bị hư tánh, học theo thói lũ trẻ ranh đi mất. Em bé có một vẻ đứng đắn của người lớn rồi, anh không tìm ra được nụ cười ở nó như lũ trẻ mà anh đã kể với em. Có lẽ em bé này được dạy dỗ thứ triết lý người lớn. Anh đã ngồi đó tưởng tượng em bé chưa biết thế nào là trẻ thơ cả Ica ạ, mặc dù bé đang là trẻ con. Chắc từ lúc sinh bé ra người ta đã sửa soạn đủ nghi cách để bé trở thành một cụ trang nghiêm.

Có phải chỉ có vậy thôi đâu em. Trên đường đất nước này anh còn gặp cả những em chưa hơn mười, giờ này đang ngồi trông nôm em, đang giữ nhà, và có em đang được luyện công dung ngôn hạnh nữa đó.

Ica ạ,

Bé Nai Sương là một bé thượng đấy nhé. Em cứ theo tên anh gọi là sẽ biết được bé nào là Kinh hay Thượng liền. Nhưng nếu em nhìn mặt chúng, chắc em không thể phân biệt rõ như thế đâu. Tất cả chúng nó chỉ mới học vào lớp năm thôi. Nhìn chúng nó anh càng sung sướng thì

càng nghĩ xa xôi mà thấy xót xa. Ica em, người ta lo nhiều việc lớn, người ta cho là lớn — lớn như việc chiến thắng, việc xây dựng ý thức hệ, việc đào tạo những ông đại học những ông cao cấp chẳng hạn. người ta đang còn trù tính xây những cơ sở máy móc vĩ đại trên thế giới nữa, thành ra quên các trẻ em đi mất.

Anh còn nhớ một dạo đã lâu, khi mình mới bước vào tình yêu đầu với nhau. em chẳng đã nói với anh rằng: Nếu phải giữa tất cả những gì có trên quả đất này hoặc là trẻ thơ thì không khó khăn gì đối với em, cho dù sự lựa chọn đến phải hy sinh cả tính mạng. Tiếng nói của em vẫn lắng mãi trong hồn anh, nên tình yêu của chúng ta vẫn đẹp mãi. Ica, tình yêu chúng ta có nên từ tình yêu của trẻ. Tình yêu giữa con người có khôn có lớn cũng mặc nhiên bắt nguồn từ tình yêu của trẻ. Trong mọi hình bóng của cuộc đời, đâu cũng thấp thoáng bóng hình của trẻ. Hình bóng trẻ thơ là hình bóng cuộc đời. Trẻ thơ là tuổi đời, là nguồn sống, là nguyên lý, là tất cả. Vậy mà người ta vô tình quên nó... sao?... em bảo sao?... ờ... anh không hiểu.

Ica,

Mảnh đất đằng trước mặt anh đây bây giờ là rừng sâu vào chút nữa là dãy núi, núi Tam đạo. Trên sườn núi có suối đá, có thông reo.

Chúng ta cố hỏi lại của các nhà cầm quyền mảnh rừng này em ạ, đề xin họ dời sân bắn đi nơi khác. rồi chúng ta sẽ ra công khai phá và tạo dựng một ít vườn cảnh, nhà trại với cây rừng, có hồ suối, để trẻ em chơi giỡn. Anh đã bàn với hai người bạn. Hoàng và Thuận đồng ý lắm. Ba anh em sẽ cùng nhau tạo dựng mảnh đất này đây cỏ và hoa cho trẻ thơ đùa với chú nai rừng. Ở đây được gần trường học nữa. Em hãy giúp anh nhé! Em mang thực phẩm cho chúng: em dỗ chúng ngủ.

Em giúp anh đùa với chúng từ sáng đến chiều tối. Buổi sáng ở đây đẹp lắm, mặt trời lên chiếu tan làn sương mỏng, thảm cỏ xanh màu đồng nội, hương của hoa rừng phảng phất một mùi dịu dàng hòa trộn với không khí trong lành ban mai. Ở đây có tiếng suối reo ngọt ngào lòng đất. Tiếng suối làm anh nhớ mãi những lời của em thì thầm bên anh năm xưa ấy. Tình yêu chúng mình chỉ đẹp khi trẻ thơ còn là trẻ thơ. Tình yêu chúng mình sẽ còn mãi và sẽ vĩnh cửu khi còn có mặt trẻ thơ. Ngày nào còn những trẻ thơ dị nhốt trong ngục tù của người lớn, bị xô đẩy trong cuộc sống ô hợp trà trộn của giòng đời, chúng ta còn đau xót, còn nợ nần hiện hữu.

Iea, Em đã cùng anh ký thuộc lòng trong một bản tuyên ngôn bất thành văn rồi đó. Bản tuyên ngôn nói rằng đám cưới của chúng ta ngày mà tất cả trẻ thơ được giải phóng và có mặt ăn bánh ngọt trên đồng cỏ này để mừng vui.



Thuận,

Thuận nhớ suối cộp không ?

Minh thì không khuấy được, mà mỗi khi nhớ đến là mình muốn bỏ hết công việc để băng rừng đến nơi ấy thôi.

Những kỷ niệm của chúng ta với các em vẫn còn vang mãi một chuyến đi mạo hiểm; rồi những câu chuyện vui, những lời véo von buồn nôn cả ruột. Thuận còn nhớ tảng đá nằm cao chót vót trên mây đợt thác mà chúng mình đã vượt lên được và ngồi ngạo nghễ, các em đi bắt những con tôm đá ấy không ?

Bây giờ xa rồi, Xa khỏi tầm tay. Minh cứ tưởng vừa mới hôm qua. Sự nuối tiếc quần mãi. Mấy đêm nay trong giấc ngủ-minh vẫn chập chờn những hình ảnh đẹp của ngày tháng đó và giấc mộng chúng ta hình như đang còn tiếp diễn.

Xa rồi. Thuận ơi ! Xa rồi. Không, không thể mất được. Chúng ta còn có mặt.

(xem tiếp trang 56)

Tiếng buồn Trong đêm

Tạp văn của PHƯƠNG-NGỌC

Em.

Không những chỉ thuần nhất trong một nỗi buồn đơn phương nào đó, mà có thể là những nỗi buồn đa phương của mười hai ngàn bảy trăm tám chục đêm đúc kết lại.

Một phần nữa đời người trôi mau như thác lũ tôi đâu có ngờ rằng : trong những nỗi buồn đa phương đó em lại là người chiếm hết chín phần mười những suy tư, những ray rức của tôi.

Ngay từ buổi mới lọt lòng mẹ tiếng khóc đầu tiên đã mang nhiều đơn côi, và bất hạnh, đôi tay trẻ thơ quờ quạng tìm ắp tưởng khối sương, tôi đã hơn một lần nắm trong tay định mệnh.

Những đêm trường ngửa mặt nhìn trăng sao, tôi tự hỏi : đời buồn hoài vậy sao ? và tôi chợt nghĩ đến em.

Một ngày nào đó có thể là một năm hay hai, ba mươi năm nữa khi một phần nữa cuộc đời còn lại chấm hết. Hình hài này rồi cũng mục rữa theo bụi cát, và lúc đó hẳn tình yêu đã thuộc huyền sử phải không em ?

Thời gian rồi cũng làm phai pha những kỷ niệm thật đẹp, và do đó sự im lặng của em dành cho tôi lúc này cũng thật đẹp như những kỷ niệm thật đẹp đã thuộc về cớ tích,

Đĩ vàng chất đầy trên lưng loài ngựa thồ chậm chạp dưới chân đèo một chiều nao gió heo may trở lạnh, mang trọn vẹn hình ảnh của quê hương, tôi lại chợt nghĩ về cuộc đời như nghĩ về những cái chết bất hạnh của người dân nhược tiêu:

Hai, ba mươi năm trời đàng đẵng chiến tranh vẫn còn đó, máu, và nước mắt người dân Việt vẫn còn đó. Quê hương quê mình rên xiết trong bom đạn ngút ngàn định mệnh đó sao ?

Bất hạnh vô tròn trong đôi bàn tay bé bỏng, hơn một lần cửa tu viện đóng lại, và mùa xuân cuộc đời đang hấp hối ở bên kia lũng thấp linh hồn.

Những lần đối diện với chính mình, tôi mới cảm thấy ghê tởm mình, ngao ngán mình như một kẻ mang trong người chứng bệnh phong cùi, và trong sự ghê tởm đó, ngao ngán đó một chút tiếc nuôi không

đủ mang lại cho tôi một niềm tin tưởng nào hết !

Bao nhiêu lần bất hạnh chấp chông trong kiếp sống, do đó tình yêu trong tôi mang một màu sắc hoài nghi, mà kết cuộc của nó là những bi thảm đáng đặc... đáng đặc như giồng thăng năm bất tận !

Niềm cô đơn mạ vàng như cuộc đời một à giang hồ, tôi tự hỏi những thảm cảnh của quê hương này còn kéo dài đến bao giờ ?

Bom đạn từng giây..., từng phút vẫn tiếp tục xoáy sâu vào lòng đất mẹ Việt Nam kêu rên trong vô vọng !

Những lần đối thoại với lịch sử, sự hành diện trong tôi không khỏi gợn lên một niềm chua xót.

Việt Nam có 4 nghìn năm văn hiến thì có đến trên ba nghìn năm bị đô hộ, chiến tranh và đói rét, thật là bất hạnh cho Tổ quốc chúng mình em nhỉ ? !

Từng đêm... từng đêm nối tiếp tôi vẫn thường ngửa mặt nhìn những vì sao lấp lánh qua khung cửa nhỏ.

.... Ngày xưa mẹ thường bảo : mỗi một vì sao có một linh hồn, nếu quả đúng như lời mẹ nói, tôi nghĩ rằng ngôi sao sáng nhất kia là linh hồn em đó.

Sài Gòn vẫn thường có những ngày mưa nắng bất thường, bất thường như những biến cố của những ngày đầu cách mạng, hay nói một cách khác — cũng bất thường như tình yêu của chúng mình.

Những cánh thư của em vẫn đều đều đến với tôi, nhưng nó không đủ che dấu được những vết nứt rạn của một tan vỡ

phải đến, do đó tôi nghĩ rằng nếu em dứt tình với tôi lúc này thì thật tôi đẹp biết bao.

Con đường trước mặt, hay con đường sau lưng cũng đều đưa đến địa ngục cả, định mệnh đó, nhưng kết cuộc của định mệnh có ai biết trước được bao giờ ?

Ngay từ thuở mới sinh ra con người, đã cảm thấy mình phi lý rồi : chọn lựa, hay buông thả cũng chẳng lợi ích gì cho đời sống hết ! !

Em yêu quý — Khoảng thời gian 365 ngày đủ làm nhạt phai những mối tình dù là những mối tình gắn bó nhất, và những kỷ niệm rồi cũng theo khoảng cách đó mà tan biến vào hư vô.

Triều đăm mê rồi cũng chìm sâu trong lòng vực nội tâm, và do đó sự nôi loạn của tuổi trẻ cũng hoàn toàn phi lý như con người thế hệ này vậy.

Chút thân phận hèn mọn như một kiếp gấu đơn hèn nằm thu mình trong vỏ trứng, tôi đã nghĩ về cuộc đời, nghĩ về tình yêu, như nghĩ về những ảo tưởng, mà trong đó niềm cô đơn mạ vàng đã được tôi dựng lên để tự lừa dối mình, để tự tìm cho mình một đối tượng, một định mệnh.

Một buổi chiều trong những ngày cuối hạ năm nay trời Sài Gòn thường bất chợt đổ mưa, tôi nói bất chợt vì Sài Gòn vẫn thường có những sự bất ngờ như thế đó, nó cũng bất ngờ như lần em đến thăm tôi, và câu đầu tiên em nói với tôi :

— Ghét anh thấy mồ.

Rồi sau đó em hồn trách tôi đi đi, em dọa sẽ cắt đứt mọi liên hệ

tình cảm với tôi... rồi em khóc.

Nhìn khuôn mặt kiều diễm, đôi mắt đẫm nước của em, tôi chợt thấy thương em quá, thương em như chưa từng thương một người đàn bà nào khác, nhưng tôi không hề nói với em một lời nào ngoài im lặng rưng rưng của tôi, tất cả những kỷ niệm đều được thu gọn trong một đêm ngà ngọc ngấn ngùi, mà trong đó nỗi đam mê của tôi, của em theo từng giây phút lớn lên... lớn lên cùng với hòa điệu của tình yêu.

Chúng mình đã với nhau những gì trong đêm?... làm sao mà quên được những kỷ niệm êm đẹp như gấm như hoa hả em ?

Đêm đó em hỏi tôi đã nghĩ gì về cuộc chiến tranh, về những cái chết của thằng Hoàng, thằng Châu bạn tôi về đời sống còn lại của con Huyền, con Diễm bạn em - tôi đã trả lời :

- Đó là điều bất hạnh cho đất nước, và cho những người đã chết.

Câu trả lời của tôi dường như không làm vừa ý em nên em gằn giọng hỏi lại tôi :

- Nhưng còn những người đang sống thì sao ?

Tôi chắc lờ mờ nói với em.

- Ấy đại khái cũng bất hạnh như vậy đó, cái đẹp của thế hệ này là hiện tại mà, cũng như tình yêu của chúng mình chỉ đẹp trong một đêm vàng ngọc này.

Em hôn nhẹ lên môi tôi, và trách,

- Sức mấy mà ham, ghét anh quá hà.

Rồi thì sau cái đêm vàng ngọc đó chúng mình xa nhau vĩnh viễn.

Tình yêu mong manh như bọt biển, và thân phận con người thì bé bỏng luôn luôn bị những làn sóng của bất hạnh, của chiến tranh, của đói rét nhồi lên đập xuống như những rác rến giữa trùng-dương.

Qua những lần đọc thực với mình hơn một lần chân-lý khoắc áo ra đi, và cho mãi tới lúc này tôi mới thấy sự thù hận mình giữa cuộc đời, giữa tình yêu.

Bóng tối chập xuống thật mau trong căn phòng nhỏ bé ngột ngạt, ánh đèn bình hoạn không đủ soi sáng trên những khuôn mặt đăm chiêu, tôi bất chợt nghĩ đến những hàng giấy kèm gai đến cuộc chiến phi lý kéo dài hai chục năm, đến những thằng bạn đã chết, và những người đang sống.

Tuổi xanh trôi qua rồi mất, cũng như mùa xuân có hứa hẹn trường cửu bao giờ. Xin trả lại em chút tình yêu trẻ thơ bằng sự cảm lạnh thuần khiết.

Ngoài kia... vang vọng từ đâu đó tiếng chuông từng nhịp... từng nhịp và về ngự trị trong tiềm-thức, tự nhiên tôi cảm thấy lòng lâng lâng một niềm ảm ửi thiên thượng.

Tiếng chuông thức tỉnh lòng trần.

PHƯƠNG - NGỌC

Khóc - Mẹ

Những buổi chiều nơi Phố vắng nghẹn ngào
Lọng về đất mẹ bằng những giọt nước
mắt thương tâm với nỗi lòng tha thiết

*Trước mộ mẹ đau lòng con nước nữ
Lời nghẹn ngào lệ đò hận cô đơn
Cảnh chia ly ôi chơn chứa tuổi hờn
Hồn mẹ đã về thiên thu thế giới*

*Lòng mẫu tử ôi tình cao diệu vợ
Chắc mẹ sầu chờ đợi đưa con yêu.
Con nơi đây đau khổ nhớ thương nhiều
Vắng bóng mẹ ai nâng niu chiều chuộng*

*Con nhớ bữa cơm mâm cà dưa vụn
Lúc gia đình hoà hợp cảnh đoàn viên
Nhưng hôm nao mẹ lễ Phật khẩn nguyện
Tiếng chuông mở ngân dài trong đêm vắng*

*Những buổi bình minh bầu trời yên lặng
Mẹ một mình vun xới đám cải hoa
Nhưng chiều nay vườn đọng dưới nắng tà
Đồng cỏ úa bãi tha ma bụi rậm*

Con dâng hương lòng lằng lằng cảm động
Dưới chân trời đầy thảm trạng thê lương
Dãy lau thưa đám gạch ngói khô vàng
Bên mộ cỏ những tấm bia phai nhạt

Nghe gió rít khói hương thưa rời rạt
Tiếng náo nùng như thần tượng đầu đầy
Lạnh lùng ghê tiếng vi vút ngàn cây
Sương phủ xuống những chiều hoang
rờn rợn

Con ước nữ khi về lòng tê lạnh
Giàn cà chua đám dưa đỏ héo tàn
Những vật gì được ngày mẹ sữa sang
Nay đồ nát như vườn hoang tiêu tụy

Con phải sống giữa chuỗi ngày vô vị
Mất mẹ hiền nguồn An-ủi vô biên
Con chân tâm trước Tam Bảo hương
nguyên
Cầu mẹ được Pháp thân miền Lạc Quốc

LÊ SƠN TÙNG

Đa-Năng

Bức thư TOKYO

MỘT NGÔI CHÙA

Đại Đức THÍCH VIÊN DUN

Thôn

quê

Nhật

Bản

TÔI mới đến Nhật Bản chưa được hai tuần lễ mà viết về nước Nhật, sự tránh khỏi những nhận xét hàm hồ của quan. Nhất là đối với Phật giáo, một tôn giáo có nhiều ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng xứ này và phát triển dưới nhiều hình thức, thì cái nhìn của tôi thế nào cũng lớt phớt bề ngoài. Tuy nhiên, những cảm tưởng đầu tiên bao giờ cũng in sâu trong ký ức — thế sự thực sau này trái ngược lại có thể nên — như lần đầu tiên ăn một món ngừ dư vị còn mãi mãi về sau. Bởi thế, tôi ghi lại đây một vài nét gọi là gìn giữ cái dư vị đầu tiên ấy đối với Nhật Bản hay đúng hơn là một ngôi chùa thôn quê của xứ này.

Đúng vậy, nơi mà chúng tôi rong đến là một ngôi chùa ôn quê cách Tokyo gần 200 y số về phía bắc thuộc huyện uân-Mã (Gunma), thôn Túr ri (Komo), một thung lũng ữa một miền núi, ở đây cũng nơi có đường tàu điện yên sơn nối Đông Kinh với c huyện (như các tỉnh bên) miền tây .

Chùa tên là Song Lâm tự, ri làm việc của thầy Shuko hizuki, người đã đứng bảo nh cho tôi sang Nhật. Như ế, lý do của tôi đi đến ngôi ừa nói trên cũng rất giản dị thăm thầy và cảm ơn thầy giúp đỡ tôi được hợp pháp phương diện giấy tờ xuất ọại.

Tôi đi với anh bạn sinh ễn Việt nam. Anh này thạo ếng Nhật nhưng với ngôi ừa trên, thì anh chưa từng ến. Do đó chúng tôi đi tàu ện theo bản đồ cầm tay, lòng ơng mãi 2 giờ 30 chiều mà ын 8 giờ tối, chúng tôi mới ến chùa. Nói thế, chắc nhiều ười nghĩ rằng có khác gì xe ền ta, chưa tới 200 km mà

gần 6 giờ. Không phải thế, tội nghiệp cho nước Nhật chứ. Bởi vì chúng tôi xem bản đồ hay quá, nên đi lòng vòng gần 100 cây số nữa.

Đã vậy, lại không đi tàu cấp hành (như tàu suốt bên mình) mà đi tàu ta gọi là tàu chợ, ga nào cũng ghé, cho nên kết quả mới thế thảm như trên. Khi đến nơi thuật chuyện lại, thầy Ishizuki không khỏi bật cười, và đến lượt về thầy chỉ chúng tôi đi theo con đường tắt bằng tàu cấp hành chỉ mất có 2 giờ đồng hồ.

Tiền đây, tôi xin phép mở dấu ngoặc đơn dài dòng một chút về nhận xét trên đường đi đến Song Lâm tự. Thứ nhất là tàu điện. Có lẽ phương tiện xe dịch thuận tiện và phổ thông nhất tại Nhật là tàu điện. Ở Nhật có nhiều thứ, trong nội ô Đông Kinh cũng như nối liền với các tỉnh toàn quốc, tôi biết cũng chưa hết. Có điều chạy rất đúng giờ, cỡ chừng 2 phút. có một chuyến. Do đó mà xe gần máy vắng bóng trên các đường phố, không nhiều như bên ta, xe đồ cũng ít thấy. Thứ hai là nông thôn Nhật Bản, tôi

AN LẠC

cố ý nhìn, nhưng cái nhìn vụt qua ngoài khung cửa kính của con tàu, cũng không thề nào thấy hết mọi chi tiết. Nông thôn Nhật Bản có khác gì bên ta. Chỉ vì họ được cơ khí hoá sớm hơn ta nên cái gì cũng dùng máy móc.

Điện hầu như khắp thôn quê đều có. Đời sống bên trong nhà cửa thế nào, tôi không được biết kỹ, nhưng chỉ nhìn thấy những cột ăng-ten vô tuyến truyền hình nhà nào cũng có, thì đủ biết Việt-Nam ta còn hơn xa! hơn gần cả trăm năm hay hơn nữa, không biết.

Tàu đến ga Shibukawa (Sáp Xuyên) khoảng 7 giờ hơn. Anh bạn Việt Nam dắt đi đâu, tôi ngoan ngoan chạy theo đó, trong bụng phấp phồng sợ lạc như ngày còn nhỏ đến Saigon. Lên xe buýt đi một quãng nữa, rồi xuống đi bộ vào con đường đất ruộng gồ ghề. Trời đã tối, nhưng nhờ một vài bóng điện lưa thưa, mà chúng tôi lần bước không e ngại. Chốc chốc, anh bạn Việt Nam ghé vào ngôi nhà bên cạnh đường hỏi một tràng tiếng Nhật, tôi chẳng biết ất giáp nào. Nghe anh bạn lặp lại mãi cái chữ na ná như là Sorinja,

lời hỏi ra mới biết đó là Song là tự phát âm theo lối Nhật.

Tám giờ hơn, chúng tôi đi chùa. Trời bên ngoài quá lạnh. Ngài Trụ Chức (có lẽ bên ta là T. Tri) tiếp chúng tôi trong phòng khách bên cạnh lò sưởi. Sau khi biết lý do của chúng tôi, Ngài g thấy Ishizuki. Chúng tôi gặp nhau mừng rỡ và thầy Ishizuki không dẫu được về ngạc nhiên. Thì nói tiếng Nhật với anh bạn Việt Nam và hỏi tôi bằng tiếng An. Tôi trả lời câu được câu mất. Sau đó thầy đưa chúng tôi vào phòng khách riêng, nói chuyện mãi đến khuya mới đi ngủ.

Ngôi chùa Song làm n thể nào xin đề dành cho buổi sáng hôm sau. Thật vậy, khi có ánh mặt trời chiếu sáng qua khung cửa và tiếng chuông đầu trên tầng gác nào đó, chúng tôi đã trở dậy. Bên ngoài sương mù trắng lơ lửng bao phủ một vùng đồi núi tò như Đalat bên ta. Dĩ nhiên trời quá lạnh. Tôi bước dần vào bên trong chùa. Chùa rộng thê thang, sàn gỗ, chạm trổ rất công phu nhưng vì lâu quá nước và đã phai lờ mờ. Trước gian Chánh điện, tôi thấy có một tấm bảng chạm nổi mấy chữ Tàu mà t

Ờ TÔI CỜ NHỎ MANG MẮNG NHƯ
 à «Song Lâm hộ quốc thuyền tự»
 trên bàn Chánh điện thờ Đức
 Thích Ca có hai ngài A-nan, Ca-
 tiếp đứng hầu hai bên dường như
 áo gổ thiếp vàng. Lối thờ cũng
 ăn giống Việt Nam, cả tượng
 thật cũng vậy. Bên cạnh thờ các
 vị tồ của chùa và đằng xa một bộ
 bài la liệt những bài vị của
 những người chết đem về chùa
 hương bàn hương linh bên ta. Ngài
 Trụ Chức và thầy Ishizuki đang
 hành lễ buổi sáng. Ngài Trụ Chức
 áp y màu nâu non, tay cầm một
 bài thẻ ngắn, đen có tua vàng lọt
 quỳ ở gối giữa, Thầy Ishizuki quỳ
 bên cạnh sử dụng chuông mõ như
 bên ta. Tiếng tụng kinh trầm trầm
 nghe rất truyền cảm. Tụng bằng
 tiếng Nhật, tôi chẳng biết gì,
 nhưng nghe âm thanh vang lên,
 tôi tưởng chừng như buổi công
 phu khuya bên nhà thờ tụng
 kinh Lăng Nghiêm. Sau đó ngài
 Trụ Chức đứng dậy cầm một nén
 hương cháy hết phân nửa, miệng
 đọc Kinh đi khắp chùa từ gian
 này sang gian khác, dường như
 nhiều hay kinh hành của Việt
 Nam vậy.

Hành lễ xong, thầy Ishizuki
 dắt tôi và anh bạn đi xem chùa

Thầy nói chùa này cất hơn 500
 năm, thuộc tông Tào Động. Chùa
 có một đường lão viện bên cạnh
 Trong chùa chỉ có ngài Trụ Chức
 và thầy mà thôi thành ra rất bề
 bộn công việc, Chung quanh dân
 làng đều chịu ảnh hưởng của chùa
 không thấy hình ảnh một Tôn
 giáo nào khác ở đây. Chùa gốc
 của tông này là chùa Tổng Trì ở
 Yokohama (Hoàng Tân), hàng
 tháng thầy có về đó một hai lần.
 Ra bên ngoài chúng tôi có cái
 nhìn tổng quát về ngôi chùa Song
 Lâm. Chùa ở lưng chừng một
 ngọn đồi nhìn xuống thung lũng.
 Đằng sau chùa là đồi thông và
 trúc xanh. Trong sân và bên cạnh
 chùa có những cây tùng gốc rất
 to, thầy ishizuki nói khoảng đời
 ba trăm năm rồi. Mặc dầu mùa
 đông, tùng, thông và trúc vẫn
 xanh trong khi những cây khác
 như anh đào chỉ nở trơ cành
 như những bó chổi khô đứng rải
 rác trong sân, trên đồi ngoài ngõ.

Dĩ nhiên là chùa cất theo lối
 Nhật. Mái dốc và cong, ngói màu
 xám, trông cao và đồ sộ. Vách gỗ,
 sân gỗ có chạm nổi nhiều hình
 thần thánh hay linh vật gì đó
 nhưng lâu quá chỉ còn mờ một
 vài đường nét thoai thoải. Xung

mấy bậc là cái sân rộng, xuống mấy bậc nữa là một ngôi nhà có gác gỗ ba gian như công tam quan bên cạnh là gác chuông, gỗ có nhiều chỗ mục, gãy, nhưng mà ngôi vẫn chắc chắn, nhất là những đường nét kiến trúc dễ gây cho người xem một ấn tượng như đứng trước một cái gì nghiêm nghị, trầm lặng và bất diệt với thời gian.

Ấn sáng xong, thầy Ishizuki đưa chúng tôi đi xem dưỡng lão viện của chùa. Có lẽ chúng tôi lưu ý nhiều nhất về cơ quan từ thiện xã hội này của chùa. Ngài Trụ Chức tiếp chúng tôi ở phòng khách của viện. Tại đây chúng tôi được biết thêm chính ngài Trụ chức cũng là lý sự trưởng của viện này. Viện này tên là « Hộ dưỡng lão nhân xuân nhật viên. » Ngài cho biết viện đã có gần 30 năm rồi. Hiện có gần 60 ông bà lão. Điều kiện nhập viện là trên sáu mươi tuổi không còn thân thích. Ở mãi tại đây cho đến chết, xác đem thiêu còn tro đem chôn sau chùa. Ông bà lão nào mạnh khỏe thì có thể trồng thêm rau cải. Ngài vừa nói vừa

chỉ tay về mấy luống rau xanh phía trước. Mỗi người trung bình một tháng tốn 9 ngàn yen. Chi phí này do chùa và chính quyền địa phương lo liệu. Những nhân viên làm việc tại đây, ngoài những người của chùa, là những nhân viên của chính quyền biệt phái Ngoại viện coi như không cần thiết.

Sau đó, ngài hướng dẫn chúng tôi đi xem. Đến Thực đường tức phòng ăn, trên cao có đặt một máy vô tuyến truyền hình để giải trí cho các ông bà lão. Chúng tôi nghĩ, thế thì còn gì sung sướng hơn, e sướng hơn những người có thân thích.

Bệnh có bác sĩ, ăn mặc ở có chùa lo, chết chôn sau chùa, còn gì phải lo phải khổ. Có lẽ vì vậy mà mấy ông bà lão ở đây lại trẻ thêm ra và mạnh khỏe hơn chăng? tôi nghĩ thế. Phải chăng điều mà mọi người cho là bất hạnh lại là một điều hạnh phúc cho những ông bà này. Cảm nghĩ đầu tiên của tôi trước khi đến là hình ảnh của đơn bản, lượm thượm; những ông bà già gầy trơ xương, thô phều phào chờ hơi thở cuối cùng. Nhưng thực tế lại khác hẳn, khác xa, tại

sao tôi có cảm tưởng trái ngược như thế, chính tôi cũng chưa giải thích được vì sao.

Trở lại phòng khách, chúng tôi hỏi thêm trong toàn quốc có bao nhiêu viện như thế này. Ngài Lý sự trưởng trả lời, riêng tôn Tào Động có khoảng 60 viện. Có 60 viện, tôi lầm cảm mãi còn số kê trên, trong khi liên tưởng đến Việt Nam có vào khoảng 3 hay 4 gì đó vừa có nhi vừa ký nhi viện, Đó là lượng. Còn phẩm của ta có lẽ hơn Nhật xa. Tôi ngồi im một hồi lâu nhìn qua khung cửa kính của phòng khách. Đàng xa mấy ông lão đẩy cửa bước xuống sân để sưởi nắng mới lên. Một

vài ông vừa đi vừa gõ nhịp hát theo một điệu nhạc từ máy vô tuyến truyền hình vọng ra.

Sau bữa cơm trưa, thấy Ishizuki gọi xe taxi đưa chúng tôi ra ga. Xe xuống đồi. Hình ảnh Song Lâm tự, dưỡng lão viện, đồi thông những cây tùng, mấy ông lão vừa hát khướt dần trong đám bụi mờ: Hai bên đường là đồng trống, thỉnh thoảng một vài ngôi nhà, trường học, quán bán hàng. Tôi liếc tưởng đến nông thôn Việt Nam lúc này, một ngôi chùa trong một làng quê Việt Nam lúc này.

Tokyo 10-3-67

Đại Đức Thích Viên Dung

ƠI HÉ!

Trò AN : Tao đố mày cấp Xa ai lớn?

Trò BÌNH : Ông Chủ tịch chớ ai.

Trò AN : Trật lất! Anh Nghĩa Quân gát cửa mới lớn, vì muốn gặp Ông Chủ tịch thì phải được phép của anh.

Trò BÌNH : ... ờ ... ờ ...

Trò AN : Đố mày trong lính ai lớn?

Trò BÌNH : Đại tướng, Thống tướng.

Trò AN : Sai rồi bồ ơi! Đại tướng, Thống tướng còn do một người gán cấp hiệu chỉ có Bình Cà Gật...

Trò BÌNH » ... ời ... hé...! hé :...

XUÂN MAI

Năm mới nói chuyện đời sống người dân Hoa Kỳ :

CÓ THỂ CÓ NHỮNG KẸ NGHÈO KHỐN ĐANG SỐNG GIỮA SỰ GIÀU CỎ của nước này ?

- ✦ Đi tìm một lẽ sống an lạc cho nhân loại thuần túy của nó ?
- ✦ Có lẽ nào giữa sự giàu sang của Hoa kỳ lại có điều như sau ?
- ✦ Những «hàng nhà» chật chội ảm thấp của 1 số người khốn cùng ?

✧ Nguyễn-Quang LƯỢC DỊCH TÀI LIỆU LÉLECTION 6-1965

Một sự nghèo túng thâm căn cố đế đang tiếp diễn không có lối thoát của một số gia đình người Mỹ trong hiện tại giữa sự giàu sang phú quý của nền kinh tế thượng thịnh Hoa kỳ phải chăng là điều đặt bày giả tạo của tác giả tuần báo NewsWuk ?

Một vài bằng chứng cụ thể :

TIỀU BANG thành phố Nữu-Uớc hiện nay đang có 430,000 dân chúng, kể cả nam phụ lão ấu, đang sống vào sự nhò vĩa của ủy ban xã hội cứu tế, đều hàng ngàn người sống

chui rúc trong những «hang nhà» ngõ hẻm dọ dáy chật hẹp đây chuột cống, mặc dầu gần có 8.000.000 người Hoa kỳ đã và đang có một số tổng tài sản trên 400.000.000 đô la đóng góp mỗi tháng vào ngân sách quốc gia

Và, năm 1955, tổng số người khốn khổ này đã tăng gia thêm lên 2 lần mau chóng, nếu đem so với dân số toàn quốc.

Tại Miền Nam Hợp chúng quốc, nửa phần đại đa số gia đình người Mỹ Đen trong các làng mạc, huê lợi hàng năm chỉ có thể vừa đủ nuôi sống họ mà thôi, khi chưa muốn nói tạo lập thêm nhà cửa.

Những người Ấn Độ gốc Mỹ, nhờ khéo cần kiệm làm đã và đang nuôi dưỡng một đời sống ba lần khã quan hơn dân chúng Hoa Kỳ.

Sự nghèo nàn khốn khổ, thiếu trước hụt sau, đối với một số đông người Mỹ bạc số, ngày nay, không phải là một sắc thái nghịch thường mới lạ, nhưng, giữa thế kỷ X X, đại quốc gia giàu có, tận cùng phát triển đủ mọi lãnh vực, và cũng là trang sử Ộng nhút của nhân loại, đã và đang lo phát triển kinh tế quốc gia quốc tế cho dân Hoa Kỳ và thế giới đều sớm chấm dứt nạn đói rét nghèo khổ bệnh tật ngu dốt.

Nhưng ngược lại, chương trình đại qui mô bác ái trên đều lại làm tăng gia sự nghèo khổ của một đám người dân trong nước như đã nói.

Đã có 100 năm qua, một số người lao khổ đang sống tình cảnh phụ phàng của nhân thế, mặc dầu thiên hạ lại không bao giờ tin tưởng như thế.

Nhưng hiện nay, khi có kẻ nghèo khó tức nhiên ngoài này đang sống ngoài cộng đồng xã hội Hoa Kỳ, nên Paul jacots nguyên cán bộ trung kiên của nghiệp đoàn lao động đã thổ lộ sau khi đi khắp nước trở về.

Những kẻ bần cùng đều thất vọng, không ai dòm ngó,

và chẳng thèm thương xót cho số phận hẩm hiu của họ. Vì những người này đều đang ăn bận những chiếc áo quần lụng thụng mua ở chợ trời.

Ông này lại còn nói thêm:.. Họ sống trong một thế giới nghèo mạt riêng, giữa mặt xã hội phần thịnh tràn ngập những tòa nhà chọc trời, đều nuôi sống bằng đậu cà và, thỉnh thoảng, mới ăn được thịt nấu khoai lang tây một lần trong tuần lễ nghĩa là, họ chẳng có «bông» tiếp tế mua thực phẩm ?

al — Chỉ phúc họa 1/5 thiều số dân chúng và tổng số lợi tức quốc gia: Hiện nay, tại hiệp chúng quốc, mức tổng sản xuất thực sự hàng năm về lãnh vực kinh tế lên tới 600,000,000 đô la, con số này mặc dầu chưa chính xác, 70,000,000 dân số mỗi người đều có công ăn việc làm, mức sống của mỗi gia đình đã đang thấy lên cao.

Song, người ta lại thấy đang có 35,000.000 người nghèo đói tức nhiên vào khoảng 1/5 tổng dân số quốc gia và, điều này vẫn còn chưa có thể xác nhận là điều đúng theo bản thống kê.

b1— Những người nghèo này là ai? Đa số gia đình vô sản đang sống giữa thị thành đều là đàn ông đàn bà chủ nhà sớm thôi học vào tuổi 12. và, đa số người này đều sanh sống tại Miền Nam nước Mỹ với thống kê 220/0 dân số gồm cả hắc và bạch chủng.

Một phần tư các gia đình ấy, những chủ gia đình đều đàn bà mà 1/3 lại do: Đàn ông hoặc phụ nữ đàn bà già vào tuổi 65 đều, tính chung, đang có 300/0 người không được ai cứu tế giúp đỡ, tư cách sinh nhai.

Thực trạng thất nghiệp nghèo túng này đang lan rộng do sự bấn loạn của hạ tầng cơ sở phải chăng chưa được sự đùm bọc của Hoa thịnh đốn?

Tháng giêng năm 1964 đã có 4.600,000 người Mỹ, vào khoảng 6,40/0 lao công thợ thuyền đều thất nghiệp khiếm dụng nhưng theo nhân nghĩa thông thường của chữ này vẫn còn

chưa Mấy đáng kể.

Song, ngày nay, đa số người bị khiếm dụng đều là những người vô nghề vô nghiệp, phải chăng chưa được hệ thống xã hội hướng nghiệp ?

c.— *Thử tìm căn bản nguyên nhân vấn đề* : việc nghèo túng khốn khổ tại đây đại khái thể hiện tiếp diễn như sau :

Có thể những nhân công thợ thuyền đều bị sa thải, tại nguyên nhân khoa học phát minh quá nhiều máy móc thay bớt thợ thuyền.

Và, khi máy móc nhiều như thế, các chủ nhân ông đều, lẽ nào lại còn phải thân dụng thợ thuyền khi chưa muốn nói đến hàng ngàn hàng triệu lao công ?

Lại nữa, tiền công làm ngày làm giờ đều không phù hợp với giá sanh hoạt vật dụng mỗi ngày mỗi cao trong khi khoa học phát minh nhiều vật dụng khéo đẹp.

Ngoài ra, chưa ghi lại đây đáng có một số đông người, vì thiếu sức khoẻ, đều không được chấp nhận vào làm việc trong các hãng xưởng.

Trong bước tiến mạnh của khoa học Hoa kỳ và mức kinh tế phát triển tận cùng đã chiều của nước này, nếu người nào không chạy theo kịp cái đà tiến hóa lớn mạnh ấy, sẽ bị đào thải ngay.

Tuy nhiên nói cho đúng, cảnh nghèo đói khốn nạn đang tiếp diễn ở Hoa kỳ nếu đem so với Ấn Độ vẫn là « cửa cha » chứ đâu phải « cửa con » ?

Người VN nếu đem so sánh lại không thể so sánh với những người nghèo ở Hoa kỳ được phải chăng cảnh nghèo của người VN đã đang làm cho họ thành « thói quen » và cũng là « cái vốn liếng » thông thường của họ vậy.

Vấn đề trợ cấp cứu tế những người này :

Thử lấy một thí dụ bằng chứng cơ quan cứu tế xã hội Harlan nằm tại trung tâm vùng nghèo đói có nhiều kẻ khốn cùng nhưng không miền Kentucky đang có 880/0 gia đình có máy giặt 670/0

máy vô tuyến truyền hình 42% gia đình có gắn điện thoại và 59% người, mỗi người có một chiếc xe nhà.

Tại Nữ ưóc trong vòng «Lower East Side» đang có một gia đình trung lưu mua dùng một chiếc máy vô tuyến truyền hình nổi. Và theo cuộc điều tra theo các tài liệu thống kê cho biết, năm 1962, trong đa số chủ điền tại đây đều có một số chủ nhân hết nghèo túng, xây cất được nhà cửa.

Tuy nhiên thực trạng nếp sống của phần đông dân chúng ở đây đều chưa tương đối cao đẹp mà những nét chánh sau đây đều có thể đem ra ánh sáng đại khái!

a.— *Gia đình Bà Pauline Vélif* : Tại Nữ ưóc, trong khu phố người Tây ban Nha ở Harlem Bà Pauline Vélif và 6 đứa con đều «chung đực» trong 4 gian phòng chật hẹp như cái hang, cách biệt với thế giới rục rờ của xã hội văn minh.

Những nỗi buồn phiền của họ là những con đường ngang dọc đầy cạm bẫy như bệnh tật do các loài thú của người Mỹ nuôi bừa bãi, thiếu vệ sinh xông ra như thể.

Rosalinda, 10 tuổi, vì thế, đã đang vướng phải bệnh ho suyễn và Bertile, 5 tuổi, lại rên siết vì bệnh phong thấp tê bại xụi. Còn Bà Vélif là một thiếu phụ đang hồi 38 tuổi, vẫn nòn nà tròn trịa, sống yên, sanh trưởng tại HoaKỳ có giống máu Bồ-Đào-nha lai Mỹ.

Mặc dầu thế, lẽ ra, các đứa con của Bà này đều đáng được cơ quan xã hội từ thiện y tế Hoa-Kỳ chăm sóc nhưng, chúng đều đi học trường thiên chúa giáo do Bà mẹ dân dắc mỗi sáng và chiều lại Bà phải bỏ công việc nhà đến dần chúng nó về

Nhà cửa bếp núc của Bà, tương đối đứng ngoài nhìn vô, rất trang hoàng sạch sẽ nhưng, không vì thế, vội vàng «khen lấy khen đề», vẫn có nhiều con chuột cống xuất hiện đục khoét gặm những vật dụng trong nhà, tuy Bà có nuôi sẵn 1 con

Mặt khác, theo lời của Bà Vélég cho biết, các con cái của bà đều không có đồ chơi giải trí, nên lũ trẻ đều tỏ ra quá chậm chạp, thiếu trí khôn lanh, trong khi Bà là một Bà mẹ quá đảm đang.

Bà đã nói, bà hết sức làm việc và kể chuyện xưa giải trí cho các con bà. Vì trong lúc này các đường ngang đường dọc ở Hoa Kỳ đều tràn ngập xe cộ, nên vì thế, Bà không dám để chúng ra khỏi nhà sẽ có nguy hiểm tánh mạng.

hl— Gia đình Claudie và Tobé Love: Sáng nào cũng thế tại vùng Taliaperro «Georgie» một bà nội trợ Mỹ Đen có 2 mắt như 2 con ốc bươu tên Chaudie Mae Loeve, quét sân nhà đập bằng nền đất trước ngôi nhà 2 căn của bà.

Tường không nên mô tả hình dáng của ngôi nhà 2 căn của bà này cất lên vì quá què mùa, khi người ta trông thấy phía trước nhà không có những nét kiến trúc mới, nhưng cả một gia đình đông người đang ở đây.

Bà có 8 đứa con và đã có 3 đứa lè ra đều đã đi học cả song chỉ có một đứa hiện nay đang được đi học. Còn những đứa kia, theo lời bà cho biết, sở dĩ không đi học được bởi không có áo quần.

Ông Tobe, chồng của bà, là một người hiền hậu thật thà quá, đã gần 50 tuổi trên 2 vai, chuyên sống về nghề thợ cưa đang trong tình trạng thất nghiệp khiếm dụng từ mùa thu năm 1964 đến nay, sau khi làm công 18 năm trong một hãng cưa nọ và 3 năm trong một xưởng khác.

Những hãng cưa tay trong khu vực Georgie đều bị cưa máy giết chết hết, nên Tobe đã phải giải nghệ xoay qua nghề khai phá 16 mẫu ruộng vườn trồng bông, chia lợi tức với một người Mỹ trắng. Vì, người này có đất đai bỏ hoang đã ký hợp đồng với ông cho ông mỗi tháng 50 đô la và sảm đủ máy móc cây bừa và nhân công cho ông khai thác canh tác.

Song, sau khi được mùa bông, ông Tobe lại khó nổi

của ông gồm có 8 đứa con và 2 vợ chồng là 10 miệng ăn đều sống trong cảnh hăm hiu đạm bạc vô cùng.

Cửa nhà vách tường của ông toàn dán bằng giấy màu đều bị lũ trẻ noang nghịch xé nát tanh banh, chỉ còn lại những tờ cáo bạch các hàng buôn lớn phát cho không đều được ông bà thay thế trang hoàng nhà cửa.

Ông Tôbe, trước thực trạng gia đình như thế, ước ao sẽ tìm ra được công ăn việc làm nhưng đến đâu Ông cũng chẳng kiếm ra được sở làm. Vì máy móc đã cướp đoạt công ăn việc làm của thợ thuyền nhân công ở, HoaKỳ.

cl — Thanh niên Mỹ, đời sống tinh thần vật chất: Thomas Ray Spray mới 21 tuổi đã và đang sống một cuộc đời vô vọng vì thất học trong tuổi niên thiếu, khi lên tuổi này, cậu phải chịu khó đi học thêm tại một trường trung học ở Iowa.

Nhưng các giáo sư đều cho cậu hay cậu sẽ khó lòng tiến đạt trong cuộc đời thành nhân, cho đến nỗi sau khi cùng đường sanh kế, nhảy vào lính, Ray Spray cũng lại bị bác sĩ khám không đủ sức khoẻ phụng sự binh ngũ.

Mặc dầu, Cậu nói, làm quân nhân HoaKỳ là một vinh dự có tiền lương nhiều, được đi đây đi đó và sẽ có dịp học hành cho kiến thức giàu có thêm. vẫn thất vọng và sống lang thang trên các «vĩa hè».

Cậu sống với thân mẫu bị cha để bỏ, và một em gái 15 tuổi đều sống trong một lều 2 căn lợp tôn đóng thưng ván lằng quăng leo queo như hình con thằn lằn, quét màu sơn sặc sỡ với tất cả sắc thái gia đình buồn thảm chán nản.

Vì nhà nghèo và đói quá, Cậu đã nhảy vào làm công cho một tiệm bánh ngọt được 2 tháng 15 ngày, nhờ lúc đó Tết Tây sắp đến, mọi người đều sửa soạn mua sắm bánh ngọt ăn Tết, nên cậu mới có việc làm như thế.

(Xem tiếp trang 73)

Suối Tam Đạo

(tiếp theo trang 30)

Thuận,

Tôi tình cờ đọc được lá thư của bé Nai Sương hôm nay. Lá thư Nai Sương gửi cho Phương Mai vì Phương Mai đã về Dalat lâu rồi. Phương Mai quý lắm, xem như một kỷ vật lúc nào cũng giấu kỹ trong túi áo.

Phương Mai,

Sao Phương Mai lâu trở lại đây thế

Nai Sương nhớ Phương Mai rồi. Nai Sương viết thư cho Phương Mai. Thầy đã đi mất biếc mà Phương Mai cũng lại đi nữa, Sương buồn lắm. Sương ra ngoài bụi cây hồng điều chỗ chúng mình làm bếp nấu cơm và dọn quán đó, bây giờ không thấy con bướm nào tới mua cả. Phương Mai về Thành có gặp thầy không? Khu rừng chỗ trường mình không trở nào dám ra cả, thành rừng hoang rồi. Phương Mai có nhớ suối đá không? Phương Mai đừng bảo Sương dẫn đi nghe, Sương sợ ông Kẹ lắm. Nếu có thầy, thầy dẫn mình lên thăm ông Tiên. Ông Tiên giống mình lắm, Phương Mai nhỉ! Phương Mai có nhớ Chít Tùng không? Nhà Chít Tùng tản cư đi rồi vì ở đây ban đêm súng bắn nhiều lắm. Sương buồn quá vì chỉ còn có Ma Kream để chơi với Sương thôi. Nhớ Phương Mai.

Nai Sương

Thuận,

Nếu đọc được lời tôi mà Thuận tìm tôi ở đô thành này không có, thì chắc là tôi đã đi rồi. Tôi đi. Tôi phải đi. Lá thư của Nai Sương tôi còn thuộc từng lời từng chữ đau xót. Tôi đi. Chưa hẳn đi đâu đây. Nhưng ít nhất phải rời đô thành để tìm kiếm. Tìm kiếm lại những gì của tôi đã mất.

Thuận,

Nếu lòng muốn gặp tôi thì có lẽ nên đến suối cộp, núi tam đạo, có hy vọng nhiều hơn. Nhưng Thuận đã chuẩn bị gì chưa? Ta dọn mình để chào đón một cơ hội Thuận ạ.

AN DI

BÃI CÁT

MINH DŨNG

Thằng mẫn bỗng ngừng nhai bắp rang, nhìn chị nó. Chị nó con Vịnh, dường như hiểu ý em cười thín thít:

— Tao cấm mày nhìn vào đó nghe không?

Mẫn trở lại hiền từ nói như vờ về chị.

— Khi nào chị mới đẻ?

Vịnh buồn:

— Không biết.

Mẫn khua tay vẽ một vòng tròn giữa không khí:

— To kệt rồi mà

Vịnh đỏ mặt đánh nhẹ vào lưng em một cái

— Đồ con trai vô duyên. Kệ thầy tao.

Mẫn nhìn ra ngoài nắng, lâu sau hỏi chị:

— Này chị Vịnh, chị sẽ sinh con trai hay gái?

— Không biết

— Con trai thì chết! Con gái thì sống.

Vịnh trợn em. Mẫn biết chị hay dị đoan nên giảng giải:

— con trai đi lính chết dễ ợt

Không trả lời gì nữa, Vịnh bâng quơ tìm lối thoát cái ám ảnh ghê gớm đó. Ngoài trời, nắng buổi chiều lùa một lớp rất mỏng. Vịnh nhớ nhanh những đêm sủng nở gần, những ngôi mộ vô chủ mới được dựng lên quanh nhà. Những người dân trong xóm bị kẻ lạ ám sát. Tỉnh thoảng xe nhà binh chở về ở sân banh một quan tài phủ cờ nhà nước.

Trong xóm nhà thờ có người chết thu hút một số đồng con nít vào xem, càng làm cho xóm nhà cô độc vây quanh một sạ mạc cát trắng xóa. Khác với với mọi hôm Mẫn tự tách rời bạn bè ở nhà với chị. Không

phải vì con gà chết dịch chị nó mới làm ram ngon lành, mà vì hôm nay thứ bảy, nó biết người đàn ông lấy chị nó sẽ về. Nó lấy làm buồn tủi vì ít lâu nay người đàn ông đó thường tìm có đề mắng mỏ chị nó.

Mັນ đoán không sai. khi người đàn ông lên xe gắn máy rù về phố. Nó thờ ra thoải mái như qua một cơn tai biến. Chị nó đứng dựa đầu vào cột nhà nhìn theo người đàn ông nó thấy chị nó càng ngày càng xanh, đôi mắt sâu hoắm và chỉ cái bụng cứ to mãi ra.

Bống nó chạy băng ra ngoài đường, tiến về những vật gì nằm lấp lánh dưới ánh mặt trời. Chóc lát nó đã reo lên:

— Chị, bạc các.

Vịnh chưa kịp nói gì thì nó trên tay năm đồng bạc các sáng mới:

— Em biểu chị đó, bữa nào để mua bia mà uống.

— Thôi. Cho em, giữ mà tiêu.

— Không, em biểu chị mà.

Như nhớ ra chuyện cần

thiết nó giật mình:

— À, hay đề mua con tem gửi thơ cho mẹ.

— Ừ.

Nó bỗng hỏi nhanh:

— Ủa thịt gà còn hết chị?

— Hết.

Mັນ mím môi.

— Còn cái xương nào mút đỡ thêm chị?

— Cũng hết.

— Chị phình em à

— Không.

Nó ngậm ngùi tiếc rẻ một mình:

— Hèn chi ông ấy không làm dữ với chị. Cả năm em mới thấy miếng thịt.

Chị nó buồn lây:

— Thôi em, gà dịch ăn đâu có tốt.

Một luồng gió mạnh hát cát bụi vào mặt hai chị em. Mັນ dụi mắt nhìn những ngôi mộ nằm liền từ bao bọc chung quanh:

— Mẹ đi mấy năm rồi chị?

— Lâu rồi chị quên.

Mẫn nhớ rõ khuôn mặt mẹ. Nhớ rõ đôi mắt nhưng đen như chị Vịnh. Nó không hơn gì thêm như mọi lần. Bây giờ dường như nó đã hiểu rõ chính cái cảnh túng thiếu này, chính cái bơ vơ, lạc loài này tạo nên mọi chuyện. Từ chuyện mẹ bỏ đi biệt tâm cho đến câu chuyện chị nó còn trẻ phải đi làm vợ lẽ. Tất cả, đối với Mẫn vô lý rồi hữu lý, hữu lý rồi vô lý. Nó chỉ tìm cách đập Phá hồi tưởng, tìm cách thiêu đốt sự nhắc nhớ mà thôi.

— Đè xong chị vẫn ở với em hả?

— Chị đi theo chồng chứ.

— Không, em không cho chị đi, chị đi em cũng đi, em níu áo chị.

Lát sau Vịnh hỏi nhỏ em:

— Em có sợ đói không?

— Sợ chứ. Sợ nhất đời. Sợ hơn chết.

— Thế không theo chồng ai nuôi chị, nuôi con chị?

Mẫn nuốt nước miếng, đưa mắt nhìn quanh không tìm ra câu đáp, chợt nó nhớ lời ngày xưa ba nó thường nói, Mẫn

mỉm cười:

— Trời sinh trâu sinh cỏ chứ

Nói xong câu đó nó thấy rằng mình vô ơn bội nghĩa đối với chị, bỗng nó ôm chặt bụng, chị mà khóc nức.

Giữa lúc đó bọn trẻ hàn xóm xuất hiện một lúc một đông. Thăng Luân đi trước cầm cây sào nhỏ, ở trên có treo tấm vải làm cờ. Trên tấm vải vẽ một đường cong hình chữ U. Thăng Vũ cầm lá dầy mình chỉ tay lên tấm vải đồng dạng

— Đứa nào biết cây cờ cái gì, đứa nào trả lời đúng sẽ làm đại đội phó?

Một đứa trong bọn nói nhanh

— Con sán lãi!

Cả bọn đều cười rộ, thà Vũ ngắt:

— đốt, không đúng.

Một thằng khác:

— Lưỡi dao uốn cong!

— Cũng không đúng.

Lại một đứa khác, như đứa khác:

— Sợi tóc!

— Sai.

— Con đừng!

— Cũng sai.

Mẫn đứng nhìn cảnh đó tự nhiên thấy vui lây trong lòng, nó cũng trả lời: đại một câu

— Cái chữ S!

— Đồ dốt, ai không biết chữ S.

Thằng Vũ bảo hạ xuống nó cầm giảng ra trước mặt bọn trẻ:

— Sai tuốt. Các con nghe lấy. Đây là cái hình nước Việt Nam. Đây là Bắc, đây là Nam, đây là Trung. Khoảng này nhỏ ghèò nần hơn hết. Đây là Sài Gòn ghe chưa?

Có tiếng phía sau phản đối:

— Nước ta rộng lắm đâu có m-o thế?

Thằng Vũ làm nghiêm:

-- Nước ta ngày nay chiến tranh, lúa gạo hết, người chết đói, như một người đau thương mà mới dậy.

— Hoan hô!

— Đúng. Hoan hô hoan hô!

Cả lũ trẻ con vỗ tay reo, ngồi thành vòng tròn trước nhà thằng Mẫn, chúng nó tự nhiên yêm lặng cùng nghe tiếng chuông từ trong nhà thờ vọng ngấm, tiếng dài vọng ra

Một đứa mở đề:

— Cha ấy chết thật thảm thương. Chúng mày biết không Cha người Tây, cha trời lại một điều thật động trời. Cha trời người ta phải gọi xác cha về bên Tây, bên quê hương Tây.

Thằng Mịch chen vào:

--Cha ấy nói tiếng Việt ta rành lắm. Cha trúng mìn VC khi sáng tối mới chết, Khi chết cha nhìn quanh một lượt mọi người rồi đưa tay chúc lành.

Một thằng cầm trong bọn không nghe gì cũng chỉ tay vào bấp vế và đưa lên hai con mắt, thằng Anh hẳn hiểu ý em:

Ừ cha ấy bị cụt mắt cái chân và đạn moi mất một con mắt.

Một em bé nhỏ ngồi trên tờ kiến lửa, bị cắn nó khóc òa làm cả bọn ngưng hẳn câu chuyện. Mẫn liếc thấy khói chỉ nấu cơm lên cao bên bầu trời trong vắt, nó lớn tiếng:

— Chúng bây sợ chết hay sợ đói?

Tiếng nhao nhao trả lời

— Sợ chết

— Sợ đói

— Sợ cả hai
— Không sợ chi cả. Đòi bỏ
đi.

Thằng Lư dút khoát:

— Không sợ chết. Chết hết
đói.

Mãn đưa tay lên:

— Thằng nào ăn cát được?

— Tao. Được

Có tiếng thét:

— Im đi thỏ rừng. Dốc.

Thằng Vũ bây giờ mới chửi
thề:

— Tồ mẹ, tao thề khi đói,
giẻ rách cũng ăn, cát cũng ăn,
bùn cũng ăn, đá cũng ăn, thịt
người cũng ăn, Phân người
cũng ăn.

Thêm một nữa bọn trẻ cõ
dip vỗ tay hoan hô thằng Vũ,
nhưng chúng nó ngưng phất lại.
Có tiếng còi xe inh-ỏi phía
dưới. Cả bọn làm reo: có xe
nhà binh chở xác về sân banh
rồi đó bây. Mau đi. Mau đi.

Cả bọn đua nhau chạy chỉ
còn lại Mãn và hai đứa trẻ
khác học cùng lớp với Mãn ở
lại tiếp tục cuộc nói chuyện.
Một đứa nhỏ sau một hồi đắn
đo kê sát môi vào tai Mãn
hỏi nhỏ:

— Mẹ mày lấy Mỹ hả?

Thấy Mãn ngồi thừ không
trả lời. Hai mắt Mãn đỏ như
lửa đốt, thằng bạn khác lộ
thằng bé ấy dang ra:

— Kệ kiếp nó. Đừng hở
nó giận. Bữa đi phở tao thấy
mẹ nó ngồi trên xích lô vớ
thằng Mỹ đen.

— Kỳ nhỉ.

— Sao lại kỳ. Thấy tiền a
không ngợp.

— Hèn chi chị Vịnh nó cũn
đi lấy Mỹ.

— Không phải, chị nó là
người Việt chứ.

Mày biết không cái thằng ch
máy nổ ấy vừa trúng số đề
đắc đấy. Trước kia nó ra g
Nó đi dũ vịt, rồi đi xúc hàu
xia trong các chợ, nay nó c
tiền cưới hai ba con vợ l
ngồi uống cà phê với mấy ôn
bự ở tin h, ai cũng vâng vãn
dạ dạ.

Mãn đứng xa ở đó như
nó nghe rõ hết. Nó không t
giận bạn, cần môi nhìn xuống
đất, nhìn những ruồi xanh đay
bu trên xác một con dế m
thối rụi. Mãn thấy mình đư
bơ vơ giữa tất cả nỗi khổ, n

buồn cảm nín. Nó thoáng nhớ mẹ, như lời chị nó, mẹ bây giờ có đề móng tay dài, có đánh phấn, có bôi sáp. Nó ước ao được thấy mẹ một lần, một lần lãnh đạm không còn âu yếm mẹ con như trước cũng được.

Mãn trở vào nhà thấy chị ngồi tựa đầu vào phen ngủ gật, ước trảo ra hai mép miệng. Nó biết chị nó cực khổ cơ cấu lắm, chị nó cũng có học, cũng biết suy nghĩ. Nghe chị thêm ăn đồ ăn nhó nó rất sợ đẻ con trai. Nghĩ đến con trai Mãn nghĩ đến những chiếc xe bụi bặm làm lì trở về ăn bánh. Nó được thấy từng làng lính đen điu đội mũ bọc lưới, cầm súng ngồi bất động hai bên quan tài. Nó chưa biết ám giác lúc chết như thế nào, nó chỉ biết cảm giác xa lạ khi nhìn đời. Nó biết khi đời không ngủ được, không đi chơi được, thấy ai cũng muốn chửi, thấy ai cũng muốn cướp giật mà ăn.

Mãn nhớ đến bác Kinh trong xóm, bác bị què một tay, nói quá không làm gì để ăn, ác đi cắp vặt trong chợ. Có hôm cắp hai bánh đường của một tiệm tạp hóa. bị người trong chợ đuổi, bác lội xuống sông nước ngang cổ đứng ăn. Trên bờ mục bán hàng chửi bới là lấy gạch ném xuống từ tung. Ở xóm này có người gọi là xóm đạo chích». Câu ấy không hay gì làm lạ. Ở đây lỡ ra cái

gì một phút cũng mất, phơi cái quần đàn bà cũng mất, cái tà của con nít cũng mất hướng hồ là chuỗi cúng trong các miếu hay đèn sáp trong nhà thờ. Hôm tết vừa rồi, đêm mồng một bỗng nhà bên cạnh có tiếng la ó: «úi trời ơi! tui đề mấy trăm bạc trong lưng quần mà nó cũng cắt đi mà lấy. Úi trời ơi! đồ quân bất nhân!» Mãn mỉm cười và quay lại nhìn chị đang há miệng ngáy pho pho.

oOo

Một buổi sáng Mãn chòng thức dậy trong lúc Vịnh còn sốt nóng cả người. Nó lấy quạt quạt muỗi cho chị nó, chợt mắt nó ngừng lại. Nó lấy tay quẹt đưa ra chỗ ánh sáng xem, rồi hoảng hốt gọi chị:

— Chị Vịnh. Chị ơi!.....

Vịnh vẫn nằm im, trả lời bằng tiếng rên nho nhỏ. Chờ lúc chị tỉnh, nó nói lại câu đó nhưng Vịnh vẫn bình tĩnh nằm yên không trả lời. Bỗng Mãn nhìn xuống thấy cái bụng chị đã xẹp. Nó nửa mừng nửa lo hỏi hồi hả;.....

— Lúc nào?

— Khi gà gáy, khi ca-nông nổ ngoài bãi.

— Sao chị không thức em dậy đưa cháu đi một khúc?

Vịnh nhìn quanh, nhìn quanh nhưng không tìm ra một câu đáp cho em.

MINH-DŨNG

TAM VÔ

☆ ☆ ☆ TRƯƠNG THIÊN

Chúng ta thường nghe và thấy danh từ «tam vô» qua các làn sóng điện hoặc báo chí tài liệu. Nhất là trong hàng ngũ Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa được học tập đều đều những tài liệu đó do Nha Chiến tranh Tâm lý ấn hành và phổ biến.

Chúng tôi xin lược giải danh từ «tam vô» là — vô gia đình — vô Tôn giáo — vô Tò quốc, và «tam vô» là chủ thuyết «Cộng sản». Cứ những sự nghe và thấy chủ thuyết trên, chúng ta cũng có thể biết «Cộng sản» chủ trương vô gia đình và vô Tôn giáo để làm cho con người mất cang thường đạo lý, trở thành con người trụy lạc, si mê dễ dễ bề sai khiến, và vô Tò quốc để làm cho các nước đàn anh (ngoại bang) dễ bề xâm chiếm,

Dân tộc Việt Nam rất thuần thành phong tục tập quán của ông cha để lại và có tinh thần bất khuất, nhưng là nước nhược tiểu! Nên gặp phải cái cảnh chướng tai gai mắt như: lừa thầy phản bạn, con lừa dối cha, vợ sai khiến chồng, vợ người này trao cho người khác ân ái v.v... và biết bao cảnh mất hẳn luân lý nữa không sao kể xiết, đó là chủ trương vô gia đình của ngoại bang xâm nhập vào. Lại hết sức đau khổ khi thấy bạo lực hành động vô Tôn giáo, nào là bom rơi đạn nổ vào những nhà thờ, chùa chiền cồ kính trang nghiêm làm

cho đồ nát tan tành! Nào là báng súng gót giày đập Phá bàn thờ tượng ảnh! Nào là Tu sĩ nam, nữ bị bắt bớ đánh đập giam cầm! Nào là những trẻ em ngoan đạo bị bắt cóc, khủng bố, tù đầy! Đến nỗi các ông già bà lão chúng cũng không tha! Đó là hai bước đầu (Vô gia đình và vô Tôn giáo). Tức là bọn ngoại bang xâm lược làm cho con người nước nhược tiều bị truy lạc, si mê mất hẳn lý trí để không biết lựa thầy phản bạn là trái, vợ mình trao cho người khác ân ái là trái, xâm phạm phá hoại những nơi thờ phụng trang nghiêm của dân tộc là trái, bắt bớ giam cầm tra tấn các vị tu hành là trái v.v... và v.v... việc trái. Và khi con người không biết những hành động trên là trái, thì Tò quốc bị ngoại bang xâm chiếm nắm lấy chủ quyền, sát hại dân lành, tàn phá quê hương họ cũng không biết đó là trái nữa nên họ ngoan ngoãn tuân lệnh tuyệt đối của ngoại quốc để phụng bệ Tò quốc và Dân tộc của họ, họ phản bội ông cha của họ để họ hưởng cơm thừa sửa cận vui cười khi máu đồng loại chảy, đầu đồng loại rơi. quê hương chìm đắm dưới khối lửa đạn bom của ngoại bang tàn phá, và họ chỉ biết gật gù «Ni» cũng được «Ngộ» cũng xong, đều do ngoại bang tha hồ ngoa mồm múa mép tron quyền tuyên bố hô hào, tuyên chiến, thương thuyết ngưng bắn, hưu chiến v.v... «Tam Vô» phủ trùm được lên trên mảnh đất nhược tiều rồi, thế là mảnh đất nhược tiều nằm trọn trong tay đế quốc xâm lược rồi còn gì nữa!!

Nhưng! Các ông đế quốc ơi! Các ông du nhập chủ thuyết «Tam Vô» chỉ có đầu độc được một thiểu số bản cùng và vô lý trí mà thôi. Dù hàng tháng các ông có xâm nhập được bao nhiêu vạn quân hay bao nhiêu tấn vũ khí hoặc các ông có cố gắng tàn sát tiêu diệt hàng người trí thức đi nữa, mà các ông không chiếm được nhân tâm của đa số quần chúng thì các ông chỉ chiếm được đất không, mà phải hao người tốn của, rốt cuộc phải rút lui với hai bàn tay trắng, chứ các ông không thể tàn sát hết dân tộc này để đem dân tộc các ông đến đây lập nghiệp được đâu! Điều đó lịch sử đã chứng minh, dân

tộc Việt Nam nhỏ bé nhưng tinh thần bất khuất và đạo đức, họ biết ơn người ngoài giúp đỡ họ, và họ sẵn sàng chống đối ngoại bang có ý định hoặc hành động xâm chiếm nước họ, lúc xưa quân Mông cổ đi đâu là chết hết cỏ, thế mà không thể xâm chiếm cũng như đồng hóa được dân tộc Việt Nam, huống thời đại này, với cuộc chiến có tính cách quốc tế không phải đơn phương, nên ai đơn phương xâm lăng là kẻ lỗi thời dù các ông có áp dụng những thủ đoạn hay ảo thuật gì đi nữa, dân tộc Việt Nam đều thấy rõ, nhất là thủ đoạn «Tam Vô» mà các ông đã thực hiện thì quá lỗ lã rồi; thủ đoạn đó là hành động xâm lăng cướp nước không thể biện bác được nữa! Việc của chúng tôi thì chúng tôi lo mắc mớ gì các ông mà phải to mồm lớn mồm rêu rao này nọ? Hay là các ông giết hại dân tộc của chúng tôi quá nhiều bây giờ các ông trở thành con người ngông cuồng, sự việc hồ hờ của các ông người Việt Nam này gọi là «bị âm báo» vì các ông tôn thờ chủ thuyết tam vô đem chủ thuyết tam vô thực nghiệm trên mảnh đất Việt Nam để giết hại dân tộc Việt Nam nên bị «quả báo». Nên chúng tôi mong mỗi các ông hãy tỉnh lại, tỉnh lại gấp gấp, đừng có «giận mất khôn» e xảy ra đại chiến thì khổ chung cho nhân loại, chứ không khổ riêng gì dân tộc Việt Nam, và nếu có xảy ra đại chiến thì chưa chắc dân tộc Việt Nam khổ, vì dân tộc Việt Nam đâu có gieo rác tang tóc cho ai, mà ai đã «gieo gió thì gặp bão». Xin các ông tỉnh lại, sửa sai đi để cho dân tộc Việt Nam bớt đau khổ cũng như nhân loại khỏi lâm họa tận diệt.

Là dân tộc Việt Nam, chắc chắn chúng ta đã thấy tận mắt nghe tận tai, những hành động của bạo lực chủ thuyết «Tam Vô» xảy ra khắp hàng cùng ngõ cụt như đã lược kê trên. Thế thì tại sao chúng ta lại ngồi yên để nhìn bọn ngoại bang và bè lũ tay sai thực hiện chủ thuyết «Tam vô» trên mảnh đất Việt Nam này?! Là Phật tử Việt Nam, nhất là quân nhân Phật tử được học tập tức là đã biết chủ thuyết «Tam vô» nó nguy hại như thế nào rồi, tại sao lại ngồi yên, Khi gót giày

báng súng của bọn người « Tam vô » đập phá bàn thờ tượng Phật bấn phá chùa chiền: bắt bớ đánh đập tra tấn các Tu sĩ ?! Chúng ta phải bảo vệ Tò quốc và Tôn giáo chúng ta chứ! Chúng ta hãy đứng dậy để khỏi mắc tội phản bội Tò quốc và phản bội ông cha của chúng ta chứ! Hãy mau mau tỉnh dậy lắng lòng mà nghe đồng loại rên siết trong các ngục tù vô nhân đạo. Mở to đôi mắt mà nhìn quê hương đang bị tàn phá! Khói lửa ngập trời! Đàn trẻ bơ vơ không cha nuôi dưỡng, không nhà nường tựa nắng mưa, những ông già bà lão không ai quạt nóng ấp lạnh. Những thiếu phụ lạc lỏng cô đơn đang sa vào cạm bẫy để sản xuất lai dòng! Chúng ta phải đứng dậy để cứu vớt lấy chúng ta, gia đình, Tôn giáo, Tò quốc chúng ta! Đứng dậy! Đứng dậy; đứng dậy! Không phải giết chóc ai, nhưng phải « Khê » lên đứng thụ động nữa!

Chúng tôi biết đa số dân-tộc Việt nam chúng ta, có huyết thống từ bi nhân nhục chịu đựng khổ đau, rồi hỷ xả cho tất cả mọi hành động để hèn bi đỗi của kẻ vong quốc hay ngoại bang. Nhưng chúng ta phải biết từ bi cho đúng chỗ và đúng lúc để hỷ-xả cho đúng điều, đừng để cho kẻ xâm lược và lũ tay sai muốn làm gì thì làm muốn nói gì thì nói cho thỏa mãn thú tính của họ, rồi họ vang lên hai tiếng « hỷ xả » là xong hết, đâu được! Không được và không được! Vẫn biết dân tộc Việt-nam rất tôn sùng đạo giáo của mình nên luôn luôn giữ gìn giới luật. Nhưng chúng tôi thiết nghĩ Tò-quốc Việt-nam đã quá rách nát, Quốc-thê Việt-nam không còn! Dân tộc Việt-nam quá đau khổ và lang đi đến chỗ mất gốc. Sự việc quá rõ ràng, ai ai cũng thấy tai họa đó là do chủ thuyết « Tam vô » của ngoại bang phủ trùm lên mảnh đất Việt-nam. Nếu dân tộc Việt-nam cứ từ bi thụ động và khư khư trì giới thì làm sao gìn giữ Quốc-gia được độc lập, để có tự do tín-ngưỡng mà tu hành?! Thật đó là cả một vấn đề khó! Đề phụng sự cả Tò-quốc và Tôn-giáo chúng ta thì có thiên ý.

— Người tu hành chuyên lo về tôn giáo, không nên làm

hậu thuẫn cho cá nhân hay phe phái trên chính trường, không làm áp phe để kiếm tiền vàng, không nên xúi dục hoặc tuyên truyền cho sự chém giết, và không nên võ ngực tự xưng hoặc kẻ công (tự đề cao cá nhân) với bất cứ ai. Mà phải tuyệt đối giữ gìn giới luật, hoằng hóa Tôn-giáo, đề cảm hóa mọi người và đề cho mọi người có thể Tự tin chân lý. Các Ngài cũng không nên ép buộc hoặc xúi dục xâm chiếm nước khác để truyền Đạo. Xin trích lời phê bình sau đây của Swami Vivekananda: « Xin quý vị hãy nghe lời tuyên bố của một vị giáo sĩ tài ba ở Nuru-ước ông ta chủ trương rằng, nước Mỹ cần phải xâm chiếm Phi-luật-Tân, vì chỉ có cách đó thì mới truyền đạo cho họ được. Dân Phi đã theo đạo Thiên-chúa rồi, nhưng Giáo sĩ ấy muốn cho họ theo đạo Tin-lành, và để thực hiện mục tiêu ấy, vị giáo sĩ kia sẵn sàng gây đổ máu. Thật là ghê tởm. Quý vị thử xem hoàn cảnh thế giới hiện nay như thế nào, mà một người như vậy lại không thấy xấu hổ khi đứng giữa công chúng tuyên bố những điều xấu xa như vậy, hoàn cảnh thế giới như thế nào mà tin-dồ lại hoan hô lời tuyên bố đó ? văn minh là như vậy sao ??? « Diễn văn đọc tại nhà thờ Pasadena Californic ngày 28-1-1909 » (trích sách Yoga trang 116) »

— Người dân thường cần phải trau dồi một đức tin mãnh liệt « không sợ những cái gì có thể làm chết được thân thể, mà không làm chết được linh hồn » hay « chết đi rồi lại sinh ra » hoặc « chết là giải thoát sớm một kiếp ». Có được vậy, mới có lập trường chống lại chủ thuyết và hành động « Tam-vô » của bọn đế quốc xâm lược, tức là chúng ta gìn giữ trọn vẹn sự độc lập của Tờ-quốc. Tự do của tôn-giáo và hạnh-phúc cho gia đình. Khi chúng ta đã có lập trường bảo vệ gìn giữ và xây dựng gia đình, Tôn giáo và Tờ quốc rồi, thì chúng ta phải đề cao cảnh giác đừng vô hay cố ý ngời nhìn người ta ân ái vợ mình, hoặc ngời nhìn hay tiếp tay với bọn « Tam-vô » đập phá hay đem bom đạn bắn phá những nơi thờ phụng

CHIỀU nay Tâm đang ăn cơm, Ông chủ nhà lên gác cho hay: còn hai tháng nữa Ông ta sẽ lấy căn gác này lại, vì lý do nhà chật và con mỗi ngày một lớn thêm! Tâm được tin này thì chân tay muốn rụng rời, bởi vì thất nghiệp, bụng đói, lại bị đuổi nhà thì quả là oái oăm thiệt!

Tâm chẳng còn ai hết, cha chết! Mẹ chết! Anh em nhà cửa cũng theo chiến tranh mà tan nát hết còn lại Tâm bơ vơ — Tâm bơ vơ cùng với nước mắt và niềm đau nặng trĩu. Tâm bước vào đời với hai bàn tay trắng, không bà con (Nếu có cũng xa dần, vì nghèo thì dĩ nhiên như thế). Cuộc sống tự lập chạy dài theo tháng năm trong cần cù và nhần nại. Nhưng nay thì sự sống càng ngày càng khó khăn thêm, vật giá đắt đỏ công việc ít, người nhiều, nên Tâm

NGÀY THẤT NGHIỆP

rơi vào cái cảnh thất nghiệp. Thời buổi này mà người con gái phải mang hai chữ thất nghiệp thì quả là phẫn lại văn minh thời đại!!

Thật vậy, thiếu gì những chàng trai ước ao mình được trở thành con gái để đi « Ô kê năm mò oanh » Với các xừ Mèo mà kiếm nhiều tiền! Chẳng này Tâm là con gái thứ thiệt! Thế mà phải mang cái thân nghèo, bụng đói noih thì có khổ không chứ? Nhưng vì trong huyết quản của Tâm vẫn còn luân lưu mãi dòng máu Việt Nam. Việt Nam nguyên chất, nên phải chịu cảnh khiếm tòi oái oăm là thế đó.

Sáng nay Tâm thức sớm khăn áo chỉnh tề trông có vẻ đàng hoàng lắm, nhưng khổ một nỗi là chẳng có đồng tiền nào dính túi cả, chắc thằng cha tiền chê túi Tâm « xi gái » nên không thèm đeo đặng làm gì ! Tâm bắt đầu đi xin việc. Nghe hàng nhộm nọ cần người. Có tú tài một, mà Tâm thì có tú hựt ! nhưng nghe thiên hạ đồn đãi Ông Giám Đốc hàng này giàu lòng thương người nghèo khổ. Tâm hy vọng mình có Trung học cộng với sự nài nỉ may ra Ông có thương tình mà thu nhận cho. Thế là « mang bao hy vọng lúc ra đi » nhưng không may cho Tâm, Ông Giám Đốc không có ở nhà, Tâm mang hồ sơ vào nộp cho phòng hành chánh. Ông Trưởng phòng niềm nở lắm, nhưng khi đưa hồ sơ ra thì hỏi ôi !

Ông ta mỉm cười mà trả lời « Ở đây chỉ nhận Tú tài, xin cô chờ đợt khác ! » Tâm dạ dạ năm bảy chục tiếng chi cũng không biết, rồi nhận hồ sơ trả lại riu riu đi ra, trong khi mọi con mắt trong phòng đổ về Tâm, họ cười, không biết cười vui hay cười mỉa ?

Khi bước ra khỏi Phòng thì bao tử bắt đầu phản đối, bởi lẽ, nó không tội tình gì mà phải nghỉ việc từ chiều hôm qua đến 11 giờ 30 phút sáng hôm nay là quá lắm không thể nào nhân nhượng được nữa nên đứng lên tranh đấu kịch liệt !! Thấy mình cũng độc tài thật ! nên Tâm vào nhà bên đường xin một lon nước lạnh để viện trợ bao tử hầu xoa dịu tình thế ! Tâm tiếp tục bước đều theo hành lang đường phố. Cái đất Thầy gòn này, người ta thường gọi là muôn mặt thật chẳng ngoa chút nào ! .Đúng 12g trưa bao tử không chống đối mà chính đôi chân rụng rời hết bước được ! Toàn thân mệt là mới chết chứ ! Có lẽ cái thân nó nhận thấy liên quan mật thiết với bao tử, nên cần phải liên kết nhau lại để tấn công Tâm ! và quả nhiên Tâm phải nhượng bộ phe đồng Minh để tuân theo cái định luật muôn đời mạnh được yếu thua thì phải ! Thế là Tâm bắt buộc phải ghé vào cái mái hiên bên vệ đường ngồi nghỉ mắt nhìn thẳng phía trước, dáng mệt nhọc. Cái cảnh đầu tiên mà Tâm trông thấy là một chiếc xích lô đẹp, chủ nhân là ông già bần

chiếc áo bà ba đen rách vai chiếc quần ngắn đã vá nhiều chỗ đôi mắt sâu hoắt, da đen sạm trông tiêu tụy vô cùng, ông đang gù lưng đập chiếc xe. Trên xe một ông Mèo và một bà Việt loại me Mèo ngồi ôm nhau hôn hít! Ôi! Giờ ơi! Sao mà nhiều nhưong thế nhỉ? Ông Trần tế Xương ơi! Sao ông không đội mũ lên nhìn cảnh này và cho vài vần thơ bắt hủ! Cảnh đó đi qua rồi, bao cảnh khác tiếp nối theo cũng chẳng kém. Tâm không muốn nhìn nữa, định đứng lên, nhưng nghe phía sau có tiếng « nghĩ một chút đi bà » Tâm quay lại đó là một người đàn ông ngoài 60 tuổi, cùng đi với người đàn bà trạc tuổi ông, có lẽ là vợ và một em nhỏ độ 12 tuổi. Cả ba đều lem lút, mặt mày sạm nắng đáng một nhọc, ông mang gói, bà bưng cái thúng. Ba người ngồi dưới một mái hiên, cạnh căn nhà lâu cao chót vót, vài chú chó Tây hay Mỹ gì đó chạy ra sủa rồi lại vào. Tâm mon men lại gần vui vẻ. Ông bà đi đâu mà nắng quá vậy? Có đi về chợ Lớn, cháu cùng đi với cho vui. Người đàn bà lấy khăn xuống

lau mồ hôi vừa nói với Tâm, giọng buồn thảm.

Tuổi em ở Trà Vinh đến đây, nhà cửa bị bom cháy... rụi hết! Giờ... chẳng biết đi đâu có ơi! Rồi bà khóc sướt mướt, trông rất nảo lòng.

Tâm ứa nước mắt. Ông chòng thì sừng sừng về đăm chiêu không nói năng gì.

Tâm ngồi xuống một bên hỏi thăm và tìm lời an ủi. Một lúc sau như sự đau khổ đã dịu dần. Bắt đầu kể những thảm cảnh chiến tranh đã diễn ra ở miền quê những nhà cửa ruộng vườn tan nát hết, ngay mạng sống con người cũng chẳng ra gì, còn đó, chết đó! Chỉ trong tit tít cũng đủ biến thành tro bụi rồi. Câu chuyện kéo dài gần đến 2 giờ chiều, thàng bé đòi ăn, bà dỡ thúng ra lấy gói khoai từ đưa cho ông chòng và đưa cháu ăn. Ông chòng như muốn mời Tâm nhưng nghĩ sao lại thôi. Tâm ngồi bên cố giữ vẻ thân nhiên nhưng sao trong ruột còn cào quál và như giục Tâm : kia khoai từ! khoai từ đẹp lắm... khoai từ ơi... ời! Tâm nút nước miếng ừng

ực! bà già lấy thêm ra một gói khoai lang rồi mời Tâm về thành thật ..—hùng mấy khi, mời cô ạn củ khoai với tụi tui cho vui đi cô! kệ mà... ăn đi cô! Tâm dạ dạ và nở cảm ơn lí nhí rồi dở lấy hai củ khoai từ và bóc vỏ bỏ vào miệng. Ngon ời là ngon! giá mà ở nhà thì Tâm đã hô to.. «khoai lang, khoai từ muôn năm»! Nhưng ở đây cái ăn ở đây cũng phải nhỏ nhẹ cái mừng cũng phải kín đáo ăn uống chuyện trò mãi đến 2 giờ rưỡi, Tâm định đứng lên giả từ ông bà đề về thì thấy trong nhà lầu bùng ra hai đĩa cơm còn bốc hơi, trộn với súp cho chó ăn! Thằng bé đứng nhìn trần trối và nói với bà:

—Ngoại, sao họ chớ chó ăn cơm với thịt thể hở ngoại? ngon quá há! Ước gì mình được một đĩa mà ăn, chắc ngon lắm ngoại hé!! Rồi thằng bé nút nước miếng, đứng nhìn con chó ăn mà thèm chảy rãi! Trong khi đó, bà già rá nước mắt, ông già thì lờm thằng bé. Còn Tâm thì đứng ngây người ra thương xót cho thằng bé cũng như thương xót cho thân phận

minh... Tâm rút tóc thẳng bé và nói:

— Thôi em ạ! mình có khoai ăn được rồi, có kẻ không có gì hết, đến củ khoai họ cũng thềm chấy rãi thì sao! Tâm và em bé cùng cười, ông bà cũng cười theo - mỗi cái cười mang một ý nghĩa khác biệt — Rồi Tâm giả từ ông bà và em bé ra về, trong lòng thấy thương xót những người này quá, Tâm tự nghĩ— không biết tối nay những người này sẽ về đâu? Ăn đâu và ngủ đâu?? Rồi Tâm lăm bằm: Ước gì mình có nhà nhĩ — mình cho ông bà này ở chung với mình, có lẽ mình sẽ tìm được niềm vui... Nhưng... Còn vài bữa nữa, mình cũng bị đuổi ra khỏi nhà! Mình cũng chẳng biết về đâu, đi đâu và ở đâu?!? Không biết trời sinh lớp người nghèo khổ ra làm chi nhĩ? — Còn đang nghĩ ngợi thì đã tới nhà bao giờ, Tâm đi thẳng lên gác, nằm thư xuống giường, mắt nhắm nghiền lại — định bụng ngủ thiếp đi một giấc cho đỡ mệt, nhưng không sao ngủ được, các việc hồi sáng đến giờ cứ như một

khúc phim, quay mãi trong đầu óc Tâm có thứ tự và mạch lạc — hình ảnh những tia nhìn, những cái cười của bạn thư ký hồi sáng, hình ảnh chiếc xích lô đạp của ông già, đem hết sức căn lao đề đòi lấy đồng tiền và viu...

Hình ảnh vợ chồng Ông bị bom đạn hồi trưa. Nhất là hình ảnh đĩa cơm trộn xúp, con chó đứng ăn, thằng người nhỏ nhỏ đứng nhìn nút nước miếng ửng ực! Tâm thấy đau nhói tận tim gan!, Bầu không khí ngọt ngào khó thở — Thì ra, trời sinh lớp người nghèo khổ, chỉ để chịu đói và nhịn thèm!! Sao họ không tìm được quyền sống và quyền làm người nhỉ?? Họ là những kẻ biếng nhác ư?? Không, họ là những người cần cù nhẫn nại làm lụng vất vả đem mồ hôi để đòi lấy chén cơm. Thế mà suốt đời họ cũng chỉ là những kẻ gối rách áo ôm, làm than cơ cực - Phải chăng họ đã bị lớp người làm quyền nhiều thế đè đầu cỡi cổ - bóc lột tận cùng đến xương tủy, chúng làm giàu trên xương máu của đám dân nghèo — Vì dân nghèo thấp cổ, bé miệng, có kêu cũng chẳng ai nghe — nên bọn quyền thế tha hồ mà bóc lột và làm giàu — từ xưa đến nay vẫn thế — Đời là cái gì khó hiểu

thật, trớ trêu thật! — Tâm thờ dài não nuột thì một người chị quen với Tâm bước vào — Người chị duy nhất thường giúp đỡ và hiểu Tâm hơn ai hết.

Chị mỉm cười hỏi Tâm ?

— Sao, em tôi xin việc được không mà buồn thế? — Tâm lắc đầu. Chị tiếp :

— Sao vậy? Tâm ù lý: Sao cũng chẳng làm sao, đâu có thế nào cũng chẳng làm chi!

Cả hai cùng cười! Thấy Tâm buồn, chị tìm lời an ủi: — buồn làm quái gì em, xin không được chỗ này thì chỗ khác, làm không được việc này thì làm việc khác, có gì mà phải buồn — Rồi chị lấy ra năm chục bạc trao cho Tâm, vừa cười vừa nói :

Hôm nay chị có năm chục bạc nè ! le chưa? Cho Tâm mượn đó lát nữa đi mua gì ăn đi cho đỡ đói nghe! ngoan chị cứng! Bây giờ chị về đây, tối rồi đó — Tâm cầm năm chục bạc ứa nước mắt — Người chị từ giả ra về, còn lại mình Tâm với gác trọ và niềm đau ray rứt mãi... Càng nghĩ Tâm càng thương xót cho mình, cho lớp người nghèo khổ, và cho quê hương tan nát và Tâm đã chứng kiến khá nhiều trong ngày thất nghiệp hôm nay

HOÀI-ĐỨC-NGỌC

Năm mới nói chuyện...

(Tiếp theo trang 55)

Hết công rồi việc hoặc nói khác. hết việc rồi công, nên cậu phải lang thang mới kiếm ra được một chân gác dang mở khoá các máy vô tuyến truyền hình công cộng, nên từ mẫu và đưa em gái của cậu đều phải thắt lưng bóp bụng sống nghèo nàn:

Bà cụ, đôi khi, đã thổ lộ nỗi lòng rằng, bà cảm hận vì cùng cuộc đời đã hát hủi con bà quá, vì cố tìm việc làm, Thomas ray lpray, làm sao, có được công ăn việc làm, trong khi đời sống ở HoaKỳ, cái gì cũng bằng máy cả.

Không được tốt phước đeo đuổi học hành đến nơi tới chốn và Thomas, vì thiếu sức khoẻ, đăng lính làm kẻ sanh nhai cũng thất vọng luôn, phải chẵn, định mạng hay khoa học tiến mạnh quá đã hất cậu ra ngoài lề cuộc sống?

Cậu thường năng đến sở tìm việc trong một tuần 2 lần đã được người giữ công tác tại đây bảo «Đề địa chỉ cho rõ ràng sẽ có thư kêu khi có việc» nhưng mãi mãi chẳng có thư báo tin cho cậu đi làm việc chỉ cần

b,— *Đời sống một công nhân thương cần:* Joseph Crowley trong 3 năm dài đăng đăng, với gia đình sống trong thoải mái vì anh là một công nhân «cấp rắng ở» một thương cảng nợ ở Hoa-Kỳ.

Mua được một căn nhà ngói, sống trong hạnh phúc gia đình tràn trẻ, có máy lạnh, có máy vô tuyến truyền hình nổi và cũng có bộ «xa lông» có tapis phủ nền nhà và, thắm thoát chẳng mấy chốc, anh lại mất cả việc làm.

Và hôm nay, trong khi đang mang nặng 43 tuổi trên 2 vai, Joseph Croevley lại kiếm không ra việc làm ăn nuôi sống gia đình. Cô vợ tên Dolores, 33 tuổi, ngoài việc nhà ra, lại còn phải làm thuê ở mướn cho một gia đình người lối xóm kiếm tiền lương tháng và kiếm cơm thừa canh cặn bánh trái thừa thãi của gia đình này dầu đem về nuôi gia đình.

Nhờ có cô vợ giỏi như thế, nếp sống gia đình Csoevley đã tạm thời trở lại như xưa nhưng, sức khoẻ chồng con và cả của chị đều thỉnh thoảng xuất hiện, thiệt khó lòng mỗi khi đau răng nhức đầu đến bác sĩ nha y tư, hỏi cậu mẹ đều đầu có tiền, dư trả cho họ.

Cả hai vợ chồng đều thường cho bạn bè đồng cảnh ngộ hay rằng, đời sống của họ chỉ nhờ vào lòng từ thiện của bà con lối xóm, chứ 2 người đều không muốn con cái đều phải sống như thế.

Cậu đặt vào bã vế đưa con mới 3 tuổi lặng nghĩ rằng, nếu cậu có một nghề trong tay, chắc đã làm cho đời gia đình cậu hôm nay không đến nỗi bị quan như thế này, giữa một đời sống quá máy móc và cái chi cũng đem tiền vàng ra thanh toán và làm căn bản vấn đề.

1.— *Vùng đất khi ho cò gáy*: Appalaches, một vùng đất khi ho cò gáy rộng chừng trên 41.400 cây số vuông nằm giữa ditisbuigh dennisylvamè) Birmingham (Alabama) đang có một dân số 15.300.000 người đều sống một cuộc đời hiên ngang tự lập.

Mặc dầu thế, họ vẫn hằng hái tham gia triệt để công tác xã hội nhiều hơn đồng bào các nơi khác nhưng, bệnh tật và nạn mù chữ đều xâm chiếm toàn lãnh vực này. Tại đây đang có những thú rừng hiến thịt cho dân chúng xẻo ra chiến đấu với đậu làm thực đơn hàng ngày cho mọi gia đình các cấp xã hội.

Vấn đề nước giặt nước uống ở đây là một chuyện chưa hóa mãn cho một số đông dân như thế và các trẻ em đều thiếu thốn vật dụng, đề tiếp tục học hành hoặc khó nài đi

học. Nhưng, trong các thung lũng gập ghềnh của spalache đều đang có những làng xóm thiết lập nhà vệ sinh công cộng tại cuối gành với nhiều tiện nghi đèn nước, oai lăm.

Như thí dụ xóm Granny, s Branch của một số khá đông dân cư, đề tiền bạc nơi này nơi nọ, toàn dân vùng này đều cực khổ mệt nhọc lắm mới đi bộ đến nơi đến chốn, bằng cách băng hào vượt suối, qua những đoạn đường đã đi chưa tráng nhựa?

Tại đây, mới rời trước cửa một nếp nhà lợp ván và thưng ván xấu xí, một người bé nhỏ thấp lùn với lối trạc 42 tuổi, xanh xao vàng vọt, bệnh hoạn tên là Jim Smith đang nô đùa với đàn gà bệnh hoạn và những con chó cả ghê lẽ cùng 10 đứa trẻ gầy ốm tong teo, phải chăng, đều là nơi náo nhiệt nhất của vùng này có 227 người dân.

Anh này đã cho tôi biết (phóng viên ký giả tuần báo Bewymu rằng, trước đây, anh là công nhân của một hầm mỏ nọ và sau khi mất việc, anh cảm thấy cuộc đời không lương.

Cụ Leonard, thân sinh Jim Smith, 61 tuổi vì lưng gù nên đã khó lòng làm công kia việc nọ. Và, sau khi rời khỏi đây băng qua một con suối, đến nhà cậu George. mới có 2 tuổi, anh em cô cậu với Jim Smith, đang có một cô vợ lẫn lương giờ, đề nuôi chồng và 3 con thơ.

George đã thú nhận cậu chẳng biết đọc biết viết chi cả. Cậu chỉ biết có một chữ ký tên cậu cũng không mấy « le ».

Cuộc đời sống tinh thần và vật chất của toàn dân tại đây kể như « không có ánh sáng văn minh » chi cả, đã và đang làm khâm tâm nhọc trí các kinh tế gia và các nhà tâm lý xã hội học Hoa-kỳ.

Trong lúc chờ đợi ánh sáng văn minh của xã-hội khoa học giàu có cường thịnh của Hoa-kỳ rãi về đây, Jim-Smith đang ngồi trước ngưỡng cửa túp lều ván xiêu vẹo, kéo chiếc áo sơ mi màu đen mua rẻ ở chợ trời lên, gãi ghê, rồi mơ màng đến một chân trời xanh, trong khi 10 đứa con của anh đều ăn bậu quần áo rách-rưới tơi tơi.

Và lũ trẻ này đều đều có diềm phước được cấp sách đến trường vì nghèo đói và bệnh tật kinh niên như bệnh tê thấp phong thấp song chúng vẫn sống một cuộc đời bình thản vô tư lự.

Một trận chiến chống nghèo

Chương trình kiến quốc, Hoa kỳ đang và sẽ thành công qua các lãnh vực và, đặc biệt đã làm suy giảm nạn khiếm dụng, trong khi tổng dân số Hoa kỳ quá đông và còn sẽ đông thêm nữa-

Dựa vào các tiêu chuẩn của các cố vấn riêng của Tổng Thống đã nhìn nhận trong năm 1947 đã có 320/0 gia đình Hoa kỳ nghèo đói đói nát bệnh hoạn. Và, trong khoảng thời gian 10 năm lại đây, việc hư hỏng nói trên đã suy giảm, chỉ còn lại có 230/0.

Nhưng, từ năm 1957, vấn đề trên đã có một thay đổi trạng thái của nó và với tiêu điều diềm nào thực trạng xã hội này sẽ được cải thiện ?

Do đó, điều quan trọng nhất là sứ mạng của ông Sargeut Shriver đang đảm trách công tác chống nạn nghèo đói đói nát bệnh tật của chương trình quốc gia.

Ông này và phái đoàn tùy tùng ông, đầu tiên về diềm chống nghèo đã áp dụng đường lối duy nhất là, thu nạp một số đông lao động thợ thuyền thất nghiệp vào làm việc tại các công trường và thiết lập thêm những công trường mới, trong khi chưa hoàn thành các công trường cũ.

Và những chương trình kiến trúc tạo tác bắt đầu mở đường thông kiệt cho vùng Aphalachse, cùng những việc khai thác đất đai diềm kiêu lộ mở trường học nhà thương bảo sanh viện đều được nhân dân vùng này mới có công ăn việc làm.

Ngân khoản đại thọ công tác nhường cho Sargeut Shriver gần lớn do qui địa phương và nếu thiếu thốn ngân khoản quốc gia chêm vào. Vì thế, Tòa bạch ốc đã ban thưởng công lao của ông đoàn tùy tùng ông.

Cho nên, thời gian từ năm 1947 tới năm 1956 trong 9 năm qua, nạn nghèo đói bệnh đói nát chỉ còn lại có 10/0 ở Hoa kỳ,

Với cái đà này hay bởi chương trình chống cộng. Khắp thế giới nói chung và ĐNÁ nói riêng, Hoa kỳ đang bỏ ra một số tiền lớn lao thành lập Ngân hàng quốc tế, đặc trụ sở hoạt động tại Manila (Phi luật Tân) để phát triển nền kinh tế các quốc gia nghèo chậm tiến ở Á Châu.

Hết nghèo hết đói hết bệnh tật dốt nát dân chúng Á Đông đều đều hết CS phải chăng là tiêu chuẩn của các kế hoạch gia Tòa Bạch Ốc ?

Nhưng ác hại thay người Mỹ chưa chịu tìm hiểu tâm hồn của người Đông Phương sau hàng thế kỷ đã thấm nhuần đạo đức triết lý của Thầy Khổng Thầy Mạnh dạy rằng « Vi phú bất nhân vi nhân bất phú », nên thà sống trong cảnh thanh bần họ nghĩ rằng, còn thanh thoi tâm trí hơn sống trên đồng vàng ?

Người VN giàu hơn người Mỹ, nước VN lại nghèo thua Hoa kỳ?...

Mặc dầu hấp thụ một nền văn hóa không mạnh, chỉ lấy đạo đức tình thương nhân loại làm nấc thang theo đuổi giữ vững tinh thần dân tộc toàn dân VN theo Nho giáo đều chỉ muốn sống trong đạo đức và không chịu sống giàu sang phú quý trên thân chết của loài người vì bệnh tật chiến tranh gây nên.

Thầy Mạnh Tử đã « sửa lưng » vua Lương Huệ vương chớ nên nói điều lợi và vua cần phải áp dụng điều nhân nghĩa bác ái, mới thấu đạt được nhân tâm.

Và, Thầy Khổng đã cho biết nếu muốn làm quân tử, trong cảnh nghèo túng chớ vội làm điều bất chính chỉ có tiêu nhân trong khi nghèo đói, mới làm điều bậy ác đức để có tiền nuôi sống.

Giữa một trạng thái quốc gia xã hội VN như thực trạng bây giờ trong khi khói lửa chiến tranh đang tàn phá quê hương yêu quý này đã đang có một số người nhờ thời cuộc giàu sang phú quý.

Nhưng trong lớp người VN giàu có đó không phải đều tuyệt đối như thế cả. Và phải xác nhận rằng một số người đã đổ mồ hôi dầm nước mắt mới tạo ra sự nghiệp giàu thế.

a.— *Người VN giàu hơn người Mỹ?* Đừng nói xa xôi, trên thực tế đang có nhiều người VN có xe hơi du lịch lộng lẫy đắt tiền chạy khắp các nẻo đường Saigon. Như thế tính trung bình mỗi người VN phải có một chiếc xe hơi nhà nếu không muốn các ông chủ hãng xưởng VN đều tất nhiên phải có 4 chiếc xe,

Một chiếc xe đắt tiền lộng lẫy để ông đi ngoại giao và đề gia đình trong chúa nhật ngày lễ đi ăn nem Thủ Đức và buổi biên hà và 1 chiếc Jeep và 2 chiếc xe dùng giao hàng chuyên chở nhân công cho hãng xưởng.

Tính như thế người dân VN đâu có đi bộ và nghèo như một số người lầm tưởng ?

Ngoài ra, thử nhìn vào các cao lầu tửu quán đại khách sạn ở Saigon Cholon và các nhà hàng nổi ở Bình Triệu cầu Băng ky mỗi chiều tối àv nhứt là những ngày lễ đều tràn ngập thực khách vợ đàu con đó xe hơi lộng lẫy — tận hưởng cuộc đời nhàn hạ giàu sang,

Mặc khác một số « người VN mới » đều dám ăn dám sắm nhà cửa xe hơi áo quần và vật dụng tiện nghi đều đắt tiền cả, hỏi rằng, như thế người VN có nghèo không ?

Và, trong khi ấy tại hiệp chủng quốc như đã nói trên đây theo tài liệu của tuần báo MevsWeek do tạp chí Selectivn phát minh tháng 6-1965 đăng tải cho biết đang có một số đồng người Mỹ Đen Trắng thất nghiệp khiếm dụng.

Xem thế người VN giàu hơn người Mỹ bởi người VN dám ăn dám xài nhờ làm có tiền nhiều trong khi thấy người Mỹ chỉ ăn đồ hộp và ít xài tiền chỉ tốn tiền bao các « em » thôi khi chưa muốn nói đến ảnh hưởng vòng đai Đô la.

b.— *Nước VN lại nghèo thua Hoa kỳ:* Dân tộc Mỹ đen Mỹ trắng nghĩ ra đều tốt phước hơn dân tộc VN nhờ đất rộng phì nhiêu nên trên mặt đất bao la đều là những thửa ruộng lúa mì vườn bông gòn và rẫy các hoa màu và dưới lòng đất lại còn có nhiều thứ mỏ.

Hàng năm, đất nước này khỏi bị giông tố bão lụt và núi lửa âm động đất tàn phá đời sống dân chúng Và nhờ tài nguyên như

thế đã khôn khéo tổ hợp các bác học gia quốc tế để khuyếch trương khoáng đại nền kinh tế khoa học dưới «nhãn hiệu quốc tế» để phụng sự cho quốc tế.

Vì thế đất nước Hoa kỳ tất nhiên giàu có Còn VN vì «quan niệm đi học làm quan» của Tính Nho nên tài nguyên xứ sở không được các nhà kỹ sư VN khai thác mới chịu nghèo và phải nhờ Hoa kỳ viện trợ.

Chứ nước ta có đầy đủ chuyên viên lẽ nào lại nghèo? và trước khi dừng bút tại nơi đây đề cầu chúc bạn đọc bốn phương một năm mới đầy hạnh phúc trong an lạc, vì chuyện đời làm sao nói tận cùng?

NGUYỄN-QUANG

Xuân Đinh-Mùi

1967

TAM VÔ

(Tiếp theo trang 67)

trang nghiêm, những bàn thờ tượng ảnh mà mọi người tôn quý. Đừng ngồi ngó cảnh tàn phá chém giết vô nhân đạo của ngoại nhân đối với Tô-quốc và dân tộc mình. Hãy cùng nhau bảo vệ lấy cái chính-nghĩa mà ông cha của ta cũng như các vị anh hùng dân-tộc đã tốn bao nhiêu xương máu gây dựng và để lại cho chúng ta. Nhưng! là Phật tử, trong khi bảo vệ chính-nghĩa chúng ta không nên nghĩ đến tư lợi hay công trạng, nếu cứ nghĩ đến tư lợi và công trạng tức là mắc mưu của ngoại nhân hoặc việc làm cao quý của ta, ta lại phủ nhận giá trị của nó, mà lại coi như kẻ làm thuê người đánh giặc mượn cho ngoại nhân để mong kiếm nhiều cặn bã dơ hèn của ngoại nhân ban thưởng. Trái lại, chúng ta phải nghĩ rằng chúng ta phải có thành động để bảo vệ chính-nghĩa, bảo vệ chân-lý mà chúng ta đã tìm thấy và đã tin tưởng như mọi người khác tin tưởng.

Chúng ta, không phân biệt Tăng, Tục, cần phải luôn luôn nhớ lời vàng ngọc của Cố Hoà-Thượng Quảng-Đức: «Tôi thiết tha kêu gọi chư Thượng-Toạ, Đại-đức Tăng, Ni Phật tử, nên đoàn kết nhất trí để bảo tồn Phật-giáo» đó cũng là lời dạy chống lại chủ thuyết «Tam-vô».

Vậy chúng ta phải; Cùng nhau quét sạch «Tam-vô». Đề cho dân Việt khỏi bị làm nô lệ.

TRƯƠNG-THIỆN

T
R
À
Đ
Ầ
Y
V
Ù
N
G
Y
Ê
N
T
I
N
H



Trà đậy vùng yên tĩnh
Đừng xáo động hồn tôi
Bên kia chân trời cũ
Người về có đơn côi

Trà đậy vùng yên tĩnh
Quê hương thấm mệt rồi
Gió ngàn xoay rừng rức
Thác lũ ngược dòng trôi

Trà đậy vùng yên tĩnh
Chim ngàn nhớ hoa xuân
Nhà ai vương khói biếc
Gót sông hồ bóng khuôn

Trà đậy vùng yên tĩnh
Cho thấm nụ hoa đào
Hồn quê ngừng lối nghẹn
Mây trời tiếp trăng sao

Trà đậy vùng yên tĩnh
Nhà ai vương khói biếc
Bà mẹ tóc sương
Hồn nhiên sưởi nắng đào

BÓNG LINH HỒN

C. C. Kiệt

— Vâng! ở đâu cũng có niềm đau khổ hết. Nhưng cô lau chắc không có! Tôi đồng ý với ông bạn là như vậy, như lời ông bạn nói đúng lắm, bọn phú hộ chúng nó luyện ái nhau, đau khổ với nhau, cũng như mấy thằng chúng tôi. Mấy thằng khốn khổ này bọn bị thương xót lẫn nhau, đau đớn với nhau...nhưng..ông bạn có thấy một vấn đề khác được đặt ra cho câu chuyện của chúng ta có nhiều điều trái của... cũng không hẳn là trái cự, không là tương phản nhau, nhưng nó bỏ túc thêm vào cái niềm đau khổ của sự tội tàn, khốn nạn của những hoàn cảnh khác nhau... Tôi nói không rõ ràng lắm. Đôi khi bạn trưởng giả chúng nó nhìn mấy người phu đã rác giống như những con ruồi nhặng, không biết gì là đau khổ vậy.(Đây là lời dẫn dụ của một người đàn ông khoảng chừng sáu mươi tuổi) mặt choét lại, mũi hơi quẹo xuống như một cái mỏ diều hâu chực mổ chiếc môi mỏng lét của hắn. Mặt

có hơi phì, vàng ửng của người ghiền rượu. Mắt y đỏ ngầu, như sắp ứa ra dòng nước mắt nóng, góm ghiết hơn nữa là những ghen những ghét dính lura thừa trên hai mí mắt của cá thòi lòi dấy) Y ta kéo vệt cái tà áo màu xám ngoách với hồ đưa lên lau sơ qua chiếc miệng. Hẳn là có điều gì cấm ức lắm, dồn nén lâu ngày nơi hai buồng ngực lép xẹp đang phì phòm ưỡn cong vòng theo chiều chiếc ghế xưa bằng cầm lai.— Ở đời nếu không có mỗi nơi một cái quán thì bọn mình buồn biết bao! Lão than thở một câu có chiều cảm động, lại biểu đồng tình với những người trong quán, khiến họ cảm thấy lời nói của lão thật chí lý. Và càng chí lý hơn nữa khi họ nghĩ tới những lời dẫn dụ kia với anh chàng cao dong dỏng, mắt trắng mọi hồng, nhưng tiêu tụy rách rưới ngồi đối diện trong góc quán. Anh chàng này có ánh mắt xa xôi luôn luôn nhìn theo áng mây ngoài cửa sổ.

Người đàn ông cổ làm một dáng điệu băng quơ, nhưng không dấu đi được vẻ đóng kịch không khéo nọ. - Không! tất cả, hết cả rồi... bạn sau thì, hề hề.. ề..:

— Lại thiếu nữa phải không? Lăn này sao? Có tiền hả? Đừng giả bộ say rồi bỏ qua nghe cha? lăn này nữa là.. thôi! Cũng được!!! Người chủ quán vội nhìn lên tấm kiến có vẽ hình con hạt bay trên một nhánh tùng. Trên đó có một câu chữ nho.. mà từ khi mở cửa hàng thật chớ này hẳn ta đã nhờ cụ đồ viết lên bằng mực tàu. Hẳn khoái chơi chữ lắm. Nhất là chữ nho... Thịnh thoảng hẳn nhìn lên dòng chữ đá nghiêng, xô ngược kia mà lăm rằm.. Tứ hải giai huynh đệ! tứ hải giai huynh đệ! khà, khà. Với chủ trương tứ hải giai huynh đệ đó hẳn đã mở ngôi hàng thật chớ này đề kết nạp thật nhiều bằng hữu.— Nơi nào có rượu thì nơi đó có. bạn. Bạn tốt lẩn bạn xấu... như cái lão... tư râu này.. thì quả nhiên là..là.. thứ ăn hại. Nhưng biết đâu,, hữu sự! Lúc hữu sự ma quý cũng giúp ta được điều tốt đấy! Đề xem. Lăm rằm nghĩ như vậy và bằng lòng để cho lão tư râu, thiếu thêm một châu rượu.. nữa vậy! Lão tư râu dĩ nhiên là biết được điều ấy, Lão hóm hình lăm. Đột nhiên lão chống cùi cay khom lưng tới trước mặt, hai ngón

tay kia se nhẹ-nhẹ hai ba cọng râu giống như râu để còm để nhủi. Cái biệt hiệu Tư-Râu này lão được người ta gán cho từ lúc còn-sống -bài-từ-sắc của mẹ Đợi. Người ta ghép lão và mẹ Đợi lại làm Một. Đó là điều khờ-sờ! Rất... đau xót mà chịu đựng điều này. Thực sự thì lão ta đâu có râu gì cho lắm! Người ta chế nhạo cái tật hay say đắm... của lão hồi còn khoảng ba bốn mươi tuổi đấy! Bỗng lão đứng chồm lên quây hàng :

— Này ông bạn, tụi mình có lẽ ... phải làm một việc gì ... một việc ... Lão bỏ những câu nói, vì chính lão cũng không có thể nói thêm một điều gì được... khi lão chưa hề nghĩ tới. Thật quá nhảm đối với người chừ quán tài-từ nọ.

— Thôi mà, có mệt thì về nghỉ đi. Lão chủ quán đã ngấy cái bộ vó bơi vôi đó quá rồi. Không lẽ lão ta lại hần-học lên thì không đúng điệu chút nào cả... lại không đúng với tư cách của một tinh thần... Tổng giang của lão.

— Sao lại mệt chứ... bao năm qua ta còn chưa thấm gì hưởng chi có vài ly rượu đế. Hà... bạn, bạn có thể cho ta nhậu một vài ly được đấy, tốt đấy... Nhưng bảo thằng Tư này mà... mệt thì quả là hại thằng này. Ta còn đủ sức đề kéo nôi mảng lưới đầy nhóc cá lên chiếc tam bãng, còn đủ sức đề lội qua sông kia mà.

— Hề hề, ề ề lội qua sông. Giỏi lắm!

— Ai, ai lại chọc ta đấy!

Một bọn năm ba người cũng trạc lứa tuổi lão tư râu. Một người trong bọn vừa trêu, nghe lão hỏi lại, hầu đáp ngay bằng một giọng đùa nghịch thường, vô hại:

— Tôi đây mà tư râu...: Tám Bún đây. Chào bạn lâu nay không gặp.

— Tôi hay lại quán luôn? — Tư Râu hạ thấp giọng đáp

— Phải...độ rày kẹt mấy công rày. Mình muốn nhường công việc lại cho mấy con nít nhưng chúng nó u-mê lém. Không cú sức..

đủ sức để kéo nổi chiếc gào sông hay gian nằng dầm mưa một buổi thì đã kêu sò mũi nhưc đầu. Mỗi ngày dường như chúng mỗi sinh lười thêm. Cứ sách vở l (Tám Bún nín một lát, quay ngời xuống chiếc ghê cắm lai cũ nọ, ngời bên cạnh hai người đàn ông làm rầy, cao lớn, nét mặt nông dân...)

— Bào sao? Nói vậy chứ sách vở hữu ích lắm chứ. Đòi nay đầu phải như xưa nữa... phải cho chúng ăn học chứ.

— Phải! Học! Sách vở! — Thật là kỳ cục. Tám Bún cứ nhắc đến hai chữ sách vở, dường như hẳn ta thù thâm tộc cái thứ sách vở nào đấy. — «Sách vở mãi! mình làm ruộng có cần gì! Nhà tôi lại nhà nông nữa chớ. thì sách vở có ích gì? Và lại tôi thấy tụi con của đám thầy giáo chúng nó lên Sài-gòn học-hành gì mà đưa con gái lớn...vừa uống thuốc ngủ tự-tử, nghe nói là chết... vì tình. Còn mấy đứa con trai bơ-thờ mặt mũi như ma cô ngoài đồng, ốm nhom ốm nhách. Có đứa hư hết hai con mắt phải đeo kính cận thị. Nhất là mấy đứa con gái của ông Đốc-sự ở bên Cầu-sắt, tụi nó lêu khêu lại mang kính che hết cái mặt...trời sinh ra chỉ có hai con mắt để ngó chọ nó thôngdong, tụi nó che kín mắt thì...còn ra về mặt mày gì được nữa hả?

Quán. Cả thầy vừa lão chủ tất có mười một người hầu hết đều cười ngất nga ngất ngưỡng, duy có Tư-Râu chỉ mỉm có một mép, tay se những cọng râu lại với nhau, hơi ức. Rồi nét mặt lão hẳn lại, cố giữ lấy im lặng. Trong thâm-tâm lão đã nung nấu lên những ý định phản đối và khinh thị. Lão quay mặt; phun đánh phẹt vào vách tỏ ý coi thường Tám Bún. «Hắn là một kẻ nhà quê... đúng phớt! Phải! Nhà quê chính hiệu con Nai. Ta cũng không nên cái-lầy làm gì cho mệt. Ta về ngủ một giấc cho sảng thân!»

— Ý định đó khiến lão lấy lại được về tự nhiên, nụ cười thoải thích nở lại trên vành môi, lừ ra khô khốc vì nóng hầm hơi để.

— Thế nào? Có Ba? Câu hỏi ác ôn của Tám Bún đấy!

Nhưng lão già đã đáp nhanh như dấu đi một niềm diêm nhục.

— Nó... như thường! Lời đáp nhỏ, thật mau như lão đang buông rơi một tờ giấy mỏng nơi bàn tay. Mặc dầu buổi trưa đang hắc hơi nóng từ mái ngói xuống, bốc khí rượu trong người ra hăm hăm về mặt, lão ta cũng lặng người, để rơi toàn thân xuống xuống chiếc ghế dài kê dọc từ ngạch cửa chạy đến quầy hàng. Lão im lặng ngồi ngó thẳng vào một cối nào, hay một vũng đen tối nào, lạ lùng như một người mất trí. Chung quanh lão những thị phi bàng quan đối với lão cũng chẳng ra gì. Chỉ có mối u uất thâm lặng, soi nhói trong buồng tim tay lão từ lúc nào bỗng đã run lên, xám ngoách mặt mày. Lão lăm lăm trong dáng điệu thật khác khờ. Tóc tai lão rử ra, mở tóc rối lại ngập mang tai, trông lão người ta nghĩ tới một người Maroc già nhớ quê hương hơn là một người Việt đã ba đời.

— Có gì đâu... ngẫm lại chỉ vì nghèo... Nó có thể tránh được điều đó mà nếu ta có dư chút đỉnh, nếu ta có được miếng đất để cắm dùi: Nhớ lại ngày trước. (Lão im lặng, ngừng hơi thở) nghĩ ra cho cùng Tạo hóa cũng có tội... Tạo hóa có khác gì ta... trăm điều tội ác, nghiệt ngập cờ bạc, bỏ phế lũ con gây nên cảnh... đọa lạc... Tạo hóa còn ác hơn ta nữa, Tạo hóa đã nín thinh.. còn ta... ta nhỏ nhoi quá, không cương quyết để dứt khoát được việc gì hết.. một thằng hèn mọn, tên hèn mọn hiếm hoi nhất trong cái làng heo húc này, sao.. mình lại có thể cắm dùi hoài ở một nơi không một kẻ nào thông cảm được vậy cả? Sao ta lại không dám nhát chân lên một lần, ta không dám liều lĩnh đi một lần. Sao ngu xuẩn, u mê quá. Ta có thể điếm tình, bỏ qua hết tất cả.. Hay là chừng mình hoài, hay là chừng mình mãi với một lũ còn u mê ám chường hơn ta nữa, để làm gì? Ích lợi gì. Cần gì chứ? Há! ủa, sao ta lại lẩn thẩn chớ. Ta lại mọc rề mãi ở đây, để mỗi ngày có thể nhậu thiếu một cốc rượu ư? thật điếm nhục.. nhưng! Thằng cung nữa, ta đã mọc rề rồi! Phải ta đã mọc rề rồi! Đi đâu được! Có thể ngày sau... ta sẽ đi... bằng nó. Bây giờ thì ta thử... ta nhẫn nhịn nữa vậy! (Điều khó giải quyết lại nung nấu thêm, chua xót và nhận chìm mãi lão xuống vực sâu) Nhưng...

đủ sức để kéo nổi chiếc gào sông hay gлян nắng dầm mưa một buổi thì đã kêu sỏ mũi như trâu. Mỗi ngày dường như chúng mỗi sinh lờì thêm. Cứ sách vở ! (Tám Bún nín một lát, quay ngời xuống chiếc ghế cặm lai cũ nọ, ngời bên cạnh hai người đàn ông làm rầy, cao lớn, nét mặt nông dân...)

— Bào sao? Nói vậy chứ sách vở hữu ích lắm chứ. Đời nay đâu phải như xưa nữa... phải cho chúng ăn học chứ.

— Phải! Học! Sách vở! — Thật là kỳ cục. Tám Bún cứ nhắc đến hai chữ sách vở, dường như hắn ta thù thâm tộc cái thứ sách vở nào đấy. — «Sách vở mãi! mình làm ruộng có cần gì! Nhà tôi lại nhà nông nữa chớ. thì sách vở có ích gì? Và lại tôi thấy tụi con của đám thầy giáo chúng nó lên Sài-gòn học-hành gì mà đưa con gái lớn...vừa uống thuốc ngủ tự-tự, nghe nói là chết... vì tình. Còn mấy đứa con trai bơ-thờ mặt mũi như ma cỏ ngoài đồng, ốm nhom ốm nhách. Có đứa hư hết hai con mắt phải đeo kính cận thị. Nhất là mấy đứa con gái của ông Đốc-sự ở bên Cầu-sắt, tụi nó lêu khêu lại mang kính che hết cái mặt...trời sinh ra chỉ có hai con mắt để ngó cho nó thôngdong, tụi nó che kín mắt thì...còn ra về mặt mày gì được nữa hả?

Quán. Cả thầy vừa lão chủ tất có mười một người hầu hết đều cười ngất nga ngất ngưỡng, duy có Tư-Râu chỉ mỉm có một mép, tay se những cọng râu lại với nhau, hơi úc. Rồi nét mặt lão hẳn lại, cố giữ lấy im lặng. Trong thâm-tâm lão đã nung nấu lên những ý định phản đối và khinh thị. Lão quay mặt; phun đánh phẹt vào vách tò ý coi thường Tám Bún. «Hắn là một kẻ nhà quê... đúng phước! Phải! Nhà quê chính hiệu con Nai. Ta cũng không nên cài-lây làm gì cho mệt. Ta về ngủ một giấc cho sướng thân!»

— Ý định đó khiến lão lấy lại được về tự nhiên, nụ cười thoải chích nở lại trên vành môi lừ ra khô khốc vì nóng hầm hơi ế.

— Thế nào? Cô Ba? Câu hỏi ác ôn của Tám Bún đấy!

Nhưng lão già đã đáp nhanh như dấu đi một niềm diêm nhục.

— Nó... như thường! Lời đáp nhỏ, thật mau như lão đang buông rơi một tờ giấy mỏng nơi bàn tay. Mặc dầu buổi trưa đang hắc hơi nóng từ mái ngói xuống, bốc khí rượu trong người ra hăm hăm về mặt, lão ta cũng lạnh người, đề rơi toàn thân xuống xuống chiếc ghế dài kê dọc từ ngạch cửa chạy đến quầy hàng. Lão im lặng ngồi ngó thẳng vào một cối nào, hay một vũng đen tối nào, lạ lùng như một người mất trí. Chung quanh lão những thị phi bàng quan đối với lão cũng chẳng ra gì. Chỉ có môi u uất thăm lặng, soi nhói trong buồng tim tay lão từ lúc nào bỗng đã run lên, xám ngoách mặt mày. Lão lăm lăm trong dáng điệu thật khác khổ. Tóc tai lão rủ ra, mớ tóc rối lại ngập mang tai, trông lão người ta nghĩ tới một người Maroc già nhớ quê hương hơn là một người Việt đã ba đời.

— Có gì đâu... ngẫm lại chỉ vì nghèo... Nó có thể tránh được điều đó mà nếu ta có dư chút đỉnh. nếu ta có được miếng đất để cắm dùi: Nhớ lại ngày trước. (Lão im lặng, ngừng hơi thở) nghĩ ra cho cùng Tạo hóa cũng có tội... Tạo hóa có khác gì ta... trăm điều tội ác, nghiệt ngập cờ bạc, bỏ phỡ lú con gây nên cảnh... đọa lạc... Tạo hóa còn ác hơn ta nữa, Tạo hóa đã nín thinh.. còn ta... ta nhỏ nhoi quá, không cương quyết để dứt khoát được việc gì hết... một thằng hèn mọn, tên hèn mọn hiếm hoi nhất trong cái làng heo húc này, sao.. mình lại có thể cắm dùi hoài ở một nơi không một kẻ nào thông cảm được vậy cả? Sao ta lại không dám nhát chân lên một lần, ta không dám liều lĩnh đi một lần. Sao ngu xuẩn, u mê quá. Ta có thể điếm tỉnh, bỏ qua hết tất cả.. Hay là chứng minh hoài, hay là chứng minh mãi với một lũ còn u mê ám chướng hơn ta nữa, để làm gì? Ích lợi gì. Cần gì chứ? Há! ủa, sao ta lại lẩn thân chớ. Ta lại mọc rề mãi ở đây, để mỗi ngày có thể nhậu thiếu một cốc rượu ư? thật điếm nhục.. nhưng! Thằng cung nữa, ta đã mọc rề rồi! Phải ta đã mọc rề rồi! Đi đâu được! Có thể ngày sau... ta sẽ đi... bằng nó. Bây giờ thì ta thử... ta nhận nhin nữa vậy! (Điều khó giải quyết lại nung nấu thêm, chua xót và nhận chìm mãi lão xuống vực sâu) Nhưng...

phải! Tốt hơn hết là đừng đổ tội hoặc kết tội cho ai hết, cả tạo hóa nữa. Nhưng... nếu có thể được thì mình cũng... ráng mà chịu! Lão chột rùng mình, bợn giọng đứng lom khom dậy, bỏ đi ra ngoài. Bóng lão in cụt ngắn xuống con đường trải đá: Nắng như sôi lên tự một lò nấu trên không đồ úp xuống, mồ hôi và ra ướt áo, nhất là chiếc áo bành tô, mùi nó bốc lên khiến chủ nó cũng khó thở hắt hơi quay ngước mặt để tìm thờ đến một luồng gió lạ nào thổi luồng qua. Lúc này trời thiếu gió, chỉ có nắng. Mặt nước sông phẳng như tấm gương trong ngần, nắng chấp chới ở đó phân chiếu thành những tia khúc xạ đủ thứ màu sắc trước mắt lão. Trong quán có tiếng cười đùa chột nôi lên. Đứng phất lại, lão xoay nhanh lăm nhăm rửa xả mấy tên u mê ám chướng. Tiếng cười đùa đó như đuổi theo những bước đau nhói, loạn choạng của lão tư rầu. Lão đi thật mau, nói cũng thật mau: « Ăn mày! thật! ăn mày! Có thể nào ta lại vất được cái bản mặt nặng nề ác nghiệt này ra quán được nữa không chó? Sao ta không thể ngồi một xó nào đó, khác hơn là cái quán mắc dịch nợ. Cái quán đây những phần xanh phần đỏ. (Dừng một lát ngoài nắng, lão lại đi, và nói nhảm) chứa... toàn là nợ. Sao chúng có thể để lẫn được mấy câu chữ của thánh hiền vào đó hở! Mấy câu chữ nho trộn lẫn với mấy câu... a... à nào là: quán này không bán chịu... quán này là quán thịt chó ngon nhất... Sao lại thịt chó? Sao lại không bán chịu? Sao lại... Từ hồi giai huynh đệ? Và cả ta nữa... đấy, cái quán: Nó bày đây rầy ra đấy, ngon thực, đáo để là ngon... tốt đẹp thực... bốn bề điều là anh em... mà cũng sao? Cuộc đời phải thế chứ, phải... nơi đó người ta buôn bán hết, tốt lành gì? Lại bán mặc nữa chó! Đều! lại mời mọc... bôi vôi!

Lão đứng trợn trượng ngoài trời nắng xục-xạo trong tận cùng căn đề của một thứ ý-thức bi tráng về đời sống đề tự vừa sĩ và vừa an-tủi vừa bằng lòng với chính mình. Nắng đổ lửa làm lão ta quán mắt. Chớp nhanh rồi lại bước vài bước loạn-choạng. Lão đứng lại ở một bóng mát của một tàng cây, loài mận lâu năm mọc trùm bóng de ra giữa đường sỏi. Lão chột đứng im lìm. Nhìn ra ngoài khơi. Nắng chói rục soi trên dãy mây trắng chạy ngang với làn sóng

ở chân trời. Mắt lão chớp-chớp, ngồi xuống thở phào một hơi. Lật bầu áo bành-tô, để lộ cái áo thun màu vàng góm ghiết rách tươm như những mảng lưới mục nhuế nhại mồ hôi của lão ra, lưng dựa vào gốc mạn. Một miền sản khoái tràn lan khắp đầu chân ngón tay, lão nhíp chân xuống chiếc cầu dừa bên dưới. Ngoài xa, mút tầm mắt lơ thơ vài cánh bướm, sóng quá nhẹ, trời thiếu gió, sức người hiếm có chẳng biết sẽ chèo chống đến đâu giữa giòng sông bao la trời nước nọ. — « Nếu ta đứng ngoài khơi, nếu có một trận gió lớn, sóng dậy lên ngất trời... chèo chống mỗi mê, có lẽ, còn thú hơn. Thật chứ, còn thú vị hơn là cứ lét nhét với bọn nhà quê đó... Cả loài chim đang bay đó cũng vậy... có lưới, có bầy rập chứ, thú bầy rập khôn kiếp của lũ nhà quê đó, cứ giăng ra bắt mãi lũ chim trời. Nhưng... nào có khác gì những bầy rập của con người đâu... cứ hợm,.. chờ nhau, xãy chân là hè nhau... trì kéo! Nghĩ ra thì loài chim một khi đã tung cánh lên trời thì.. phải biết! Bầy rập ở dưới đất có nghĩa gì đâu... Này chim ơi! Bay tuốt mù đi, rồi đậu trên trên núi cao... đậu mãi trên đó, mặc tình giòng gió sấm sét...: Đừng bao giờ xuống nữa. Mặt đất đầy cạm bẫy, loài người khôn nạn lắm !!! Chỉ có.. à chỉ có Đức Phật thôi! còn tất cả... bọn chúng chia ngôi... bọn nhà quê luôn luôn giăng bầy, bủa lưới... bắt đem bán cho bọn trưởng giả chúng nó nhậu ráo cả... hơi chim, loài người của thời mạt-hiệp này như thế đó.., hãy mang tiếng hét lên tận tít mù kia mà hét với sao hôm sao mai.., đừng, đừng bao giờ xuống nữa... dù có chết ở trong sấm sét và sa mù....

Bấy giờ bàn tay lão bỗng nghe tê-dại. Lão chống tay vào rễ cây mạn trời lên trên mặt đất lồm chồm những sỏi đá. Nước tràn lênh-láng dưới chân, thấm vào chiếc vớ từ cái miệng há ra của đôi giày hàm ếch hằng thế kỷ, nhột-nhột nghe thật khó chịu, lão ta rút

chân chống gối nhòm lên. Lão ngồi yên độ một khắc rồi quay về. Trên đường buổi trưa dầu bốc hơi nóng hầm thêm, nóng chảy mỡ, nhưng khoái trá được điều gì mà lão vừa đi vừa cười hi-hi. Lão cười suốt quãng đường sỏi cho hẽm vào nhà. Khi đó thằng Cung đang ngồi chồm hòm trước nhà ngó chậu cá thia-thia tàu, thấy ông ngoại về, vội chạy vụt ra kéo tay, níu chân bảo: — kìa! ông ngoại thấy gì không?

Lão tư râu đứng sững nhìn theo ngón tay trở thẳng bẻ. Lão ta trở mặt ngạc nhiên, trên chiếc gạc nai mắc ở vách, tồn ten một cây bóng nhoáng. Đó là một thứ gậy đầu rồng của người thợ chuyên môn nào đã lộng ra. Lão tươi hẳn nét mặt: « ờ, con nhỏ! con nhỏ nó hiểu tao đó! Lớn tuổi rồi... tao chỉ ao ước mỗi có vật này thôi. Má mày về phải không, Cung? — Dạ! không! — Thế của ai? — Dạ, của má con gọi về cho ông ngoại. Đầu, ông ngoại chống thử coi! — Nó sẽ là bạn tao... quý lắm, tốt lắm! Má mày hiểu tao đó Cung à! Lão lại làm-nhảm: Già rồi! Tao yếu rồi mà... bọn u-mê ám chường nó tưởng ta cần... danh dự lắm sao? Chỉ có con ta thôi, nó hiểu ta hơn hết. Nó xứng đáng là đứa con hiếu thảo lắm... nó biết là... ta cần chiếc gậy này... (lão sờ tới chiếc gậy, đỡ lên đem lại bàn, gọi thằng Cung tới vỗ đầu nó, hỏi) — Thư của má mày đâu? Đọc ông nghe coi? nhưng lão ngậm-ngừ một lát. Rồi lại nói:

— Thôi được rồi! Đưa thư má con đây! Đi kéo ngăn tủ lấy chiếc kiếm cho ông, biết không con... ở cái tủ đựng quần áo, tao để trong đó.

— Thưa Ba của con—thư của con gái lão từ Sài Gòn gọi về—Ba tha lỗi vì con không thể về thăm Ba trong vụ nghị hệ này được. Ba biết tại sao không? Khó nói quá. Vấn đề gia đình

(xem tiếp trang 92)

Thuốc bổ máu bồi bổ cơ thể Ngũ Tạng Tinh La Vạn Linh

Tri: Các bệnh thiếu máu, suy nhược; mệt mỏi, biếng ăn, lao tâm lao lực, gây yếu, đau lưng, đau mỏi khớp. Phụ nữ kinh kỳ không đúng, khí huyết suy kém.

Các chứng ho Ho khan, ho có đờm, ho phong ran tức ngực, ho lâu ngày, ăn ngũ không được, gây yếu mệt mỏi, ho về đêm, ho suyễn. Sản phụ ho đờm không dứt cần trị với:

Phê Tạng Bửu *La Vạn Linh*

(Có đề bán ở các tiệm thuốc Bắc)

Tổng phát hành: số 532, **Đông Khánh** — CHOLON

(K.N. số 609-607 ngày 18-12-63)

Cơ thể bải hoại, thận yếu Hay dài đêm, nhức đầu, mệt mỏi đau lưng, đi, đứng, hụt hơi, sinh lực suy kém, dùng

Thuốc bổ thận **THẬN-TRUNG-BỬU LA-VẠN-LINH**

Các chứng bệnh Tả thấp, đau xương, nhức gân, tê bại oải gân, đi đứng khó khăn, ngoại da tê lạnh, tê đầu ngón tay ngón chân, tê rần nửa thân mình, đau lưng, nhức mỏi. Già cả ban đêm đau mình khó ngủ, các chứng Phong thấp nên dùng thuốc

Hoàn KIỆN ĐƠN *La Vạn Linh*

2 loại: hoàn mật và ngâm rượu (có đề bán ở các tiệm thuốc Bắc) Tổng phát hành số 532 Đông Khánh CHOLON. K. N. số 605-603 ngày 18-12-1965

Đau gan, yếu gan Nhức đầu, mỏi ngũ, ăn không ngon, chậm tiêu hóa, nổi mề đay, nổi mụn ở mặt, nóng trong mình, bốn uất ban ngứa, vàng da,

dùng thuốc **TRỊ BỆNH GAN QUẢNG AN HÒA**

(Số 1 đề TRỊ GAN và số 2 đề BỔ GAN)

(Có bán ở các tiệm thuốc Bắc) K.N. số 605-608 ngày 18-12-63

AI ĐÃ BỊ BỆNH ĐAU TIM

Thường hay bị hồi hộp, chóng vàng xây xam, mệt lả ngất xỉu, hay mệt bất thường, về đêm bị mất ngủ, giật mình sợ hãi, suy yếu thần kinh

nên dùng thuốc **BỔ TIM QUẢNG AN HÒA**

đề trợ tim an thần. (Có bán ở các tiệm thuốc Bắc). K. N. số 616 ngày 18-12-1963

Ho! Siêng! Các chứng Siêng kinh niên, ho cảm, ho đờm, ho khan, ho rang tức ngực, ho nhiều ban đêm ho lâu ngày, ho sản hậu, dùng thuốc ho **Quảng An Tiên**, (Có bán ở các tiệm thuốc Bắc) T.P.H.

Nhà thuốc QUẢNG AN HÒA 169 Lê văn Duyệt SG KN. 613 - 18-12-63

BỆNH PHONG THẤP TÊ BẠI

Đau nhức khớp xương, nhức mỏi đầu thốc ngang lưng, dùng thuốc

T.P.H. Nhà thuốc Quảng An Hòa 169 Lê văn Duyệt Saigon

K. N. số 611 ngày 18-12-63

Nói đi em

(Trao cho N-A)

Nói đi em !
Còn ngại gì nữa ?
Thành phố đang ngủ ;
Đang say sưa trong giấc mộng triền miên
Chỉ có anh với em,
Và ánh trăng mờ nằm uể—oải !
Cảnh vật ngủ quên,
Nói đi em !
Đừng ngại gì nữa ,
Cả làng quê đều tắt lửa ;
Chỉ còn đóm- đóm lập loè.
Nói đi em!
Anh sẵn sàng nghe;
Dù kể chuyện quê hương mình tan nát.

oOo

Trời đêm nay dường như trong và mát,
Hơn tối hôm qua;
Tuy chưa nhìn rõ sơn--hà,
Bờ vầng trăng chưa nguyên hình trang điểm!
Nhưng góc tối, những vòm mây lạng tím;
Âm--thanh buồn chen tiếng gió thê lương
Anh biết lắm !
Em đang nhớ quê hương:
Đêm già biệt trong tình thương yêu quý.

Anh cũng thế, chúng ta cùng ý nghĩ:
Nhớ quê hương, tình đất mẹ thiết tha;
Anh đang nhìn thấy nẻo quê nhà;
Khói chôn, tửa giãng những con đường bệnh hoạn!
Máu dân—tộc ngày đêm loang—loáng;
Trên cánh đồng, sườn núi, trên biển cả bao—la!

Nói đi em!

Sao mắt em như vương màu khói lửa?

Sao mắt em như vương ánh sương chìm

«Em đang ngồi trong bóng tối lặng im;
Là có nghĩa nói cho anh tắt cả»

Anh mơ ước ngày mai chung một ngã.

Trên đường về tươi sáng cửa giang sơn;

Đẹp tan chinh chiến,

xóa bỏ oán hờn.

Anh làm thơ ca mùa chiến thắng.

Em xếp từng chiếc áo nhuộm phong sương.

Chúng ta nhìn nhau thắm bảo tình dân tộc

Cùng nhau về chung sống đất quê hương

Macthenhan

Bóng Linh Hồn

(Tiếp theo trang 88)

của con đó ba à!

— Tại sao thế hử!(lão tự hỏi)-À tại sao mà con gái không về thăm mình được..? Phải! Chắc thế(lão trầm ngâm mồm iát)- Tội nó quá! Chỉ vì ta đẩy thôi. Ta hiểu duyên có rồi mà. Từ bao lâu rồi mà,, Làm thế nào được. Con, lần cháu— Lão ngồi dựa ngửa lưng vào ghế một lát. Im lìm. Thăng Cung biết tính ông ngoại, sau khi đưa thư cho ông nó đã lên tuốt ra ngoài đầu cầu ván, ngồi đánh đáo lạc với bọn trẻ... Lão kể chiếc gậy gỗ nh. lạch cạch vài cái xuống nền nhà được lót bằng gạch tàu và ngẫm nghĩ:- Nó có thể không nghe lời mình, được thế thì thật là đại phúc nhưng dù sao cũng dĩ lỡ, rồi đổ tội cho sự nghèo,, có lẽ một ngày nào... một ngày nào đó, sẽ tới mà,, nhưng tức nhiên là thăng cung nó biết một chút, hay là nó có thể theo mẹ nó cũng được. Đời sống chã ra gì, chã ra gì ráo.. khi mà cái mó tóc không còn dựng ngược lên lúc nộ khí xung thiên nữa,, đã già như lau khô rồi còn gì? Mà ta đọc tiếp thư xem nó nói gì vậy? Nếu là những lời an ủi tuổi già của ta thì chán quá, chán ngấy lên được... cứ những bức thư như vậy... điều cần là nó đã gởi cho ta, nó đã biểu cho tia nó chiếc gậy, ít ra phải, ít ra nó cũng biết nghĩ đến lão già vô dụng này... Lão lại lần nhăm đọc hàng chữ xiêng, mong manh éo lã trên tờ giấy gạch hàng đôi của học trò.

— Ba của con ơi! Ba có nhớ những ngày Ba với con bên cửa không? Ba có nhớ lúc đó không...(Nhớ — nhớ làm gì cả?— lão

lâm bầm) Ba có nhớ ngày nào hai cha con mình rách tươm ra, mỗi ngày tìm một đồng bạc để mua dưa cải chấm muối ăn cơm; Ba thì mặc chiếc quần bằng bố tồi.. Ba đòi đi làm một việc mà con nghe bàn tới đã ôm mặt khóc òa lên... Hờ Ba? Ông già đọc tới đây bỗng thở dài một hơi, lại nhìn chiếc gậy.. làm nhâm con bé này lạ chưa? Vì sao nó lại nhắc nhở điều ấy? Nhắc làm gì cái việc đã qua rồi. Ai lại chẳng có lúc cùng khổ, miễn là ta vui sướng thôi chứ?— Lão im lặng một hồi, xoay chiếc gậy lộp cộp trên chiếc bàn gỗ lim, đúng là một thứ gỗ già dạn lên nước bóng nhoáng... trông cũng đã lỗ rỗ những lần ngang dọc, đã bị lốm đi, mất mát nhiều thớ thịt, một chiếc chân đã gãy lià trong thời chiến nam bộ. Lão ta đã khiêng gập rút dẫu cùng với cái tú đứng và mấy cái ghế đầu. Tất cả đồ vật bày biện trong nhà không có gì, nhưng nó hiện ra đó nhắc gợi lại một thời kỳ sung túc nhất của gia đình lão Tư. (Bây giờ ta hãy gọi là lão Tư cho có vẻ chừng chạc đàng hoàn một chút). — Vàng! Ít ra ta cũng có lúc sung túc chứ! Bộ vớ say rượu khệnh khạng lại được dịp buông thả xem lão ta thú vị hết cỡ nói chiếc đầu gậy gỗ liên tiếp xuống nền gạch, dội lên một thứ âm thanh của đất và gỗ: nghe lạ tai gây nên cảm giác thích thú đối với lão ta. Nghiêng một bên mép tai, trừng mắt nhìn theo điệu một người đọc sớ. Lão ta lại lầm rầm đọc, chiếc kiến đã trệ xuống ở đấng sống mũi điều hầu họ!

— Thưa Ba, sớ dĩ con xin gợi lại những gì của thời xưa, là vì con không muốn cha con mình sống cùng quần như ngày nào ấy nữa (Nghĩa là lúc này nó lại e sợ chứ gì! Ta biết mà. Thời chiến tranh mà!) Con muốn Ba hãy nghe lời con. Ba đừng bận bịu với mấy mảnh đất nhà quê... Hừm! nhà quê! Sao nó lại giống ta như vậy?

Tụi nhà quê này, ta muốn bỏ chúng mà đi từ lâu, ta chán chúng lắm rồi. Bọn nhà quê bây giờ cần phải giáo dục lại..., chúng nó mới được... (Lão lắc lư cặp kính trước mắt đăm chiêu một lát như một nhà mô phạm đang tìm một phương pháp nào để cải cách cái xã hội nông thôn tạp nham trước mắt, và nhất là những lời bất bệ thường ngày, những điều cợt trắng trợn mà những người nhà quê từng... xem thường lão ta.

Sau khi dùng cơm xong, uống một ngụm nước trà bằng bông ngâu vãng, lão vừa phe phẩy quạt. Vãng trán mồ hôi lão Tư đưa ngang chéo khăn tắm lên quạt sơ qua, tâm thần lão đang xao xuyên những ý định lên đường... Lão nghe thật khờ sở, lão biết chắc chắn rằng sau thời buổi này lên Saigon sống là rủ tất cả những gì để lại là mất mát nhiều điều hệ trọng, nhất là đời sống dù sao cũng an nhàn quen thuộc của lão. Điều đầu tiên là lão xa nắm mộ của bà ngoại thẳng Cung. Có ý định lên đường lúc đó người ta mới cảm thấy rõ ràng trọng hệ nhất những giá trị gì đã trì kéo lâu ngày chầy thảng cuộc đời bình yên của họ. Những giá trị thật bền chặt, khó rứt ra, những giá trị thực sự nhiều khi còn có ý nghĩa hơn cả cuộc đời của lão ta. Bấy giờ lão Tư mới chợt nhận ra rằng lão còn đủ sức sống không phải là vì tương lai mà vì một thứ kỷ niệm sâu xa, đậm tình nhất của thời xưa. Điều đó gợi lên nỗi buồn hoang vắng như buổi chiều nay. Lão ngồi trôn, nhưng nung nấu trong lòng nhiều điều khó nghĩ, Lão dở đoạn cuối của bức thư, từ trong túi áo bành tô ra đọc lại: lời thơ như gợi từng nét đau đớn của con gái cứng hiện ra, gợi lên sự gần gũi ấm nồng từ tấm bé. sự nhớ thương con dần vặc. Lão thương xót cái gương mặt con gái hiện lên trong ảo giác nhưng rồi nếp sống quen thuộc khiến lão lắc đầu thở phào ra. Tiếng thở như một lời từ chối; như một lời an ủi, hơn nữa, như một lời ru con, và

về con ở nơi xa — Ba không thể rời bỏ được đâu con ơi ! Con biết là Ba thương con hơn hết trên đời, thương và quý con lắm, con cưng của Ba ! Ba muốn tức tốc lên gặp con ngay chiều nay. Ba muốn biết hiện giờ con đang làm gì ? Con đang mong ba có lẽ ? Nhưng con yêu quý con có thể trách ba được, được lắm chứ ? Vì... con có thể hiểu lầm ba lắm... Không đâu, con yêu quý mến thương của ba... của người cha đầy rẫy những tội lỗi,

— Nghĩ ra tạc rủa tội hay đấy... cha mẹ sinh con đều có tội.. tội lớn lắm, dù cho có thương con vô cùng cũng không thể nào xóa đi được tội lỗi của mình đâu ! Bây giờ ta mới cảm thấy được chỉ lý điều đó. (Lão tự nhảm)

— Ba muốn con đừng hiểu lầm... ba ! Tất cả hành động của con... không phải do con đâu, mà do người cha tội lỗi này đây. — Lão gằn giọng nhấn mạnh lại dường như niềm đau khổ, khổ nạn đan dúi mũi trong tim, đang bốc dậy thành lời nói đó. — «Không đâu cha sẽ gánh chịu hết các tội của con, của cháu... vì cha cả ! Nếu ngày trước, đục vọng không làm cha mù lòa, tính tốt ngăn cản không cho ba làm điều càn dỡ... cái tính tốt nọ, đều có trong con người, nhưn tiếc thay, nó lại hiện lên chỉ ở trong ý nghĩ, những lúc ta hối hận Phải lắm ! vì ta yếu đuối, sa ngã, ta không một lần nào tỏ ra cương quyết trong suốt đời sống lặn dạn của ta... đến bây giờ !!! — Lão dựa lưng vào ghế ngó thẳng vào khoảng không, nền trời đục, báo hiệu một trận mưa lớn, có lẽ... mưa hoai, mưa mãi... mưa không thôi đã

— Con gái ta nỡ sẽ, nghĩ thế nào... nếu ta không đi. Thực ra ta có tiết gì cái làng mạc xóm này... Người ta còn có thể đi Tân đi Mỹ... người ta còn có thể không bao giờ đi mà... thích hay nể đến chuyện làng quê thì mình chỉ lên xe, một đôi giờ là tới ngay Saigon, sao lại thấy xa lạ như thế ? Buồn bà như vậy kia? Lạ chưa

con người của mình còn quê... hơn lũ nhà quê chúng nó nữa. Biết đâu cái thằng ốm ngồi đối mặt với mình ban trưa nó chẳng đã đi Saigon rồi? Có thể đi rồi về chứ ở luôn thì khó lắm! Con gái ta nó cũng biết như vậy. Ta lên Saigon cũng như một tên tù bị giam lỏng vậy, bó gối nằm nóng nực ở nhà biết đi đâu?

Nỗi buồn mờ mịt giăng quanh lão, quấn quít như tơ nhện rối rít trong tâm trí lão, khiến lão lay quay những ý nghĩ khó giải quyết, và càng báng bổ lấy tâm thần khổ sở đó, trĩu trĩu lão muống một cõi hoang, trống lạnh, lẻ loi vô cùng. Lão quay vào nhà đến bàn thờ người vợ, với tay tìm quẹt, châm lên hai ngọn nến. Lão im lặng như người mất thần, đứng trơ trước tủ thờ. Ánh nến lộng hình lão chập chờn, chiếc bóng lay lắt trong vách như một hình bóng người chèo thuyền gặp sóng. Hai mắt lão đứng tròn, tai lão nghe từ xa xôi nào vọng đến lời cầu nguyện khổ đau — kính thưa Tôn sư! Tôn sư diu dắt cho linh hồn con thoát khỏi nững tru phiến. Lão nghe rõ ràng lời đọc kinh cầu của chính lão ở một ngày nào đấy còn vang lại:

biều trần, khổ với — với trời nước

đnh thái dương rơi trước phương Đông...

Đó là lời kinh của Cao Đài, lão đã thuộc từ lúc người ta bắt đầu dựng lên đạo này trong làng quê, lão nghe mơ hồ tiếng vọng của người vợ nghẹn ngào, lòng đau khổ bừng dậy, hồi kinh cầu lại được dịp nghẹn ngào bốc hơi, mang mang lời huyền diệu, siêu thoát. Độ một hồi lâu, lão khẽ châm ba cây nhang, khấn vái rồi cặm lên bàn thờ người vợ... Tâm thần lão hướng đến một bờ bến nào chìm lắng trong bầu khói sương mờ mịt. Nơi đó... « Phải! nơi đó những người thân yêu đã mất sẽ quần tụ lại, có tiếng cầu kinh, có hương khói linh hồn, và rú hst những đau khổ chờ đợi ở kiếp trần trời đời này!